

FORUM

Ngoại giao

Nhà Trắng, Quỹ tiền tệ quốc tế

và
Việt Nam



Bài báo New York Times ngày 12.4 với bản “tài liệu mật” về tù binh chiến tranh (xem bài của Thành Tín trong số này), đã phần nào làm lu mờ tin chính quyền Clinton đang tích cực xem xét lại chính sách đối với Việt Nam, trước cuộc họp của Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF) vào cuối tháng 4 này. Pháp, Nhật, Đức và nhiều nước khác đang gây sức ép để Hoa Thịnh Đốn chấp nhận không phủ quyết quyết định của IMF bình thường hoá quan hệ với Việt Nam. Quyết định này nếu được thông qua sẽ cho phép những tổ chức tài chính quốc tế như Ngân hàng thế giới (WB), Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB) thực hiện các chương trình cho Việt Nam vay vốn để phát triển, theo những đề án xây dựng hạ tầng cơ sở mà các chuyên viên của IMF, WB đã nghiên cứu từ nhiều năm nay.

Theo hồ sơ đặc biệt của Tạp chí Kinh tế Viễn Đông (FEER 22.4.93) về vấn đề này, Ngân hàng thế giới có thể cho vay với những điều kiện dễ dãi từ 300 đến 350 triệu đô la mỗi năm cho các công trình về giao thông vận tải, năng lượng, viễn thông, thuỷ lợi... Ngân hàng Phát triển châu Á đã nghiên cứu các công trình cảng cố hệ thống để điều bảo vệ Hà Nội, đổi mới mạng lưới điện ở thủ đô, nâng cấp cảng Sài Gòn và hệ thống cung cấp nước thành phố Hồ Chí Minh, sửa chữa và xây dựng lại đường quốc lộ số 1. Ngân hàng cũng có một dự án giúp Việt Nam đào tạo giáo viên và cải thiện các trường lớp. ADB sẵn sàng bỏ ra hàng năm từ 200 đến 250 triệu đô la để góp phần thực hiện những dự án nói trên mà tầm quan trọng không chỉ ở những số tiền mà WB hay ADB có thể cho Việt Nam vay.

(xem tiếp trang 7)

MỤC LỤC

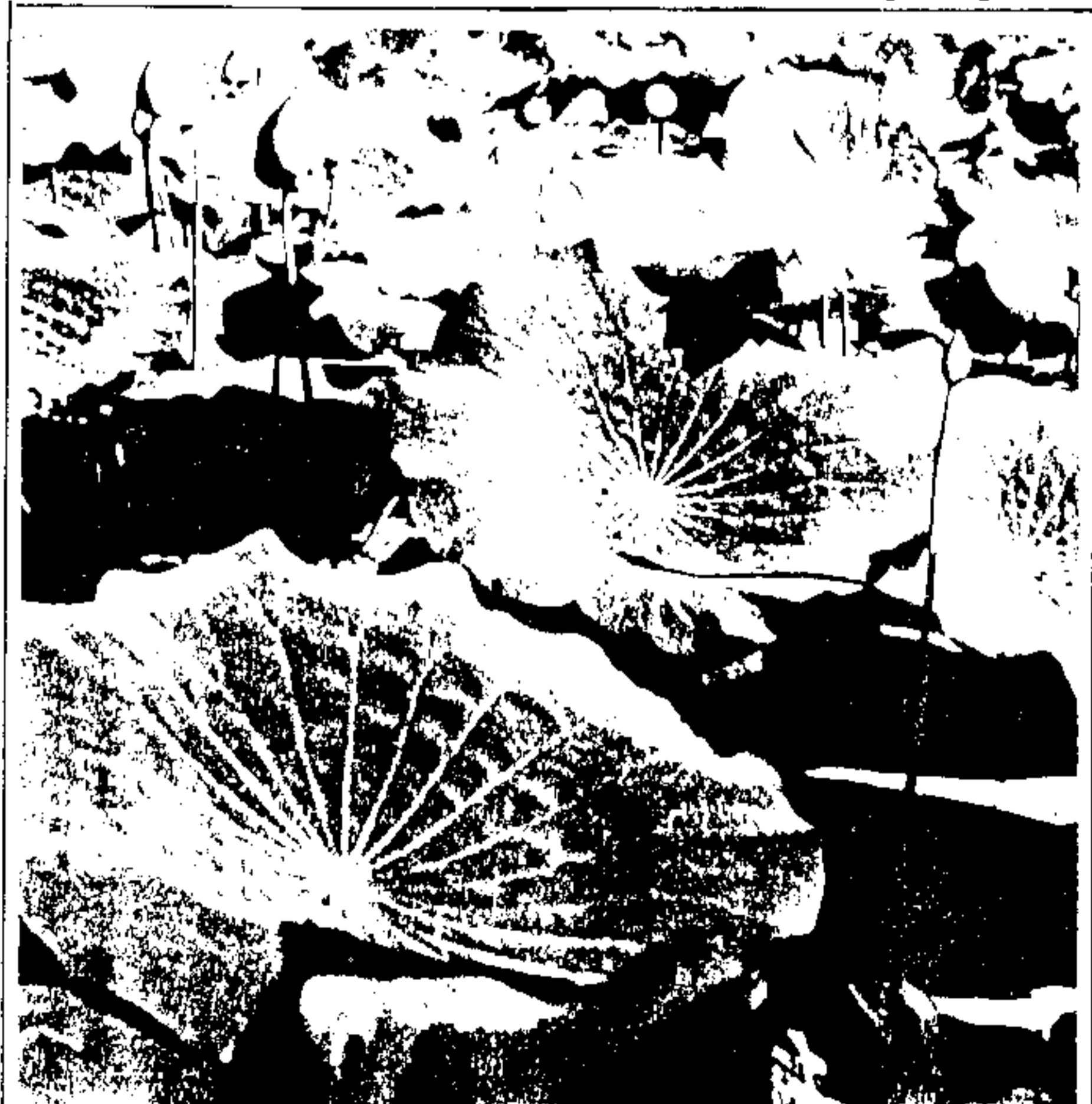
2. Bạn đọc và Diễn đàn

Thời sự

1. Nhà Trắng, Quỹ tiền tệ quốc tế và Việt Nam (Hoà Vân)
2. Trần Đức Thảo từ trần tại Paris
4. Đoàn Việt Hoạt bị xử 20 năm tù (Diễn đàn)
5. Tin tức Việt Nam
8. Xung quanh một “tài liệu mật” (Thành Tín)
10. Tranh chấp lao động và ổn định xã hội (Bùi Mộng Hùng)
12. Yêu Sài Gòn (Trần An Lĩnh)

Văn hóa Nghệ thuật

16. Vụ án “Tiểu thuyết vô đè”
17. Tào Mát và “Bài ca giữ nước” (Hoàng Thanh)
20. Hoa đào năm ngoái (Đặng Tiến)
21. “Vào” Nam, “ra” Bắc (Nguyễn Tài Cẩn)
25. Điểm sách mới (Kiến Văn, Nguyễn Thắng)
26. Bàn phiếm về từ “áp đặt” (Nguyễn Trọng Nghĩa)
28. Có trả vay gì? Để kiếp sau! (truyện ngắn, Phan Thị Trọng Tuyến)
32. Gửi cho người (thơ, Hoàng Phú Ngọc Tường)



Bạn đọc



Hợp tác khoa học kỹ thuật

Đọc bài của anh Bùi Mộng Hùng (*Tản mạn về Người Việt ở nước ngoài đóng góp xây dựng đất nước*, *Diễn đàn số 18*), tôi thấy có nhiều điều tâm đắc. Qua nghiệm sinh bản thân, tôi thấy việc hợp tác với các đại học Việt Nam vẫn khó như leo giây làm xiếc. Vẫn ngổn ngang những chương ngại, đố kỵ của một lớp “mafia da vàng” lúc ẩn lúc hiện (nói như Đơn Hành, trong bài *Chân dung một chế độ, số đã dẫn*, là rất chính xác : tranh đấu cho dân chủ là phải vạch rõ giới tuyến với đám *mafia* này).

Xin đơn cử vài thí dụ.

Thí dụ 1 : Tôi mới được nghe các giới chức sắc cao cấp quốc tế (da trắng) kể lại rằng trong một cuộc bàn thảo với đại diện chính thức của Việt Nam, phía Việt Nam tỏ ra không muốn cho Việt kiều (da vàng) tham gia thực hiện những phương án quốc tế tài trợ cho Việt Nam. Họ kỳ thị chủng tộc với chính người cùng da với mình ! Đừng hỏi tại sao chương trình TOKTEN không mấy có kết quả ở Việt Nam...

Thí dụ 2 : Chương trình truyền hình francophonie cho Việt Nam. Tại Nam Vang, chỉ cần có ăngten parabol là tự do bắt nghe. Tại Việt Nam, chỉ có mafia mới được xem, người dân phải bằng lòng với bản tin ngắn ngủi của các đài quốc nội. Lâu lâu cho xem vài trận đá banh, trận đấu vợt cho *dui* !

Thí dụ 3 : Hè 92 vừa qua, trên một căn gác Sài Gòn nóng bức, một bữa nầm nghe đài FM của thành phố Hồ Chí Minh, chương trình kịch nói. Bắt vào nửa chừng, tôi không rõ tên vở kịch, nhưng chủ đề đại ý thì rất dễ hiểu : hợp tác khoa học và âm mưu gián điệp của các thế lực thù địch. Rùng rợn.

Trần Đăng (Bruxelles, Bỉ)

☞ Theo những thông tin mà chúng tôi tổng kết được, thì không thể nói có một chính sách nhất quán có tính chất kỳ thị đối với Việt kiều trong lãnh vực hợp tác khoa học kỹ thuật, mà trong những trường hợp cụ thể, có những sự loại trừ với những nguyên nhân khác nhau.

Về phía bộ máy chính quyền trung ương, quan ngại lớn nhất là “âm mưu diễn biến hoà bình” của “đế quốc phản động” mà Việt kiều có thể đóng vai “kẻ thừa hành nguy hiểm”. Quan ngại này mâu thuẫn với sự mở cửa và hợp tác quốc tế mà dù muốn dù không chính quyền đã chủ trương và thực hiện (nói cho đúng : một phần lớn trong bộ máy mong muốn, một số nhỏ không muốn nhưng đành chịu, và lâu lâu lén cản cảm giác, phá bĩnh). Do sự mâu thuẫn đó, và do bộ máy bị khủng hoảng, không còn nguyên khối (monolithique) như trước nữa, nên thường xảy ra tình trạng trống đánh xuôi kèn thổi ngược, bộ phận này thuận, bộ phận kia chống, và sớm nắng chiều mưa, nay cho, mai cấm, kia lại phải cho, và thường khi phải cho rộng hơn nữa.

Ở cục bộ từng cơ quan, nguyên nhân chủ yếu dẫn tới sự e ngại (hay thiếu mặn mà), theo ý chúng tôi, là do những toan tính về lợi ích. Nặng là đối kháng quyền lợi giữa các phe trong một cơ quan, nhẹ là đố kỵ (không ăn được thì phá cho

bô ghét) và tất cả diễn ra trong bối cảnh chung trống đánh xuôi kèn thổi ngược nói ở trên. Thí dụ chương trình Tokten : nếu một chuyên gia Việt kiều muốn về làm việc trong khuôn khổ này mà không đề nghị được một phương án, với sự tài trợ của bên ngoài, thì cơ quan tiếp nhận không thấy hấp dẫn, và bỏ qua. Nếu có sự tài trợ trong đó một phần có thể tác động vào việc tăng thu nhập cho nhân viên cơ quan, thì sẽ có người tích cực vận động, để vượt qua những phiền hà của cơ quan an ninh, và giải giới sự chống đối của các phe có quyền lợi đối kháng. Thật rất khó tổng kết về chương trình Tokten về Việt Nam, nhưng dễ rút ra một kết luận, là : muốn thực hiện thành công một phương án Tokten, hoặc là cầu may, hoặc phải nắm rõ tình hình cụ thể của cơ quan mà mình muốn hợp tác.

Thí dụ 1 mà anh nêu ra, theo điều tra của chúng tôi, thì còn nhiều sự phức tạp khác, nghĩa là “vậy mà không phải vậy”.

Tuỳ bút Nguyễn Hương

Bài tuỳ bút của Nguyễn Hương trong *Diễn đàn* vừa qua (số 18, tháng 4.1993) hay thật. Đáng là văn chương, có gì đó để đóng góp cho văn chương “quốc nội”.

Huy An (Hauts-de-Seine, Pháp)

Về nhà thơ Quách Tấn

Tôi đọc bài “Vài câu chuyện về nhà thơ Quách Tấn” của Nguyễn Lạc (*Diễn đàn* số 18) một cách thích thú. Như là một chứng từ sinh động và có duyên về nhà thơ mà tôi luôn yêu thích và mến trọng. Toàn bài toát ra một cảm giác u uất, cô đơn như rằng nhà thơ đã bị mọi người quên lãng. Và nếu có người đến nhà là chỉ để quấy rầy.

Tâm trạng của nhà thơ tuổi đã bát tuần mà lại mù loà có thể đúng là như vậy. Tuy nhiên lấy công tâm mà nói thì ở trong nước cũng như ở Nha Trang, trong khắp mọi giới, đâu đâu cũng có những người trân trọng và hằng nhớ tới thi sĩ Quách Tấn. Chẳng kể làm chi những bài viết về cụ thường thấy trên các báo những năm sau này, riêng ở Nha Trang, vào dịp cụ Quách Tấn bước sang tuổi 85, Nhà văn hoá tỉnh Khánh Hoà có tổ chức một đêm thơ để mừng thọ thi sĩ và nhà xuất bản tổng hợp Khánh Hoà mới cho tái bản trong năm 1992 quyển *Xứ trầm hương* của cụ.

Nguyễn Nha Trang (Antony, Pháp)

Trả lời của Nguyễn Lạc

Tôi rất mừng nhận được thư anh. Như đã nói rõ trong bài, tâm trạng mà bài của tôi phản ánh là tâm trạng của nhà thơ quá cố ở thời điểm 1991, và như anh biết, năm 1983, người ta đã tới “trung thu” tủ sách của cụ. Tuy nhiên cũng phải nói thêm : ngay những lúc khó khăn nhất, Quách Tấn vẫn trông cậy được ở những người bạn trung thành.

Cũng xin cảm ơn anh đã cung cấp thêm những tin tức mới về cách đối xử đối với nhà thơ mấy năm gần đây. Chậm vẫn hơn là không, phải không anh ?

Cần thêm những bài bình luận

Tôi đã nhận được ba số 17, 18 và 19 liên tiếp, xin thành thực cảm ơn quý báo. Qua đó, chúng tôi đã có thêm nhiều thông tin về Việt Nam, và quan trọng hơn nữa, làm quen với một cách tiếp cận không một chiều, không để quyền lợi riêng tư lấn át sự thật. Theo tôi, báo nên tăng cường mục bình luận thời sự Việt Nam để bạn đọc, dễ theo dõi diễn biến tình hình.

Đức Quý (Tiệp)

Mỹ viện tình yêu... xoá nếp nhăn

Tôi nói thực chứ không dối đâu : tờ báo hay quá, ông nào viết cũng hay, bài nào cũng hay, cho nên tôi nào tôi cũng mang báo ra coi, coi tần tiện chứ không dám coi hết, sợ đầu tháng mới lại có báo đến thì lấy gì mà coi.

Bởi thế tôi mới bạo dạn viết dăm ba câu thơ để báo Diễn đàn đăng cho vui, để cùng cười cho vui vẻ cả làng :

Xa nhau mình sẽ nhớ nhau
Nhưng sông rộng đã có cầu bắc sang
Chẳng còn ngại nỗi đò giang
Chỉ e người sớm quên đường lối xưa
Tình ta như một bài thơ
Đã yêu thì hẹn, đã chờ thì sao
Lên trời không sợ trời cao
Đã đi há sơ lối nào lạ quen
Tâm hồn dù chưa mở xem
Lòng em tin với lòng anh một lòng
Thì dù nắng hạ mưa đông
Dù ta chín nhớ mười mong vẫn gần
Mọi tình yêu xoá nếp nhăn
Tình yêu đích thực trường xuân vĩnh hằng...

Mỹ Nga (Paris, Pháp)

Nhắn tin : anh Lý Thanh (Ba Lan)

Cảm ơn anh đã gửi bài thông tin và phân tích tình hình nội bộ Ba Lan. Vì những nhân tố tạo ra tình hình này quá đặc thù Ba Lan, có thể nói không tìm thấy ở các nước Đông Âu khác, nên rất khó rút ra những kết luận chung cho các nước xã hội chủ nghĩa cũ. Do đó, chúng tôi rất tiếc không thể đăng được bài này và mong tiếp tục được sự cộng tác của anh. Thân chào.

Tìm đọc

Hợp Lưu

Tập san Văn học - Nghệ thuật - Biên khảo

* Nơi quy tụ hầu hết các cây bút nổi tiếng của trong và ngoài nước.

* Nơi gấp gõ những tâm lòng tha thiết với văn học Việt Nam.

Giá báo dài hạn :

* Trong nội địa Hoa Kỳ và Canada :

Hạng tư : \$18.00 (1/2 năm) - \$ 36.00 (1 năm)

Hạng nhất : \$24.00 (1/2 năm) - \$ 48.00 (1 năm)

* Á châu, Úc châu, Âu châu :

Đường thuỷ : \$24.00 (1/2 năm) - \$ 48.00 (1 năm)

Hàng không : \$34.00 (1/2 năm) - \$ 60.00 (1 năm)

Xin gửi bằng Mỹ kim, ngoài Hoa Kỳ bằng

International Money Order hoặc bưu phiếu, đề :

Hợp Lưu Magazine, P.O. Box 277,

Garden Grove, CA 92642, USA

Tel. và Fax : (714) 537-2468

Đại diện tại Âu châu :
M&Mme Lê Tất Luyện,

15 Place Souham, F- 75013 Paris. Tel. 45 83 19 12

Nhà triết học TRẦN ĐỨC THẢO đã từ trần tại Paris

Khi số báo này lên khuôn, chúng tôi nhận được tin Giáo sư Trần Đức Thảo đã từ trần ngày 24 tháng 4.1993, tại bệnh viện Broussais, Paris.

Xin đau đớn báo tin buồn với bạn bè và đồng bào.

TIẾU SỬ

Trần Đức Thảo được giới triết học quốc tế coi là nhà triết học lớn, nếu không nói là duy nhất của Việt Nam. Ông sinh ngày 26.9.1917 tại Hà Nội. Năm 1939, ông trúng tuyển Trường cao đẳng sư phạm Phố Ulm Paris (Ecole Normale Supérieure). Năm 1942, soạn luận văn cao học về **Phương pháp hiện tượng luận của Husserl**.

Tháng 12.1944, tại Đại hội Việt kiều họp ở Avignon, ông được cử vào ban Tổng đại diện. Tháng 9.1945, sau một cuộc họp báo tại Paris ủng hộ Chính phủ Hồ Chí Minh, Trần Đức Thảo bị giam 3 tháng tại nhà tù La Santé.

Song song với các hoạt động yêu nước, Trần Đức Thảo hợp tác với tạp chí *Les Temps Modernes* của J.-P. Sartre, công bố những công trình về triết học hiện tượng luận, mà tổng hợp là cuốn *Phénoménologie et matérialisme dialectique* (Hiện tượng luận và chủ nghĩa duy vật biện chứng, Minh Tân, 1951). Tác phẩm này sau đó được dịch ra tiếng Ý (1970), Anh (1986).

Cuối năm 1951, ông về nước tham gia kháng chiến. Sau ngày tiếp quản thủ đô Hà Nội, ông được cử làm giáo sư lịch sử triết học và chủ nhiệm Khoa sử Trường đại học tổng hợp. Năm 1956, ông tham gia phong trào Nhân Văn - Giai Phẩm, và sau đó bị cấm giảng dạy, chỉ được trao việc biên dịch cho Nhà xuất bản Sự Thật.

Từ năm 1965, chính quyền để ông công bố ở nước ngoài những nghiên cứu triết học về chủ đề sự hình thành của ý thức và nguồn gốc của ngôn ngữ. Các công trình này, năm 1973, được tập hợp thành tác phẩm *Recherches sur l'origine du langage et de la conscience* (Ed. Sociales, Paris), sau đó được dịch sang Anh văn (*Investigations into the Origin of Language and Consciousness*, D. Reidel Publish. Co., Boston, 1984).

Giáo sư Trần Đức Thảo trở lại Pháp tháng 9.1991. Gần đây, ông có ý ở lại Paris để tiếp tục nghiên cứu và đã được Hội tương trợ Les Amis de la Science quyết định giúp đỡ hàng tháng để sinh sống và làm việc. Ngày 23.4.1993, ông được đưa cấp cứu vào bệnh viện Broussais. Trái tim Trần Đức Thảo ngừng đập vào lúc 2 giờ sáng ngày 24.4.1993.

Tin tức

Tin tức

Một số chủ trương mới đối với Việt kiều

Tiếp theo hội nghị Việt kiều tổ chức đầu tháng 2 vừa qua (xem Diễn Đàn số 16 và 17), ngày 3.3 bộ trưởng Lê Xuân Trình, chủ nhiệm văn phòng chính phủ đã thông báo một số chủ trương mới đối với người Việt Nam định cư ở nước ngoài.

Theo ông Trình, chính phủ đã đồng ý về nguyên tắc thành lập : 1/ một “ ngân hàng Việt kiều ở Việt Nam ” ; 2/ một “ trung tâm đào tạo và chuyển giao công nghệ Việt kiều ” ; và 3/ một “ cơ chế tu vấn của trí thức Việt kiều giúp chính phủ trong một số lĩnh vực, thông qua đầu mối của ban Việt kiều trung ương ” ; mặt khác quyết định giao cho các bộ hữu quan nghiên cứu một số chủ trương mới đối với Việt kiều, như : 1/ cho phép Việt kiều đã có quốc tịch nước ngoài vẫn được giữ quốc tịch Việt Nam ; 2/ sửa đổi chính sách xuất khẩu văn hóa phẩm phục vụ Việt kiều ; 3/ khuyến khích người Việt Nam ở nước ngoài đầu tư về nước ; 4/ “ cho phép những Việt kiều có lý do chính đáng, có gia đình bảo lãnh và có khả năng bảo đảm cuộc sống được hồi hương ” ; 5/ có chính sách khen thưởng những Việt kiều “ có công trong hai cuộc kháng chiến ” hoặc “ có cống hiến trong công cuộc xây dựng đất nước ”.

Ngoài ra, ông cũng nhắc lại thông tư liên bộ ngày 15.1.93 về việc tạo điều kiện dễ dãi cho Việt kiều nhập - xuất cảnh và đi lại trong nước (xem Diễn Đàn số 18), có giá trị từ ngày 1.4.93. (Lao Động 7.3.93)

Một “ kinh nghiệm đầu tư ”

Ngày 13.4, toà án tỉnh Khánh Hoà đã phải trả tự do cho ông Vimar Nguyễn, nhà đầu tư Việt kiều quốc tịch Canada đã bị chính quyền tỉnh bắt giam từ ngày 16.1 vì tội “ trốn thuế ” (xem Diễn Đàn số 17). Ông Nguyễn đã tố cáo trở lại cán bộ thuế và thanh tra của tỉnh đòi ăn hối lộ.

Rút cục, ông “ hưởng ” ba tháng tù giam chỉ vì tranh chấp với các quan chức của tỉnh ! Trả lời phỏng vấn của báo Thanh Niên trước khi toà tuyên án, ông Vimar Nguyễn kể lại việc ông bị bắt và giam như sau : “ Khi công an Khánh Hoà áp tải tôi từ thành phố Hồ Chí Minh về Nha Trang, họ đã còng tay tôi vào thành xe. Thời gian đi từ thành phố Hồ Chí Minh về Nha Trang là thời gian khủng khiếp nhất trong cuộc đời tôi. Tôi không thể nào nghĩ được rằng với tội trốn thuế – số tiền trốn thuế, nếu có, chưa bằng phần nhỏ tài sản tôi đã đổ vào Khánh Hoà (trên 400 000 đô la) – mà chính quyền tỉnh lại đối xử với tôi thô bạo như vậy. Khi đưa tôi về Nha Trang, công an đã đưa tôi bản tính thuế và bảo tôi phải ký vào thì họ xoá bỏ các biện pháp ngăn chặn, nghĩa là thả tôi ra. Nhưng tôi đã không ký vì biết rằng đó là bản tính thuế áp đặt. Một tháng rưỡi đầu, tôi bị giam trong phòng tối đen, chỉ thông ra bên ngoài bằng một lỗ tò vò, ăn uống toàn đồ nguội lạnh và gia đình không được vào thăm nuôi. ”

Được hỏi về dự tính của ông nếu được tự do, ông Vimar Nguyễn cho biết : “ Tôi vẫn tiếp tục đầu tư vào Khánh Hoà ”

Đoàn Viết Hoạt bị xử 20 năm tù

Ngày 29 và 30 tháng 3.1993, toà sơ thẩm thành phố HCM đã đưa ra xử kín giáo sư Đoàn Viết Hoạt và nhóm “ Diễn Đàn tự do ” của ông về tội “ hoạt động nhằm lật đổ chính quyền ”.

Đoàn Viết Hoạt bị kết án 20 năm tù. Những người khác, Phạm Đức Khâm bị 16 năm tù ; Nguyễn Văn Thuận, 12 năm tù (ông còn bị 10 năm tù trong vụ Nguyễn Đan Quế, toà tổng hợp hai bản án là 20 năm tù) ; Lê Đức Vượng, 7 năm tù ; Nguyễn Xuân Đồng, Nguyễn Thiệu Hùng và Phạm Thái Thuỷ, 4 năm tù ; Hoàng Cao Nhã, 8 tháng 20 ngày tù.

Tổ chức hoạt động nhân quyền Asia Watch đã lên tiếng kêu gọi nhà cầm quyền Hà Nội trả tự do vô điều kiện cho Đoàn Viết Hoạt và những người cùng nhóm. Đó cũng là nội dung một bản Kháng thư mà chúng tôi vừa nhận được khi tờ báo này đang lên khuôn. Trong số những người đầu tiên ký tên trên bản Kháng thư, có những người chủ trương hai tờ báo Trăm Con (Canada) và Họp Lưu (Hoa Kỳ) và nhiều Việt kiều tại các nước Canada, Hoa Kỳ, Pháp, Úc.

► Một bản án chính trị bất chấp công lý và công luận. Không thể có kết luận nào khác khi người ta đọc bản cáo trạng, so sánh với những hành động và lời nói của những người bị kết án. Cũng như việc kết án bác sĩ Nguyễn Đan Quế, luật sư Đoàn Thành Liêm và các ông Lê Mạnh Thát và Tuệ Sỹ, v.v... gần đây.

Đoàn Viết Hoạt sinh năm 1942 tại Hà Nội, theo cha mẹ di cư vào năm 1954, học và dạy học Anh văn tại Sài Gòn tới năm 1968, du học tại Mỹ từ 1968 đến 1971. Trở về nước với bằng tiến sĩ giáo dục, ông làm phụ tá cho viện trưởng Thích Minh Châu tại Viện đại học Vạn Hạnh từ 1972 đến 1975. Với tiểu sử đó, ông bị bắt đi “ tập trung cải tạo ” từ năm 1976 đến năm 1988 ! Từ tháng 6.1989, ông và một số bằng hữu mở ra một phong trào vận động cho tự do dân chủ và đa nguyên trong nước, với tờ báo đánh máy *Diễn Đàn tự do* phát hành được 4 số và 8 băng cát-xét thì bị bắt (vào tháng 11.1990). Một cuộc đấu tranh chính trị, bất bạo động, như được thể hiện trong “ Lời kêu gọi từ nhà tù ”, mà Diễn Đàn đã trích đăng các đoạn chính trong số 15 (1.93).

Gửi tới các nhà lãnh đạo, Đoàn Viết Hoạt kêu gọi :

1/ Trả tự do cho những người đang bị giam giữ vì lý do chính trị.

2/ Thực thi những quyền tự do chính trị, tự do ngôn luận và báo chí, tự do tôn giáo.

3/ Tổ chức những cuộc bầu cử thực sự tự do và công bằng trong đó mọi người đều được tự do ứng cử không phân biệt khuynh hướng chính trị.

Có phải vì thế mà toà án coi vụ án là “ đặc biệt nghiêm trọng, nguy hiểm cho an ninh quốc gia... ” ?

Trong khuôn khổ chuyến đi thăm Việt Nam của tổng thống Pháp Mitterrand, đã có những lời hứa hẹn bán chính thức về một bản án “ nhẹ ”. Hai mươi năm tù là một bản án “ nhẹ ” hay là bằng chứng của một sự lục đục nội bộ trong đó các lực lượng bảo thủ tìm cách phá hoại chính sách mở cửa, giữa lúc chính quyền Clinton đang chuẩn bị bãi bỏ cấm vận ?

Bất luận thế nào, dư luận quốc tế cần lên tiếng đòi trả tự do cho nhóm ông Đoàn Viết Hoạt, và tất cả các tù nhân chính trị.

Diễn Đàn

bởi vì đó là quê hương tôi, bởi vì tôi tin rằng đồng bào Khánh Hòa rất tốt và họ rất mong muốn đưa tinh thần di lên". (Thanh Niên 18.4)

Nợ

Báo cáo về tình hình nợ nước ngoài của các xí nghiệp quốc doanh của thành phố HCM, ông Trần Thiện Tú, giám đốc sở kinh tế đối ngoại, cho biết tổng số nợ lên đến 165 triệu đô la, trong đó trên 100 triệu là số nợ quá hạn (có xí nghiệp quá hạn đã nhiều năm), như nợ của Công ty lương thực (40 triệu đô la), Imexco (26 triệu), Liksin (13 triệu), Legamex (13 triệu), Đông lạnh Hùng Vương (13 triệu).

Theo ông Trần Thiện Tú, "không thể nắm chắc con số nợ của thành phố", vì một số xí nghiệp ở quận và ngành không báo cáo cho sở kinh tế đối ngoại về số nợ. Ông cũng thừa nhận "có quá nhiều" xí nghiệp sử dụng không hiệu quả vốn vay mượn và "khả năng hoàn nợ hiện ở ngoài tầm tay". (Tuổi Trẻ 23.2 và Phụ nữ thành phố 24.2)

Mới hay cũ?

Khảo sát 730 thiết bị ở 42 xí nghiệp trên cả nước, bộ công nghiệp nhẹ vừa qua cho biết 76% thiết bị mới nhập là những máy cũ sản xuất từ những năm 1950 - 1960, 38% thiết bị đã hết khấu hao và 52% là thiết bị tân trang. Do đã nhập thiết bị cũ kỹ, nhà máy thuộc lá Đồng Tháp đã phải đóng cửa, hai nhà máy thuộc lá Nghệ An và Đồng Hới hoạt động cầm chừng và nhà máy lông vũ Đồng Tháp chỉ hoạt động nửa công suất!

Phần lớn số thiết bị cũ nói trên là của Nam Triều Tiên, Đài Loan và được đưa vào Việt Nam trong khuôn khổ liên doanh với nước ngoài. Khảo sát 300 dự án liên doanh, bộ khoa học - công nghệ và môi trường cho biết không những nước ngoài đưa vào công nghệ cũ mà còn kê giá thiết bị lên từ 15 đến 20% so với giá trị thật, và thiệt hại cho Việt Nam ước tính lên hơn 50 triệu đô la.

Qua những vụ việc phát hiện gần đây, như trường hợp xí nghiệp liên doanh FOOCOSA thuộc Công ty lương thực thành phố HCM, báo Tuổi Trẻ đã chứng minh chính nạn tham nhũng đã mở đường cho các đối tác (partenaires) nước ngoài trực lợi trong việc đưa vào thiết bị và công nghệ cũ. (Tuổi Trẻ 13.3)

Tổng thu ngân sách 93

25 380 tỷ đồng (khoảng 2 tỷ đô la). Đó là mức tổng thu ngân sách nhà nước đã được Quốc hội Việt Nam thông qua cho năm 1993. Mức dự chi cho các bộ và cơ quan nhà nước không được công bố. Mức thu ngân sách do bộ tài chính dự kiến lên đến 26 210 tỷ đồng, gồm có: thuế công thương nghiệp (14 290 tỷ), thuế xuất nhập khẩu (3 250 tỷ), thuế đất và nông nghiệp (1 530 tỷ), thu khấu hao cơ bản (2 300 tỷ), các khoản thu khác (4 730 tỷ). Riêng thành phố Hồ Chí Minh dự kiến thu ngân sách năm 93 là 6000 tỷ đồng.

Năm 1993 cũng là năm bộ tài chính cho áp dụng thí điểm hình thức thu thuế theo trị giá gia tăng (TVA). Nguyên tắc thuế TVA nhằm tránh tình trạng thuế chồng lên thuế theo cách tính thuế doanh thu hiện tại. Áp dụng vào ngành sản xuất đường, thuế một ký đường giảm một phần ba so với mức thuế doanh thu trước đây. Song thu thuế theo trị giá gia tăng

đòi hỏi các doanh nghiệp thực hiện đầy đủ chế độ sổ sách kế toán, có hóa đơn đúng giá thực tế mới có thể tính thuế trên chênh lệch giá bán và giá mua. Những điều kiện kinh tế của Việt Nam không cho phép phổ biến cách tính thuế mới đó. (Thanh Niên 21.3)

Một ký mía = một cục kẹo

Theo báo Sài Gòn giải phóng ngày 18.3, giá buôn mía trên thị trường tự do đã giảm từ 100 000 đồng / tấn xuống còn 45 000 đồng / tấn. Như vậy, giá một ký mía là 45 đồng, chỉ bằng giá một cục kẹo. Trong điều kiện đó, sang năm diện tích trồng mía sẽ bị thu hẹp và giá đường sẽ lên theo một vòng luẩn quẩn tái diễn từ mấy năm nay. Cho đến khi nào nhà nước có biện pháp ổn định giá đường, và nói chung có chính sách trợ giá nông sản để nông dân không bị phá sản trong nền kinh tế thị trường và buộc phải rời ruộng đồng đi kiếm sống lây lắt ở thành phố.

Ai bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người lao động?

Sau những cuộc đình công của công nhân nhiều xí nghiệp liên doanh (xem Diễn đàn các số trước), bộ lao động và thương binh - xã hội đã tiến hành thanh tra việc thực hiện quy chế lao động tại 10 xí nghiệp liên doanh ở thành phố HCM. Kết quả cho thấy :

- 70% các xí nghiệp vi phạm quy chế về hợp đồng lao động và thoả ước lao động tập thể; - 100% vi phạm quy chế về thời gian làm việc và nghỉ ngơi của công nhân; - 100% vi phạm quy chế bảo hiểm lao động và sử dụng quỹ bảo hiểm xã hội; - 70% trả lương và tính công thấp hơn qui định.

Vấn đề đặt ra là, cuối cùng ai chịu trách nhiệm về việc thực hiện các quy chế lao động nói trên? Ai là người bảo vệ những quyền lợi hợp pháp của công nhân? Theo báo Lao Động ngày 18.4, câu trả lời hiện nay là "Không rõ lắm"!

- Sở kinh tế đối ngoại cho rằng nhiệm vụ họ chấm dứt khi các xí nghiệp liên doanh được cấp giấy phép hoạt động;

- Sở lao động và thương binh xã hội chỉ can thiệp khi tranh chấp xảy ra trong xí nghiệp.

- Công đoàn thì đến nay chưa thâm nhập được vào hàng ngũ công nhân các xí nghiệp liên doanh, và hầu hết các doanh nghiệp này chưa có tổ chức công đoàn.

- Còn việc bầu đại diện công nhân thì cũng chỉ là hình thức, người đại diện phần lớn chịu sự chỉ phối của giới chủ.

Trong điều kiện đó, người công nhân, như cơ quan của Tổng liên đoàn lao động Việt Nam phải thừa nhận, "chỉ còn trông cậy vào sự đoàn kết của họ, và không phải lúc nào họ cũng giành được phần thắng lợi trong việc tự bảo vệ quyền lợi hợp pháp của mình".

☞ Báo Lao động chỉ đặt câu hỏi đối với các xí nghiệp liên doanh. Và quên nêu lên một dữ kiện căn bản: trong chế độ "xã hội chủ nghĩa" các công đoàn từ lâu đã bị triệt tiêu vai trò đại diện công nhân của mình; thay vì bảo vệ công nhân, họ đã trở thành người đại diện của đảng cầm quyền, chỉ chuyên làm tất cả để "giải thích", nếu cần bằng các biện pháp hành chính và bạo lực, những quyết định của các đảng uỷ - giám đốc. Điều đó đã dẫn đến tình trạng người công nhân

chấp nhận im lặng chịu đựng – trên thực tế, phản ứng của họ là một cách lạm công thường trực, lương lấy lệ thì làm cũng lấy lệ, chỉ cần so sánh năng suất ở các xí nghiệp quốc doanh và các xí nghiệp tư cung đủ rõ. Còn đối với các xí nghiệp liên doanh, nhà cầm quyền cũng thừa biết rằng nhiều nhà tư bản nước ngoài “trông cậy” trên bộ máy đàn áp của đảng để giải quyết các tranh chấp lao động bằng “những phương cách khác hơn là đình công”, như chính lời ông bộ trưởng lao động Trần Đình Hoan từng tuyên bố trước quốc hội (xem Diễn Đàn số 18). Như vậy, tại sao có cuộc thanh tra và công bố kết quả như trên? Một sự ra dấu với các nhà tư bản nước ngoài để họ không đi quá xa trong việc áp dụng thăng tay những quy luật của “tư bản rừng rú”, vì có thể có những lây lan “nguy hiểm”?

Chùa Tây Phương mất nhiều cổ vật

Theo thông báo của bộ văn hoá thông tin, trong đêm 4.3, kẻ gian đã lén vào chùa Tây Phương lấy cắp nhiều cổ vật quý như : một pho tượng Phật Bà trăm mắt trăm tay, một pho tượng Phật Bà 12 tay, hai pho tượng Thích Ca, hai bát nhang cổ đường kính 40 cm và hai câu đối khảm trai.

Tại thành phố Hồ Chí Minh, lăng Lê Văn Duyệt cũng đã bị mất cắp trong đêm 2.3 hai bức tượng cổ bằng sứ. Hai bức tượng này có tên “ông mặt trời, bà mặt trăng”, cao khoảng 50 cm, đứng trong dãy phù điêu được gắn bằng xi măng lên hai gò mái nhà chính điện. (Tuổi Trẻ 11.3, Sài Gòn giải phóng 7.3.93)

Tin ngắn

► Theo tin Reuter ngày 21.4, Việt Nam và Liên hiệp quốc đã ký một hiệp định theo đó tổ chức quốc tế này sẽ giúp trồng lại 125 000 hecta rừng ven biển và rừng đồi miền Trung trong hai năm tới. Trong khi đó, mỗi năm nạn phá rừng làm tiêu tan khoảng 200 000 hecta !

► Năm 1992, tổng giá trị viện trợ mà Việt Nam nhận được từ các tổ chức phi chính phủ trên nhiều nước (ONG) đã lên đến hơn 24,8 triệu đô la, tăng 22 % so với năm trước. Thành phố HCM được hưởng phần lớn nhất của số viện trợ này, với trên 5 triệu đô la. 145 ONG có quan hệ với Việt Nam, trong đó 67 tổ chức có dự án viện trợ.

► 16 952 người di tản trong năm 1992 và 2 762 người khác đã hồi hương trong ba tháng đầu năm 1993, theo những thống kê của HCR. Chương trình khuyến khích hồi hương được mở ra từ tháng 9.1991, với sự trợ giúp của Cộng đồng Châu Âu (ngân sách 130 triệu đô la). Hiện còn 88 000 người di tản ở các trại ở Hồng Kông và các nước Đông Nam Á khác không kiểm được nước nhận cho định cư. Hồng Kông vừa trực xuất 57 thuyền nhân trở lại Việt Nam ngày 7.4.

► Tờ báo tiếng Anh Vietnam Investment Review ngày 30.3 cho biết chính phủ Việt Nam đã kêu gọi nước ngoài đầu tư để xây dựng thêm hai lò phản ứng hạt nhân, một để sản xuất điện và một dành cho nghiên cứu. Việt Nam đã khám phá ra một mỏ uranium ở Quảng Nam - Đà Nẵng cuối năm 1991.

► Chi nhánh châu Á của hãng xe hơi Đức BMW đã ký một hợp đồng với Vietnam Motors Corp. để thành lập một mạng lưới bán và sửa xe BMW, tiến tới thành lập xưởng lắp

rap xe của hãng này vào năm 94. BMW hi vọng bán được 200 chiếc xe trong năm 93, 400 chiếc trong năm 94 và 600 chiếc mỗi năm cho tới 1996.

► Việt Nam, Hồng Kông và Thái Lan đã ký một giác thư để tiến tới lập một mạng lưới dây cáp dưới biển nối liền ba nước. Mạng lưới này sẽ dùng kỹ thuật sợi quang học, với sự hợp tác kỹ thuật của công ty Úc OTC International, và dự trù sẽ hoàn thành trước cuối năm 1995.

► Năm 1992, còn 2 632 người chết vì bệnh sốt rét ở Việt Nam, thay vì 4 446 người trong năm 91. Theo ông Lê Đình Long, giám đốc Viện sốt rét, 40 % dân số Việt Nam sống trong những vùng có sốt rét và hàng năm có hơn một triệu người bị nhiễm bệnh.

► Công ty Pháp Thomson-CSF đã ký kết với Hàng không dân dụng Việt Nam một hợp đồng xây dựng một trung tâm điều khiển hàng không ở Đà Nẵng trong năm 1994. Cuối năm 92, Thomson-CSF cũng đã ký hợp đồng lắp đặt hai ra-đa ở sân bay Tân Sơn Nhất.

► Tổng thư ký Liên hiệp quốc Boutros Boutros-Ghali đã ghé thăm Việt Nam đầu tháng 4, sau khi đi Cam-Bốt trong khuôn khổ giải pháp hoà bình ở Cam-Bốt.

► Đại tướng về hưu Võ Nguyên Giáp đã được tổng bí thư đảng cộng sản Trung Hoa Giang Trạch Dân tiếp kiến ngày 10.4, trong chuyến đi thăm Trung Quốc một tuần của ông.

► Một người Việt Nam tại Mỹ, ông Phạm Gia Bình đã tự thiêu ngày 7.4 tại tỉnh Ellington (bang Connecticut), để “ phản đối chính sách đàn áp Phật giáo của nhà cầm quyền Việt Nam ”.

► Đến ngày 14.4, cả nước đã phát hiện 184 người nhiễm HIV (vi khuẩn bệnh Sida). Tuy nhiên theo Ủy ban quốc gia phòng chống Sida, con số thực có thể gấp “từ 10 đến 100 lần hơn”. Mới đây, ở thành phố Hồ Chí Minh có hai thanh niên ghiền ma tuý và nhiễm HIV đã qua đời nhưng người ta không xác định được chắc chắn là họ bị chết vì Sida.

► Tân đại sứ Pháp tại Việt Nam, ông François Nougade, thay thế ông Claude Blachemaison, đã tới Hà Nội nhậm chức trong tháng 3.93. Ông Nougade, 59 tuổi, từng là đại sứ Pháp ở Peru.

► Cơ quan hợp tác văn hóa và kỹ thuật ACCT – tổ chức của 47 quốc gia sử dụng tiếng Pháp – đã khánh thành Trung tâm tiếng Pháp châu Á - Thái Bình Dương (CRF - Asie Pacifique) đặt tại trường đại học sư phạm thành phố Hồ Chí Minh. Trung tâm sẽ đào tạo giáo viên, cán bộ biên dịch và phiên dịch tiếng Pháp, với tổng kinh phí 3,4 triệu francs trong năm 1993.

► Tự điển song ngữ Pháp-Việt về Hành chính - pháp quyền, gồm 1 200 từ, thực hiện với sự bảo trợ của tòa đại sứ Pháp tại Hà Nội, đã xuất bản.

► Hàng hàng không Hà Lan KLM đã mở đường bay mới Amsterdam - Thành phố Hồ Chí Minh, với một chuyến bay hàng tuần vào ngày thứ tư.

► Bia Đan Mạch Carlsberg sẽ được sản xuất tại Hà Nội trong một nhà máy liên doanh giữa Carlsberg International và Bia Việt Hà.

► Sau BMW và một liên doanh Nhật-Nam Triều Tiên, Fiat cũng sẽ khánh thành trong năm tới một nhà máy lắp ráp xe tải tại Hà Nội, với công suất dự trù 700 chiếc / năm.

► Cuối năm 1992, dân số thành phố HCM lên đến gần 5 triệu người, tăng 3,2 % so với năm 1991 gồm tăng trưởng tự nhiên (tỷ lệ sinh đẻ của người dân thành phố dưới 2 %) và người các tỉnh khác dồn về tìm việc làm.

► Theo báo Hà Nội mới, hiện còn 21 000 người lao động Việt Nam ở Nga, 3 400 người ở hai nước Séc và Xlôvakia (Tiệp Khắc cũ). Theo Bộ lao động - thương binh và xã hội cho biết, từ 80 đến 90 % người di lao động ở nước ngoài trở về chưa tìm được việc làm. Đức (với 10 triệu DM) cũng như Séc và Xlôvakia (400 triệu Cu-ron) đã hứa giúp Việt Nam giải quyết việc làm cho số người lao động về nước.

► Từ ngày 1.3.1993, đài phát thanh thành phố Hồ Chí Minh bắt đầu phát đi những bài giảng về quản trị kinh doanh. Đây là thí điểm đầu tiên ở Việt Nam về việc sử dụng những phương tiện đào tạo từ xa.

Một đổi mới khác về giáo dục : từ hội nghị trung ương đảng cộng sản Việt Nam cuối năm ngoái, việc mở các đại học tư đã được chính thức cho phép. Tuy nhiên, người ta còn chờ đợi nghị quyết này “đi vào thực tế”.

Nhà Trắng, IMF ... (tiếp theo trang 1)

Những công trình hạ tầng cơ sở không mang lại lợi nhuận trực tiếp hay ngắn hạn, và do đó rất khó có thể kiểm được vốn đầu tư từ khu vực tư bản tư nhân. Nhưng, đó cũng là những công trình không thể không thực hiện trong bước đường phát triển đất nước... và việc Việt Nam có vốn để bắt đầu thực hiện chúng cũng sẽ thu hút các nhà đầu tư nước ngoài vào kinh doanh ở những lãnh vực khác ! Một ví dụ nhỏ cho thấy nhu cầu rất lớn về hiện đại hóa hạ tầng cơ sở ở Việt Nam : chỉ 10 % trên tổng số 105 000 km đường bộ của cả nước là đường tráng nhựa ; đường quốc lộ số 1, trục giao thông chính bắc-nam, chỉ có một đường xe chạy mỗi chiều... Ông John Brinsden, đại diện tại thành phố HCM của ngân hàng Anh Standard Chartered Bank cho rằng “ 3 tỷ đô la đầu tiên bỏ vào việc phát triển hạ tầng cơ sở sẽ khuyến khích nhiều nhà đầu tư nước ngoài ”. Tích lũy từ nội bộ nền kinh tế dĩ nhiên không thể đáp ứng nhu cầu đó (khi tổng sản lượng quốc dân chỉ có 14 tỷ đô la / năm). Vì thế, mặc dù những khó khăn có thể thấy trước khi phải vay những số tiền rất lớn (khi khả năng làm chủ những dự án xây dựng qui mô vẫn chưa được chứng thực, khi độc quyền đi đôi với bất tài và tham nhũng vẫn ngự trị ở các cấp), Việt Nam vẫn rất trông chờ ở hội nghị IMF cuối tháng này và đã loan báo sẽ cử một phái đoàn nhiều chuyên viên cấp cao đi dự hội nghị. Phái đoàn sẽ do ông Lê Văn Châu, phó Thống đốc Ngân hàng Quốc gia dẫn đầu.

Nhưng, trước những khó khăn đột ngột của tình hình nước Mỹ (Thượng nghị viện vừa bác bỏ kế hoạch phục hồi kinh tế của tổng thống ; vụ tự tử tập thể của gần 90 người của một giáo phái ở Waco, Texas khi bị cảnh sát liên bang tấn công v.v..), và trước sức ép của một bộ phận dư luận về vấn đề quân nhân mất tích, liệu chính quyền Clinton đã sẵn sàng tiến

thêm một bước trên “lộ trình” bãi bỏ cấm vận Việt Nam – bằng cách không phủ quyết quyết định của IMF ?

Cho tới đầu tháng 4, khi những vụ việc kể trên chưa xảy ra, khi “báo cáo mật của tướng Trần Văn Quang” chưa được tờ New York Times tung ra, mọi việc hình như tiến triển trong chiều hướng của sự bãi bỏ ấy. Ngày 1.4, thượng nghị sĩ Frank Murkowski đã đệ trình thượng nghị viện Hoa Kỳ một dự luật bãi bỏ cấm vận. Dự luật được các nhân vật chính của tiểu ban đối ngoại Thượng nghị viện ủng hộ.

Từ đầu năm nay, không tuần nào không có 3, 4 đoàn doanh nhân, chính trị gia Mỹ tới Hà Nội. Ngày 3.4, cựu ngoại trưởng Dân chủ Edmund Muskie đã cùng một đoàn gồm 5 nhân vật khác, trong đó có thượng nghị sĩ Cộng Hòa John McCain, phó chủ tịch công ty American Express Richard Moose – một người trong nhóm *Bạn của Clinton* ở bang Arkansas trước khi ông này đắc cử tổng thống – đã đến thăm Việt Nam một tuần lễ, và đã gặp nhiều nhân vật chủ chốt ở Hà Nội như tổng bí thư Đỗ Mười, phó thủ tướng Phan Văn Khải... Đoàn do một tổ chức tư vấn của đảng Dân chủ, Center for National Policy, tài trợ. Và, dù chỉ là một chuyến đi không chính thức, ông Muskie tuyên bố sẽ “báo cáo chuyến đi cho những người có thẩm quyền”. Tin tướng John Vessey, phái viên của tổng thống Mỹ về các vấn đề POW/MIA, được cử sang Hà Nội, cũng đã được loan báo mấy ngày trước khi có bài báo New York Times.

Vụ “tài liệu mật” phần nào đã được giải toả, theo những tuyên bố của ông Vessey sau chuyến đi. Song, không khí chính trị Hoa Thịnh Đốn cũng đã thay đổi, và khó ai có thể đoán trước quyết định của phái đoàn Hoa Kỳ trong hội nghị IMF ngày 30.4 tới. Có nhà bình luận Mỹ nhắc lại luận điểm nên chờ bỏ cấm vận trước (vào tháng 9 tới) để doanh nhân Mỹ có thì giờ chuẩn bị nhảy vào Việt Nam, trước khi bỏ phủ quyết ở IMF (vì bỏ phủ quyết 6 tháng trước khi bỏ cấm vận là làm cho tư bản Mỹ thiệt thòi 6 tháng so với tư bản Nhật, Pháp...).

Khi tờ báo này tới tay bạn đọc, mọi chuyện chắc đã ngã ngũ. Dù thế nào, lộ trình có vòng veo, lên xuống, quan hệ giữa hai nước Việt - Mỹ cũng như quan hệ giữa Việt Nam và các tổ chức quốc tế trong đó Mỹ có vai trò quyết định, cũng sẽ được bình thường hoá. Sớm hay muộn một chút, phải chăng vấn đề vẫn là Việt Nam phải tự vươn lên để nắm bắt được mọi khả năng phát triển đất nước ?

21.4.1993

Hoà Văn

Dành cho thanh niên dưới 30 tuổi

Tháng 8 ở Việt Nam

(Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Lạt, Nha Trang, Đà Nẵng, Huế, Cao Bằng, Hạ Long, Hà Nội, v.v...)

13 000 FF

Liên lạc : UJVF-Information, (1) 42 71 73 02

Xung quanh một “ tài liệu mật ”

Ngày 12.4 và những ngày sau đó, báo chí Mỹ xôn xao về tin một nhà nghiên cứu Mỹ, ông S. Morris, đã tìm thấy trong những hồ sơ lưu trữ của Liên Xô cũ một “ tài liệu ” ký tên trung tướng Trần Văn Quang, cho biết vào mùa thu năm 1972 có tất cả 1205 tù binh Mỹ tại 11 nhà tù ở miền Bắc Việt Nam, chứ không phải chỉ có 368 người như phái đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đưa ra trong Hội nghị Paris. Sau Hiệp định Paris, 591 quân nhân Mỹ đã được trao trả. Zbigniew Brzinski, nguyên cố vấn an ninh của cựu tổng thống Carter bèn thẳng thừng tuyên bố ngay là theo ông ta, Hà Nội đã thủ tiêu những người khác !

Chính phủ Việt Nam đã lên tiếng ngay rằng đây chỉ có thể là một tài liệu nguy tạo, vì tướng Trần Văn Quang lúc ấy (thiếu tướng chứ không phải trung tướng) không ở cương vị có thể ký một công văn như vậy. Diễn đàn đã hỏi nhà báo Thành Tín một số câu hỏi chung quanh sự kiện này. .

Của hiếm của nhà sử học S. Morris

Tôi quen biết nhà sử học Stephen J. Morris từ hồi tôi sang Mỹ cuối năm 1991. Sau đó, nhiều lần anh gọi điện thoại cho tôi hỏi về một số chi tiết lịch sử trong cuộc chiến tranh. Mới đây anh cho tôi biết về một số tài liệu “ quý ” từ kho lưu trữ ở Moscou. Hiện anh ở Moscou để mò thêm của quý hiếm đối với nhà nghiên cứu, nhà báo.

Tài liệu “ giật gân ” nhất anh vừa lấy được từ tháng hai năm nay là bản báo cáo của trung tướng Trần Văn Quang gửi bộ chính trị ở Hà Nội mùa thu năm 1972, được dịch sang tiếng Nga ở Moscou sau đó.

Dư luận rộng rãi đã được biết về bản tài liệu mật này. Tướng John Vessey, phái viên của tổng thống Clinton về các vấn đề POW/MIA (tù binh chiến tranh và quân nhân mất tích) đã được lệnh gấp tướng Quang hỏi rõ về sự kiện này.

Tướng Trần Văn Quang là ai ?

Tôi biết khá rõ tướng Quang từ hồi 1947, 1948. Lúc ấy, ông là chính ủy Liên khu 4 (gồm các tỉnh từ Thanh Hoá vào đến Thừa Thiên. Phân khu Bình - Trị - Thiền là thuộc Liên khu 4). Tư lệnh Liên khu là tướng Nguyễn Sơn. Nhạc sĩ Phạm Duy ở Cơ quan văn nghệ Liên khu 4 hồi ấy là dưới quyền của tướng Quang. Hồi 1953, ông lên Việt Bắc làm cục trưởng Cục dịch vận, thuộc Tổng cục chính trị.

Ông xuất thân từ một gia đình nhà nho thanh bạch ở huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An. Cả ba anh em đều có học, cả Hán văn và Quốc ngữ, rồi đi hoạt động cộng sản bí mật từ những năm 1930. Anh cả Trần Cung tự là Quốc Anh từng sang Macao, Hồng Kông đầu năm 1930 dự hội nghị

thành lập đảng cộng sản. Ông Cung sau 1945 là ủy viên ban Thường trực Quốc hội (khi bổ tôi là Trưởng ban). Ông chết bệnh trước năm 1954. Em ông Quang là đại tá Trần Văn Bành, từng là cục trưởng Cục quân lực Bộ tổng tham mưu, về sau là cục trưởng Cục đối ngoại, trực thuộc Bộ quốc phòng, vì sức yếu, nghỉ hưu từ năm 1973.

Hồi 1965, ông Quang vào chiến trường miền Nam cùng đại tướng Nguyễn Chí Thanh, tướng Lê Trọng Tấn, tướng Trần Đột... Ở R.(1), ông mang tên Bảy Tiến, chuyên làm công tác tham mưu, chỉ đạo tác chiến.

Cuối 1967, chuẩn bị cuộc tiến công Tết Mậu Thân, ông ra Thừa Thiên, nhận nhiệm vụ tư lệnh mặt trận Thừa Thiên - Huế, ông Lê Chưởng là chính ủy trong khi tướng Quang Trung và tướng Lê Quang Đạo ở Bộ tư lệnh mặt trận Đường 9 - Khe Sanh. Sau đó ông trở về R. và nghỉ dưỡng bệnh một thời gian.

Sau 1975, tướng Quang là tổng tham mưu phó, và từ 1976 (qua đại hội 4) được bầu vào Ban chấp hành trung ương đảng, với cấp trung tướng. Từ 1981 ông là thứ trưởng Bộ quốc phòng, chuyên trách công tác đối ngoại. Năm 1985, ông ở trong đoàn đại biểu quân sự cấp cao đi thăm Ấn Độ và Indonêxia do bộ trưởng Văn Tiến Dũng dẫn đầu. Tôi cũng tham gia hai cuộc đi thăm này và nhiều lần nói chuyện với tướng Quang về những vấn đề quân sự...

Ông được thăng cấp thượng tướng năm 1991, và tháng 11.1992 được bầu làm chủ tịch Hội cựu chiến binh Việt Nam trong đại hội lần thứ nhất của Hội, đại tướng Võ Nguyên Giáp là chủ tịch danh dự.

Ông từng kể riêng cho tôi về hoạt động bí mật hồi trại trẻ ở Sài Gòn; ông bị mật thám Pháp bắt và bị tù ở Ban Mê Thuột cho đến năm 1945. Hiện ông hơn 70 tuổi.

Về vấn đề tù binh Mỹ

Cho đến nay, tôi vẫn giữ nguyên ý kiến tôi đã phát biểu trong cuộc điều trần trước Ủy ban đặc biệt về POW/MIA của Quốc hội Mỹ hồi tháng 11.1991, cũng như trong khi trả lời cho hơn 20 câu hỏi của các thành viên của Ủy ban. Đó là :

– Chính quyền Hà Nội có thái độ chân thật trao trả hết tù binh Mỹ ngay sau Hiệp định Paris. Tôi khẳng định điều này theo sự hiểu biết của tôi và sự hiểu biết ấy là có cơ sở. Từ 1964 đến 1973 tôi được Bộ Quốc phòng cho phép đến mọi trại giam tù binh để lấy tài liệu. Tôi quen thân với những người cầm đầu Cục dịch vận và Phòng quản lý trại giam tù binh Mỹ thuộc cục ấy nên nắm được khá rõ tình hình. Tôi đã đến hàng chục lần các trại giam ở Hoả Lò Hà Nội, ở nhà số 17 phố Lý Nam Đế (nguyên là trụ sở của xưởng phim quân đội), ở Ngã tư Sở (nguyên là trụ sở Cục điện ảnh) và ở gần thị xã Sơn Tây. Tôi đã viết một cuốn sách về tù binh Mỹ (tôi đã tặng Bộ quốc phòng Mỹ cuốn sách ấy và 5 cuốn sổ tay ghi các cuộc gặp tù binh Mỹ).

Ngay sau Hiệp định Paris được ký, Ban liên hiệp quân sự 4 bên hoạt động ở Sài Gòn. Tôi là ủy viên của đoàn miền Bắc kiêm người phát ngôn của đoàn. Điện chỉ đạo thi hành hiệp định theo ý kiến của tổng bí thư Lê Duẩn, thủ tướng Phạm Văn Đồng, đại tướng Võ Nguyên Giáp, về từng điều khoản của Hiệp định, tôi đều được đọc kỹ để làm nhiệm vụ người phát ngôn. Riêng về điều khoản trao trả tù binh, ý kiến chỉ

đạo rất rõ ràng : “ ta chủ trương trao trả hết tất cả tù binh trong 60 ngày để có thể tiếp nhận trở lại hết tất cả người của mình ”. Số tù binh Mỹ ở miền Nam được trao trả ở Lộc Ninh, số tù binh Mỹ ở miền Bắc được trao trả ở sân bay Gia Lâm, theo 4 đợt.

Theo tôi biết, không có chuyện đưa tù binh Mỹ sang Liên Xô ; nhưng có việc sĩ quan quân sự Liên Xô khai thác tù binh Mỹ về quân sự (kỹ thuật hàng không, chiến thuật trên không); có việc đưa tù binh Mỹ tuần hành ở một phố Hà Nội ; có việc biệt giam và cùm một số tù binh Mỹ, nhưng dứt khoát không có chủ trương thủ tiêu họ. Việc chăm sóc sức khoẻ, chữa bệnh, mổ các vết thương cho họ nhìn chung là tốt, chu đáo, vì Việt Nam hiểu rõ vấn đề này là quan trọng trong mối quan hệ Việt - Mỹ.

Trong khi trả lời các câu hỏi của 7 nghị sĩ Mỹ, tôi nói rõ : một số người lãnh đạo ở Hà Nội lên án tôi là phản bội, vu cáo nhằm bôi đen tôi vì họ sợ ảnh hưởng của tôi đối với nhân dân và cả một số đảng viên có lương tâm, nhưng tôi không vì vậy mà bịa đặt để vu cáo họ trong vấn đề tù binh. Tôi chỉ nói lên sự thật, công bằng và tinh túc. Tôi muốn hoà giải với quân nhân Mỹ. Tôi thông cảm sâu sắc với các gia đình Mỹ có thân nhân là quân nhân bị mất tích. Tôi có nhiều em họ và cháu ruột con các chị tôi cũng là quân nhân tử trận hoặc mất tích. Tôi mong lời nói chân thật của tôi góp phần giải quyết xong xuôi một vấn đề lớn đã kéo dài một cách đáng tiếc.

Trong cuộc điều trần, tôi cũng nói rõ rằng phía người Mỹ có những người lợi dụng vấn đề này để kiếm tiền một cách phi pháp và độc ác ! Họ lợi dụng tình cảm để thu tiền của một số gia đình quân nhân Mỹ bị mất tích. Họ cũng độc ác khi gây ảo tưởng mong chờ hão huyền của một số gia đình Mỹ trong khi không có hy vọng nào là có người còn sống.

Cuối năm 1991, ngay trong khi báo chí Mỹ làm rùm beng về lời tuyên bố của viên tướng KGB Liên Xô Kalughin rằng có tù binh Mỹ bị giữ ở Liên Xô, tôi đã trả lời ngay với các ông nghị Mỹ là : theo tôi, ông tướng KGB ấy nói không đúng sự thật và không hề có chuyện ấy. Quả nhiên, sứ quán Mỹ ở Moscou cũng điều tra và kết luận rằng Kalughin chuyên say rượu, thiếu tư cách và nói lung tung !

Rồi khi ông Yeltsin sang Mỹ nói rằng Liên Xô có giữ tù binh Mỹ từ Việt Nam đưa sang, Lầu năm góc hỏi ý kiến tôi, tôi trả lời thẳng thắn : tôi quý trọng ông Yeltsin nhưng riêng trong vấn đề này, theo tôi đánh giá, ông ta đã không nói đúng sự thật.

Vậy vì sao có “ tài liệu mật ” này ?

Tướng John Vessey đã gặp tướng Quang ở Hà Nội. Tướng Quang đã trả lời rằng ông ta không biết gì về tài liệu này. Vào thời gian ấy (cuối năm 1972) ông ta không ở cương vị để ký một văn kiện như thế. Theo sự phân công, Tổng cục chính trị chứ không phải Bộ tổng tham mưu của quân đội nhân dân đảm nhận trách nhiệm về tù binh Mỹ. Cho nên, nếu có một công văn như thế thì người ký phải là thượng tướng Song Hào, chủ nhiệm Tổng cục chính trị, hoặc trung tướng Lê Quang Đạo phó chủ nhiệm, chứ không phải là thiếu tướng Trần Văn Quang. Và tướng John Vessey cũng tỏ vẻ nghi ngờ về sự xác thực của tài liệu của S. Morris.

Hãy công bằng và tinh túc. Theo tôi, không nên vội kết luận khi chưa có chứng cứ và những yếu tố hợp lý để đạt kết

luận đúng. Hãy đặt ra những giả thuyết. Tại sao “ tài liệu mật ” này lại xuất hiện vào thời điểm hiện tại, khi việc bỏ cấm vận của chính quyền Clinton đang được đặt ra cho thời gian tới ?

Cho dù “ tài liệu mật ” ấy không phải là nguy tạo ở Liên Xô, thì vẫn có khả năng nó được tạo nên bởi một nhân vật nào đó ở Việt Nam muốn lập một thành tích thông tin cho KGB hay một cơ quan nào của Liên Xô, trong một mối quan hệ và động cơ còn cần làm sáng tỏ. Hoặc nó được “ chế tạo ” từ một nguồn nào khác ? Còn khả năng “ sáng chế ” những tài liệu giả của KGB thì lịch sử đã chứng minh khá rõ ! Sự việc này còn cần điều tra thêm.

Tôi đã lưu ý phía Mỹ là mặc dầu có hàng chục nghìn thông tin về tù binh Mỹ còn sống khi bị bắt rồi sau đó bị bắt tin, nhưng chưa ai đưa được một hình ảnh, một tên tuổi tù binh nào như thế cả !

Tôi đã kể trường hợp một máy bay lên thẳng Liên Xô chở gần một chục sĩ quan cấp cao Nga và Việt Nam mất tích ở rừng biên giới Lào và Tây nguyên hồi 1987, mà sau đó người ta huy động máy bay, binh lính qui mô lớn đi tìm ngay, suốt hàng tháng trời không thấy một vết tích nhỏ. Rừng nhiệt đới là thế. Đứng cách nhau 30, 40 mét mà không thấy nhau. Lý do có những người lái Mỹ chết mất tích khi máy bay bị trúng đạn là do điều kiện thiên nhiên như vậy.

Việc bỏ cấm vận và bình thường hóa

Tôi đã nói rõ quan điểm của tôi với phía Mỹ : không nên để nhân dân Việt Nam phải chịu đựng sự trừng phạt. Ai ngăn cản bỏ cấm vận và bình thường hóa đều chuốc lấy sự căm giận của nhân dân. Nên bỏ cấm vận và bình thường hóa từ từ, từng bước, điều gì có lợi cho đồng đảo nhân dân và phong trào dân chủ thì làm trước : liên lạc viễn thông ; thuốc men và hàng thường dùng ; du lịch ; khuyến khích các cơ quan từ thiện, các tổ chức phi chính phủ (ONG) vào giúp các địa phương ; trao đổi học giả, nhà văn, nhà báo, cựu chiến binh... Còn đầu tư thì tùy các hãng. Họ ăn hiếu khi nào đầu tư có lợi. Việc cho vay và để cho Ngân hàng thế giới, Quỹ Tiền tệ Quốc tế giúp và cho Việt Nam vay với điều kiện ưu đãi thì cần tính kỹ. Khi nào môi trường kinh tế, tài chính, chính trị và xã hội được trong lành thì cho vay mới có hiệu quả.

Phía chính quyền Việt Nam cho rằng mọi khó khăn là do Mỹ duy trì sự cấm vận. Tôi rất mong cấm vận được cắt bỏ để thực tế chứng minh rằng nếu không đổi mới sâu sắc hơn về kinh tế (công nhận quyền sở hữu tư nhân đầy đủ và quyền tự do cạnh tranh theo pháp luật) và đổi mới về chính trị (tôn trọng mọi quyền cơ bản của công dân – chưa nói đến công nhận chế độ đa đảng) thì bỏ cấm vận rồi, khủng hoảng sẽ sâu sắc hơn cho mà xem !

Nguyên nhân của mọi nguyên nhân khủng hoảng, bế tắc nằm ngay ở đường lối bảo thủ, độc đoán của chế độ hiện tại : “ thay ” mà không dám “ đổi ”, “ đổi ” mà không thật “ mới ”.

Paris 20.4.1993

Thành Tín

(1) “ R. ” là bí danh của “ Trung ương cục miền Nam ” tức là bộ phận lãnh đạo ở miền Nam của Trung ương đảng cộng sản Việt Nam trong hai cuộc kháng chiến.

Tranh chấp lao động

và

Ôn định xã hội

bùi mộng hùng

T háng hai 1993, tại thành phố Hồ Chí Minh, đình công bùng nổ tại ba doanh nghiệp có vốn nước ngoài đầu tư : mồng 2 hơn 100 công nhân xí nghiệp Triumph International VN-LTD sản xuất đồ lót phụ nữ (100% vốn từ Công hoà liên bang Đức) đồng loạt ngừng việc ; mồng 6, đến lượt 650 công nhân công ty Ree Young liên doanh với Nam Triều Tiên sản xuất túi da ; rồi ngày 18 là 200 công nhân công ty Thái Bình gia công xuất khẩu túi xách cho Nam Triều Tiên (*Điển Đàn số 18, 4.93*)...

Công nhân công ty Triumph tâm sự : " Họ ' xay ' tại em ghê lắm ! Mời xin vào làm, nói là học việc nhưng làm không đúng yêu cầu là chỉ 3 ngày sau họ đuổi ngay. Những người còn lại, bước sang ngày thứ tư là họ giao khoán."

Những người còn lại đều là đã có tay nghề. Tiêu chuẩn tuyển rất gắt : trẻ, từ 18 đến 25 tuổi, có bằng may công nghiệp, tốt nghiệp cấp III, nhiều người là thợ may lành nghề đã có thời gian làm cho các xưởng may của Hanzoo, Minh Phụng... Làm được việc thì số sản phẩm giao khoán cứ tăng thêm. Mà lương thì cứ dặm chân tại chỗ nơi mức lương học việc, mỗi tháng 22,65 đôla, nghĩa là 70% lương tối thiểu 35 đôla/tháng. Lại còn phải trừ khoản đóng quỹ bảo hiểm xã hội. Một bữa cơm trưa cũng không được, công nhân phải ra ăn ngoài tốn thêm 3000 đồng một bữa cơm. Đã vậy còn bị đốc công người Phi Luật Tân la mắng suốt ! (*Người lao động*, 8.2-15.2.93)

Công nhân Ree Young cũng đồng một tình trạng. Mỗi ngày làm việc 9 giờ đồng hồ, từ 7 giờ sáng đến 5 giờ chiều. Phần lớn trong số 680 công nhân chỉ được lãnh 18 đôla một tháng. Có một số ít hưởng lương cao hơn, nhưng cũng chỉ đến 30 đôla là "chạm nóc". Nghe lãnh lương đôla có vẻ oai, quy ra tiền Việt Nam chỉ có 180 000 đến 300 000 đồng. Trong khi tại thành phố Hồ Chí Minh có những nơi như Viettronics ở Thủ Đức lương công nhân là 650 000 đồng một tháng (*Người Lao Động*, 15.2-22.2.93).

Con giun xéo lăm cũng phải quắn. Sau ba ngày đấu tranh, hội đồng quản trị xí nghiệp Ree Young chấp nhận yêu sách của công nhân : thực hiện mức lương tối thiểu 35 đôla một tháng, làm việc 8 giờ một ngày, ký hợp đồng lao động với từng người, ký thoả ước lao động tập thể, chuyên gia Nam Triều Tiên tự kiểm điểm và xin lỗi công nhân về những đối xử thô bạo của họ. Ban giám đốc Triumph International cũng giải quyết bước đầu những đòi hỏi của công nhân và bằng lòng chi cho mỗi người 2000 đồng / ngày tiền cơm trưa.

Ba vụ đòn dập trong một tháng. Mà đình công ở xí nghiệp Ree Young là vụ lớn nhất từ sau 1975 tới nay. Chuyện trở thành vấn đề thời sự. Dư luận xôn xao.

Tranh đấu của công nhân thắng lợi. Nhưng xuyên qua các vụ tranh chấp này, ánh đèn thời sự rọi vào khoảng trống luật

pháp bảo vệ công nhân lao động. Vào sự vắng mặt của bộ máy công đoàn, mà nhiệm vụ theo hiến pháp 1992 là "...bảo vệ quyền lợi của cán bộ, công nhân, viên chức và những người lao động khác..." (điều 10). Công nhân bị chủ nhân ngược đãi bất chấp mọi qui định về chế độ lao động, tiền lương của nhà nước, công đoàn không hề biết tới. Tức nước vỡ bờ, công nhân buộc lòng phải đấu tranh, công đoàn vắng mặt. Đấu tranh, đình công đều là tự phát.

Đây không phải là những trường hợp đầu tiên. Trong năm 1992, ở các xí nghiệp Giày Hiệp Hưng, Lạc Tỷ, Dệt vớ xuất khẩu Tân Bình, Việt Thắng... tất cả là chín nơi đã xảy ra đình công, lăng công, đã xảy ra chuyện chuyên gia nước ngoài đánh đập công nhân và bị đánh trả. Và mới chỉ kể những vụ mà chủ tịch Liên đoàn lao động thành phố Hồ Chí Minh bà Hoàng Thị Khánh biết được (*Tuổi Trẻ* 16.2.93). Hầu hết ở bất cứ nơi nào công đoàn cũng vắng bóng, và nếu có mặt thì đôi khi lại là chính vị chủ tịch công đoàn kèm hăm những đòi hỏi chính đáng của đám công nhân mà công đoàn có nhiệm vụ bảo vệ, như sẽ trình bày trong một đoạn sau.

Vấn đề không chỉ riêng ở thành phố Hồ Chí Minh. Tại Quảng Nam Đà Nẵng, công nhân xí nghiệp giày Quốc Bảo (100% vốn của công ty Gold Medal Footwear, Đài Loan) cũng khiếu nại những việc tương tự : bị đối xử thô bạo, đi làm trễ bị bắt phơi nắng, bắt buộc làm 11 giờ một ngày, chế độ trả lương không rõ ràng, sản phẩm làm đúng tiêu chuẩn xuất khẩu, nhưng lương chỉ trả như cho người học việc... (*Tuổi Trẻ* 11.2.93)

Rõ ràng là cơ chế để giải quyết cho thoả đáng những tranh chấp giữa chủ và người làm công đã trở thành một vấn đề cấp bách trong xã hội nước ta ngày nay. Những vụ đình công quan trọng liên tiếp vừa mới xảy ra đặt lại vấn đề tư cách đại diện của công đoàn cùng tính cách độc lập của nó. Vì thế đặt lại vấn đề căn bản : quan niệm về quyền đấu tranh, đình công của công nhân lao động, về vai trò của công đoàn trong một xã hội với nền " kinh tế nhiều thành phần theo cơ chế thị trường..." như điều 15 của hiến pháp 1992 đã khẳng định.

Tổng liên đoàn lao động Việt Nam là một bộ máy to lớn cồng kềnh trải rộng từ trung ương đến cấp tỉnh, cấp huyện, đến các công đoàn cơ sở. Quanh năm hết cấp trên mời cấp dưới lên họp, lại đến lượt cấp dưới mời cấp trên xuống họp. Rồi quanh đi quẩn lại đã hết nhiệm kỳ, lại phải lo tổ chức đại hội cấp này cấp kia. Mỗi kỳ đại hội là bao nhiêu công việc đồn đập, tốn cả năm trời vất vả.

Bận tút tít, cán bộ chủ chốt công đoàn cấp trên chẳng còn thì giờ xuống đến cơ sở. Nếu có thì cũng chỉ dừng lại ở văn phòng, tiếp xúc với chánh, phó chủ tịch công đoàn, phát biểu những lời sáo mòn đã được soạn thảo từ trước. Chẳng có gặp gỡ trực tiếp công nhân, lắng nghe tiếng nói đích thực của người lao động (*Lao động* 18.2.93). Liên đoàn đang chuẩn bị đại hội VII, trong số 1000 công đoàn cơ sở đã bầu lại ban chấp hành chỉ có 6 nơi là người chủ tịch được công nhận đích thực "chọn mặt gửi lá phiếu" (*Lao động chủ nhật*, xuân 1993). Chả trách người lao động xa cách với các "quan công đoàn" cấp trên.

Báo *Lao động chủ nhật* xuân 93 kể một chuyện có thật. Gần đây, một anh công nhân hơn 30 tuổi nghè đã nhiều lần được bằng lao động - sáng tạo, được đại hội công đoàn cơ sở của anh bầu làm phó chủ tịch. Khi phải cùng với đoàn viên đấu

tranh với ban giám đốc công ty, anh đã đến tìm phóng viên báo chí theo cách của những người hoạt động bí mật trong lòng địch những năm xưa : đi xích lô vào chợ Bà Chiểu, đảo một vòng xem có bị bám đuôi hay không, rồi nhảy lên một chiếc xích lô khác, phóng thẳng đến nhà phóng viên.

Anh phó chủ tịch công đoàn cũng không báo cáo với cấp trên về công cuộc đấu tranh của cơ sở mình. Vì không tin các " quan công đoàn " cũng có. Nhưng còn thêm một lý do khác : số phận anh phó chủ tịch công đoàn nằm ở trong tay ông giám đốc công ty của anh, mà các mối liên hệ thì dắt dây tròng chéo giữa các cấp quản lý xí nghiệp và công đoàn. Độc lập về tổ chức của công đoàn chỉ có tiếng mà chưa có miếng.

Mặc dù tổng bí thư Đỗ Mười có nói : "... Đảng không can thiệp thô bạo và vụn vặt, không làm thay công đoàn ", nhưng nhanh nhảm những ví dụ cụ thể người đứng ra đấu tranh chống việc làm sai trái sau đó " tránh đâu " cho khỏi búa rìu của cấp ủy đảng trong ban lãnh đạo công ty.

Tờ *Lao động chủ nhật xuân* 1993 kể một chuyện xảy ra tại Công ty dịch vụ thành phố Hồ Chí Minh. Năm 1988 nhiều đoàn viên, cán bộ, công nhân đứng lên tố cáo tiêu cực trong công ty. Bí thư đảng uỷ Trần Tấn Tạo mạt sát họ là " bọn phá hoại ". Chủ tịch công đoàn Xứng hùa theo khẳng định là không có tiêu cực mà chỉ có bè phái chống đối...

Sau nhiều tháng điều tra, đoàn thanh tra nhà nước kết luận là " mọi tiêu cực quần chúng tố giác đều có thật ". Thế nhưng ông Trần Tấn Tạo được lên lương và chuyển công tác về phụ trách kinh doanh ở T.78. Ông Xứng được chuyển công tác làm giám đốc một xí nghiệp lớn của công ty.

Trong khi đó những người đứng ra tố giác đều tan tác. Chị Tuyết Vân ở Cửa hàng quốc tế, đảng viên dự bị, bị ép không cho chuyển đảng chính thức và cho về hưu non ; anh Trinh một chuyên viên giỏi bị buộc phải nghỉ việc ; phó giám đốc Lê Văn Ngay bị ép về hưu với lý do " tố giác với cấp trên dẫn đến thanh tra, làm công ty mất ổn định ". (Có lẽ cũng nên nói thêm cho câu chuyện được có hậu, một năm sau khi được chuyển lên, tại T 78 ông Trần Tấn Tạo làm thất thoát của công quỹ hơn một tỷ đồng, còn ông Xứng vì nhận hối lộ 5 triệu đồng mà bị cho về hưu, nhưng dù sao cũng " hạ cánh an toàn ").

Tại các công ty liên doanh với tư bản nước ngoài, cung cách nhiều người trách nhiệm công đoàn được chính thức điều tới vẫn rập theo khuôn cũ ở các xí nghiệp quốc doanh. Đối xử của ban giám đốc với công nhân có sai với qui định của nhà nước tới đâu đi nữa, nhiều vị chủ tịch công đoàn cũng nhăm măt, sống chết mặc bay. Cấp uỷ đảng bảo làm sao thì y theo làm vậy, không bao giờ dám có một ý kiến độc lập. Ví dụ cụ thể tại công ty liên doanh Nhà máy giày An Lạc và công ty Lạc Tỷ của Đài Loan, công nhân bị buộc phải làm việc 12 giờ một ngày, căng thẳng quá, nhiều chị em bị ngất xỉu. Chị chủ tịch công đoàn không làm gì khác hơn là lặp lại ý kiến của ông phó giám đốc công ty, một cán bộ đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, được chính thức điều tới nắm chức vụ này : " Chúng ta phải mềm dẻo bàn bạc, khuyên công nhân cố gắng nhẫn nhục, đừng làm căng, họ rút lại không đầu tư nữa thì mình thiệt, mất cơ hội có công ăn việc làm ".

Nói cho ngay, ông phó giám đốc, chị chủ tịch công đoàn cũng như các cán bộ do cấp trên điều tới công ty liên doanh đều được hưởng lương cao hẳn so với công nhân. Chả trách

người công nhân lao động nhận xét : " Quyền lợi của những người này không gắn với đoàn viên mà gắn chặt với những người có chức có quyền, ban phát lợi lộc cho họ ".

Công đoàn không độc lập. Người công nhân lao động không thấy công đoàn là người đại diện cho họ, bảo vệ những quyền lợi thiết yếu nhất của họ. Ta chẳng lấy làm lạ khi thấy các cuộc đấu tranh của công nhân lao động tự phát nổ ra. Không có công đoàn tham gia, hướng dẫn. Ngay tại những nơi chính thức có mặt công đoàn như xí nghiệp Lạc Tỷ, xí nghiệp Dệt vớ xuất khẩu Tân Bình, Công ty may Hajoo...

Trong nước, có ý kiến đánh giá rằng hiện tượng ấy là tốt, chứng tỏ rằng cán bộ công đoàn cơ sở rất vững vàng, có ý thức trách nhiệm giữ vững sự ổn định, có nhận thức " đình công là đánh vào chính mình " (*Lao động chủ nhật xuân* 1993). Xin không bàn làm gì đến tình thế siêu thực các nước xã hội chủ nghĩa hiện thực trước đây cùng thuyết người lao động làm chủ, vì thế không có lý do gì mà đình công. Để trở về tình hình thực tại " kinh tế nhiều thành phần theo cơ chế thị trường " của xã hội ta ngày nay. Mới đó mà tranh chấp lao động đã liên tiếp bùng nổ, phá tan cái hình ảnh ổn định giả tạo. Đồng thời vạch trần sự bất lực của công đoàn : Công nhân bắt buộc phải dùng biện pháp đình công chính là vì công đoàn hữu danh vô thực, trốn tránh trách nhiệm đứng ra bàn bạc với chủ nhân tìm giải pháp ổn thoả trước khi cuộc tranh chấp trở nên gay gắt.

Cũng có ý kiến " Io ngại nếu tình trạng đình công trở nên phổ biến sẽ làm cho người nước ngoài ngừng khi vào làm ăn ở nước ta, bởi họ cho rằng người lao động của ta là lực lượng có tổ chức " (*Lao động* 21.2.93). Và thấp thoáng đâu đó ý đồ tước quyền đình công của người lao động.

Có ai từng thấy nơi nào thu hút được đầu tư nước ngoài vì luật pháp không công nhận quyền đình công ? Lý do đơn giản là vì cấm đoán thô bạo, cho đến ngay cả đòn áp đẫm máu của thực dân, của tư bản có bao giờ ngăn nổi đình công đấu tranh dữ dội ! Nếu còn nghi ngờ về điểm này thì xin hỏi lại những người cộng sản chân chính đã sống qua thời Pháp thuộc thì rõ.

Các nhà tư bản thì họ đã thẩm thía việc này. Điều làm cho họ e ngại không phải là lao động có tổ chức. Mà là thiếu luật pháp minh bạch giải quyết mọi tranh chấp có thể xảy ra. Là vắng mặt công đoàn có uy tín, thực chất, thực lực.

Chính sách thịnh hành ngày nay là giới chủ nhân ký kết với đại diện công nhân lao động các thoả ước khung và từng ngành, nhờ đó tránh bớt tranh chấp bạo lực làm xáo trộn ổn định xã hội. Mà cơ sở để cho chính sách thương thảo này được thực thi, chính là sự hiện diện của các công đoàn độc lập, có ý thức trách nhiệm và được công nhân lao động tín nhiệm.

Một khi đã chấp nhận cơ chế thị trường với nhiều thành phần xã hội mà quyền lợi có khi trái nghịch nhau, thì ta rơi vào tình thế tương tự với một nước tư bản. Hướng đi ít xáo trộn xã hội nhất là mau chóng ban hành bộ luật lao động. Và xây dựng công đoàn độc lập, có thực chất thực lực, đầy đủ uy tín để đàm thoại với giới chủ nhân. Nhà nước đứng làm trọng tài. Có vậy mới bảo đảm được lợi ích chính đáng của mỗi giới trong ổn định xã hội và cho phát triển được hài hòa.

B.M.H. (4.93)

Lời người viết : Bài tường thuật này đã được viết bằng Anh ngữ cho một số bạn bè thân hữu cùng lứa tuổi của tôi, những người rời Việt Nam khi còn quá nhỏ tuổi. Viết ra để chia sẻ những cảm xúc của một người đi tới một nơi đáng lẽ là "của mình" mà lại là không phải "của mình"; đáng lẽ là "đi về" nhưng lại là "đi tới". Tôi cảm ơn báo Diễn đàn đã dịch bài này ra Việt ngữ; hy vọng các cô, chú bác sẽ hài lòng với cái nhìn của một người trẻ.

yêu sài gòn



TRẦN AN LĨNH

Tôi nghĩ mỗi người đều có những hình ảnh nào đó của tuổi thơ vẫn còn ghi khắc sâu đậm trong lòng. Những hình ảnh mà ta đã thu lượm dọc đường đời khi ta khôn lớn. Những hình ảnh mà khi nhìn lại, khiến ta nhận thức rằng đó chính là "lần đầu" ta biết đến một khía cạnh nào đó của cuộc sống; như cái chết, tình yêu, hay sự nghèo khổ... Tôi cũng có một hình ảnh như thế.

Đó là một buổi tối trong một khu phố đông đúc ở Sài Gòn cách đây đã lâu lắm. Tôi không nhớ lúc ấy tôi mấy tuổi, có lẽ trong khoảng năm đến mười tuổi. Tôi ngồi ăn chè với ba má tôi. Chúng tôi vừa ăn vừa nói chuyện thật vui vẻ. Lúc chúng tôi vừa đứng dậy và ba tôi đi trả tiền thì có chừng hai ba đứa nhỏ, có lẽ cũng không lớn tuổi hơn tôi, nhào tới bàn húp hết phần chè dư. Tôi đi với ba má tôi vài bước rồi ngoài cổ nhìn lại mấy đứa trẻ đang ăn chè dư của mình. Không biết lúc đó tôi nghĩ gì, hoặc là có biết gì để mà nghĩ không. Chỉ biết rằng tôi rất bức rứt. Đó là lần đầu tiên tôi thật sự cảm thấy được sự nghèo khổ. Lúc đó, qua đầu óc đơn giản của một đứa bé, tôi biết rằng có một cách biệt lớn giữa tôi và những đứa nhỏ kia; rằng chúng khác tôi. Khác biệt đó là sự nghèo khổ.

Chuyện đã hơn hai mươi năm rồi.

☆

Năm : 1992. Tháng : tháng mười một. Ngày : một ngày trong tuần. Giờ : giữa trưa. Nơi : Sài Gòn. Tôi đang ngồi ăn trưa với một người bạn tại một quán cơm bình dân. Khi chúng tôi ăn gần xong thì có hai đứa trẻ áo quần rách rưới đến xin ăn phần còn lại. Tôi chẳng nói gì. Bạn tôi đưa cơm thừa cho đám trẻ. Khi chúng đi rồi, tôi quay sang nói với bạn, giọng run run : " Đó là một trong những lý do khiến tao lại trở về đây ".

☆

Tôi còn nhớ cái đêm đầu tiên tôi tới Kathmandu, xú Nepal năm năm về trước. Tôi đi bộ trên đường và nhìn những đền chùa cổ và những ngôi nhà có lẽ được xây từ thế kỷ trước, tôi có cảm giác rõ rệt về sự đảo lộn của thời gian. Tôi như đang bước vào quá khứ. Sài Gòn thì khác hơn. Sài Gòn có những toà binh-dinh hiện đại, xe hơi, xe gắn máy... Nhưng những ngày đầu tiên trở lại Sài Gòn đối với tôi cũng là một sự đảo lộn của thời gian. Một cuộc hành trình vào quá khứ. Tôi đi đến chỗ chơi của mình thời tuổi nhỏ. Nơi đó vốn là Câu lạc bộ thể thao Sài Gòn. Bây giờ nó có tên mới là Nhà Thanh niên, hoặc một tên gọi tựa tựa như vậy. Tôi đứng đó, nhìn những bức tường lở, nơi ngày xưa là vườn chơi trẻ, nhìn những hòn gạch bể, rác rưởi. Tôi đứng đó. Bóng ma của một thời khác và của một chiều kích không gian khác. Tôi thấy buồn nhưng không buồn lắm. Chỉ thấy chán nản và cô đơn. Thời gian qua thật mau! Tôi chợt thấy mình già.

Bóng ma di dạo quanh, qua sân quần vợt, hồ bơi, phòng tập thể dục. Chẳng ai buồn để ý đến nó. "Đây không phải chỗ dành cho các người. Các người đừng xâm phạm vào thế giới của riêng tôi, mảnh đất thiêng liêng của riêng tôi".

Bóng ma hét to mà chẳng ai nghe. Bóng ma bỏ đi, biết rằng nơi này không còn là của nó. Nơi đây giờ là của họ... Nó chỉ là một bóng ma.

☆

Một buổi sáng, vài ngày sau khi tôi về Sài Gòn, ba tôi nói ra một nhận xét về tôi : " Con có vẻ lạnh lùng ". Tôi không ngạc nhiên khi nghe vậy. Chính tôi cũng không hiểu nổi được về sự lạnh lùng của mình. Khi thấy lại ba tôi và họ hàng ở phi trường, tôi không khóc. Chẳng những tôi không khóc, mà cũng không hề cảm thấy lòng dâng lên những xúc cảm đáng lẽ phải có trong tôi. Nói chung, tôi bình tĩnh, điềm nhiên. Những ngày đầu tiên đó, khi tôi đi xe xích lô qua những con đường cách đây mười năm tôi đã từng đi qua, tôi cứ nhìn những binh-dinh, đường phố, người qua lại với một trạng thái tình cảm thật lạ; không buồn mà cũng chẳng vui. Tất cả là đây. Thành phố của tôi, đồng bào của tôi, bà con của tôi. Với tất cả, tôi đều không thấy gần gũi. Có một khoảng cách giữa tôi và cái thành phố đang tràn trề sức sống ấy.

Khoảng năm ngày sau cái hôm ba tôi có nhận xét về tôi, tôi phải đưa ông vào nhà thương cấp cứu, lúc bốn giờ sáng. Sau những lo lắng, chạy vạy, thủ tục giấy tờ, tôi ngồi bên ba tôi đang hôn mê trên giường bệnh; tôi phân vân không biết lúc đó tôi phải cảm thấy như thế nào nữa. Một lần nữa, tôi lại ngạc nhiên và bức bối về cái cảm giác xa cách của mình. Tôi nhớ tôi đã lặng lẽ khóc trong ngày đám cưới của anh tôi, ước chi ba tôi có mặt; nhớ tôi đã khóc trong buổi lễ ra trường của mình. Rồi những lần đi bộ từ trường trung học về nhà tôi vẫn ước phái chi có ba tôi bên cạnh. Tôi chậm rãi nắm lấy cánh tay gầy guộc của ba tôi, đặt lên đùi tôi. Tôi xoa xoa lên da thịt của ba tôi, vuốt ve trùm mền hệt như vuốt người yêu. Từ từ nước mắt chảy dài trên má tôi. " Đây là ba của tôi ".

Trong ba tuần lễ ba tôi nằm bệnh viện tôi từ từ khép kín lại được khoảng cách giữa tôi và Sài Gòn. Tôi học được cách mua thuốc và biết mua ở đâu (ở Sài Gòn, bệnh nhân phải tự mua thuốc lấy và đem đến cho bác sĩ). Biết được cách trả giá ở các hiệu thuốc. Cách nói dối với người gác cổng để họ cho

tôi vào thăm ba tôi ngoài giờ thăm viếng. Cách hối lộ các nhân viên để họ thay khăn trải giường, và rửa ráy đồ vệ sinh cho ba tôi. Họ hàng và bạn bè của ba tôi đã giúp tôi rất nhiều để săn sóc ông ; không có họ chắc tôi chẳng biết phải xoay xở ra sao. Họ nói chuyện về cha tôi cho tôi nghe, trong mười năm qua ba tôi đã sống như thế nào ; rồi họ lại kể về đời sống của họ, những chuyến vượt biên hụt ra sao, kể những chuyện tiểu lâm về chính quyền, chuyện ngồi lê đói mách... Những lúc rảnh rỗi, tôi lại lấy xe gắn máy đi rảo phố, ngồi cà phê vỉa hè, nói chuyện với mọi người, học tiếng lóng, tán những người đẹp qua đường (chuyện này tôi không giỏi lắm). Tôi bắt đầu nhìn ra cái Sài Gòn của bây giờ, chứ không còn là cái Sài Gòn tôi biết cách đây mười năm.

Bóng ma đã hồi sinh.



Sài Gòn là một nơi rất nguy hiểm cho đàn ông. Đặc biệt là đàn ông chưa vợ. Nguy hiểm gấp đôi cho đàn ông có tiền. Gấp ba nếu anh ta đang dịp nghỉ hè và nghĩ rằng mình cần phải tận hưởng cuộc đời. Bạn hiểu tôi nói gì.

Bia ôm mọc lên khắp Sài Gòn. Đêm đêm, hai bên con đường trước hẻm nhà ba tôi, ánh đèn nê-ông mồi gọi với những cái tên như Chiều Tím, Trúc Đào, Y Lan.... Và còn mồi gọi hơn nữa là những cô gái hiện ra trong trí tưởng khi bạn đi qua các nơi ấy. Nhưng bạn cần gì phải tưởng tượng. Các cô đi nghêu nghệ ngoài đường. Giày cao gót, mái tóc dài đen mượt nhu tơ, áo quần đẹp đẽ, trang điểm vừa phải. Và đôi mắt, những đôi mắt có khả năng xé banh con tim của bạn. Bạn thấy ngạt thở. Một buổi tối nọ, tôi quyết định đi đến quán bia ôm. Thủ cho biết. Tôi có 90 000 đồng trong túi. Tôi hỏi Út vậy có đủ cho cả hai người không. Hắn nói đủ. Chúng tôi đi đến một biệt thự có cái tên Trúc Vân. Tôi dặn Út đừng nói lộ tôi là Việt kiều. Người hầu bàn đưa chúng tôi đến một căn phòng, có một cái bàn và dăm ba cái ghế. Út gọi hai chai bia và hai cô. Tôi bồi thêm : "Không đẹp không tính tiền à nhe". Vài phút sau, hai cô đi ra đem theo bia và vài thức ăn nhẹ : bánh quy (crackers), đậu phộng, pho-mát... Một cô ngồi xuống bên Út, cô kia ngồi cạnh tôi. Lúc đầu tôi chẳng biết

phải xử sự ra sao. Tôi vốn là một thằng con trai "nhà lành" nên không quen những chuyện này. Khi cô nàng rót bia ra và đưa cho tôi uống, dịu dàng bỏ mấy trái nho vào miệng tôi, tôi mới nghĩ "cũng được lắm". Tôi bắt đầu cho những ngón tay đi dạo. Dĩ nhiên là không đi quá xa. Cô ta có mái tóc dài mượt, mùi nước hoa dùu dịu dễ chịu. Tôi nghịch với tóc cô, nhẹ nhàng xoa má cô. Chúng tôi nói chuyện bâng quơ, có bao nhiêu cô làm việc ở đây, một ngày cô làm được bao nhiêu tiền... Tôi cảm thấy cô ta mới vào nghề. Cũng như tôi vậy thôi. Mỗi lần tôi sắp hôn lên má thì cô lại nhẹ nhàng tránh đi. Tôi hỏi cô đi làm được lâu chưa. Chỉ mới vài tháng thôi. Tôi nói kiếm tiền như vậy cực quá. Cô thở dài. Ở ghế bên kia, Út như một con bạch tuộc ôm xoắn lấy cô gái kia.

Khi tính tiền, giá gần chẵn 100 000 đồng. Út phải bỏ thêm 10 000. Tôi thật bối rối vì không còn xu nào để làm quà cho hai cô gái. Tôi nói tôi mai tôi sẽ đem tiền đến. Hai cô bảo chả sao. Chúng tôi không còn cả tiền để trả tiền gởi xe ; may mà người ta vẫn bỏ qua, và để cho đi. Hôm sau tôi nhờ Út đưa lại cho hai cô 60 000 đồng. Một sự bắt đầu chẳng tốt tí nào...

Cũng cần phải nói thêm, Út 25 tuổi. Anh chàng đẹp xích lô và vẫn thường đưa đón ba tôi đi thăm bạn bè ông. Mỗi ngày Út kiếm được chừng 20 000 đồng (khoảng 2 đô). Năm ngoái, cô vợ cưới từ một tỉnh nhỏ bỏ Út để đi bán bia ôm. Bây giờ cô ta có Honda, đeo đồ trang sức, mặc quần áo đẹp. Cô ta vui hưởng đời mình. Út thì vẫn đẹp xích lô.



Lại chuyện các cô. Các cô Việt Nam thật là bà chắt. Có nghĩa là các cô hết sẩy, nói theo tiếng lóng trước 75. Nghĩa là các cô *D, E, P, nặng*. Mà lại có rất nhiều cô.

Đạo chợ Bến Thành lần đầu, tôi chợt nghĩ đến câu tục ngữ "trai khôn tìm vợ chợ đông". Cứ tưởng lâu nay mình hiểu nghĩa câu tục ngữ đó ; nhưng phải đến bây giờ tôi mới thực sự là hiểu. Họ ở cùng khắp các khu chợ, nhất là khu bán quần áo. May mà ngày nào tôi cũng đi bơi và có bộ cơ tim tốt, nếu không có lẽ chỉ ngắm các cô mua bán bình thường cũng đủ cho tôi ngất xỉu. Thích nhất là mắt và lông mày của các cô. Tôi tự hỏi sao trời có thể tạo ra nhiều cặp mắt đẹp đến thế. Mắt phụ nữ Việt Nam đẹp vì nó nói rất nhiều. Đẹp không chỉ thuần ở vẻ đẹp thể chất. Bởi tôi không chỉ nói về các cô trẻ, đẹp không thôi, mà ngay đến các bà đã lớn tuổi hoặc kém xinh xắn cũng vậy. Có thể vì họ đã trải qua nhiều năm chiến tranh dữ dội và lắm đau khổ. Cũng có thể vì vị trí xã hội của phụ nữ không được tự do nói và làm những điều họ cảm như nam giới ; thành ra tất cả những xúc cảm của họ đều kết tụ vào đôi mắt. Mỗi một đôi mắt đều có một câu chuyện để kể. Chuyện người yêu đi vượt biên hay chết bên Campuchia. Chuyện nhiều cô không dám có người yêu vì đang chờ đi Mỹ.

Mỗi ngày vào khoảng 4, 5 giờ chiều, giờ tan học, đường phố Sài Gòn tràn ngập những tà áo dài trắng tung bay. Khắp mọi nẻo phố phường, đàn bướm trắng ấy. Họ thong thả dong xe về nhà, sánh đôi. Đây là đặc điểm của họ. Họ rất thích đi đôi. Một tay cầm ghi đông, tay kia trong tay bạn.

Thong thả đạp xe, cười, nói, chẳng chút bận tâm đến cái ồn ào chung quanh, những chiếc Honda vọt qua, cái nóng bức của thành phố xô bồ này. Rồi đến một khúc quanh. Một người đi thẳng, người kia queo đường khác. Mai nhé !

Nét duyên dáng của Việt Nam chính là nhờ ở người

Thế hệ không mặc cảm

Trần An Lĩnh, tác giả bài này, năm nay khoảng 30 tuổi. Anh sang Mỹ năm 1975, khi còn nhỏ. Cuối năm 1992, trở về Việt Nam lần đầu tiên. Như tác giả nói trong lời mào đầu, bài này nguyên thuỷ viết cho bạn bè cùng lứa. Chúng tôi cảm ơn tác giả đã đồng ý cho đăng trên Diễn đàn.

Chúng tôi muốn đăng bài này, cũng như đã đăng bài của Nguyễn Hương (Diễn đàn số 18), vì có ý giới thiệu với bạn đọc cái nhìn của thế hệ trẻ. Trần An Lĩnh, cũng như Tiana Thanh Nga (xem bài giới thiệu phim From Hollywood to Hanoi trong số tôi), tuy không sinh đẻ tại Mỹ, nhưng đã lớn lên ở đó, và trên thực tế, tiêu biểu cho thế hệ hai của cộng đồng di tản. Họ nhìn Việt Nam bằng con mắt không mặc cảm, hay ít nhất, không vuông mắc những mặc cảm và định kiến của thế hệ cha anh.

Cuộc đối thoại mà tờ báo này triển khai không thể thiếu vắng tiếng nói của thế hệ ấy.

phụ nữ.

Nhiều lần tôi đi xe Honda chậm chậm theo các cô, từ xa. Chỉ muốn nhìn họ và tưởng tượng không biết đời mình sẽ như thế nào nếu mình lớn lên ở đây. Có lẽ tôi sẽ giống như cậu con trai kia, đang đi xe gắn máy thật chậm cùng với người yêu đang đi xe đạp. Mỗi khi tôi nghĩ đến chiến tranh và sự nghèo khổ, tôi thường biết ơn những cô gái đầy vẻ ngây thơ này. Tôi nghĩ đến các mẹ, các bà. Người đàn bà vẫn là người phải chạy cám, người đàn bà vẫn là người đi thăm nuôi. Người đàn bà vẫn là người bị bỏ lại đằng sau. Đàn ông lúc nào cũng bận rộn — đánh giặc hay đào thoát. Đôi lúc, tôi thử tưởng tượng xem các cô làm gì khi về đến nhà. Có thể ra chợ bán hàng giúp mẹ... Có thể đi bán bia ôm.

Việt Nam may mắn đến chừng nào để có được những người phụ nữ của mình.

★

Một trong những điều thích thú ở Sài Gòn là chạy xe gắn máy. Bạn có thể mua một chiếc Honda 50 cc vào khoảng 700 đôla. Rồi bán lại trước khi rời Việt Nam. Khéo lại có lời. Có nó, bạn muốn đi đâu thì đi, khỏi phiền hà đến ai.

Chạy xe ở Sài Gòn dễ sợ lắm, ai bị bệnh tim thì không nên thử. Đường phố Sài Gòn hầu như không có làn (lanes); mà nếu có thì thiên hạ cũng phớt lờ đi. Cũng giống như họ phớt lờ đèn đỏ hoặc các dấu hiệu đi đường... Thành ra, với người mới chạy xe, quẹo trái là cả một kinh nghiệm. Luật số một về chạy xe gắn máy ở đây : *Ai làm sao mình làm vậy. Ai làm vậy mình làm theo*. Điều này có nghĩa nếu không ai dừng lại khi đèn đỏ thì mình cũng không nên dừng lại.

Luật số hai : *Coi chừng người đang trước, không cần để ý người đang sau*. Cứ thế, người đang sau bạn lại dùng luật số hai này để canh chừng bạn. Chúng ta quen lái ôtô có kính chiếu hậu. Xe gắn máy ở Sài Gòn không có kính chiếu hậu. Luật số ba : *Ai đi nhanh hơn thì người ấy có quyền*. Đừng có dại mà quẹo trái khi chiếc xe chiều kia đang lao tới 50 km/giờ (khoảng 30 dặm). Đây chỉ là kiến thức thông thường thôi, đâu cũng vậy. Nhưng tông xe hơi ở tốc độ 50 km/giờ thì chỉ có xe bị hư, còn tông xe gắn máy ở tốc độ 50 km/giờ thì có thể mất mạng. Tôi bị tông xe một lần, nhưng tôi rất may. Bạn có thể sẽ không được may mắn như tôi lần đó. Thật ra, tôi may mắn ghê lắm, ba tôi bị ném xuống đường ximăng như một bao gạch. Tôi thất kinh, ông vừa ở nhà thương ra mới được ba tuần. May mà ông không sao. Lần đó tôi chỉ chạy 25 km/giờ.

Đèn bồi cho tất cả mọi thứ đó là cái thú đi rảo phố. Đi đến cả những nơi bạn chưa bao giờ nghĩ mình sẽ tới. Một trong những trò thú vị nhất của tôi là dong xe ở khu trung tâm Sài Gòn về đêm. Tôi đi những con đường "chính" xem gái ăn sương kiếm khách. Hoặc đi vòng nhà thờ Đức Bà coi những đôi uyên ương bám riết lấy nhau. Bạn tôi cho là tôi kỳ quái. Không. Tôi chỉ muốn nhìn thấy khuôn mặt của thành phố này. Một trong những trò chơi bọn con trai ưa thích là tối thứ sáu hay thứ bảy, khi một cô gái xinh xắn / sexy, tóc dài, váy ngắn, lưng trần (các cô ở đây cũng tự do — *liberal* — ra gì lắm) phóng xe qua, bọn con trai bèn bật đèn pha lên để nhìn cho mãn nhãn cái cảnh ngoạn mục.

★

Tôi gặp ông ta trong bệnh viện. Ông đến để chăm sóc người cha nằm chung phòng với ba tôi. Hôm trước, người bà con đã cho tôi biết là có một cán bộ nằm chung phòng với ba tôi. Cách đây vài năm, ba tôi nằm điều trị ở một bệnh viện khác, và một cán bộ được xếp nằm cùng phòng với ông ; vài bữa sau, ba tôi bỏ bệnh viện, gọi xích lô đi về nhà. Bà con trong họ lo rằng chuyến này ba tôi lại nặng nặc đòi về.

Ông ta khoảng độ 50. Người gầy nhỏ, cao độ 1m57, dáng điệu hiền hoà. Thoạt tiên tôi không để ý đến ông. Cho đến lúc ông bước đến bên giường ba tôi và hỏi : “ *Cụ khoẻ chưa cụ ?* ”. Thế là hỏng. Ba tôi, khoảng độ 67 tuổi, không thích bị xem là già. “ *Xin đừng gọi tôi bằng cụ... tôi chưa già* ”. Ông ta cười : “ *Cho tôi xin lỗi. Tôi quá quen với cách xưng hô của miền bắc* ”. Đoạn ông bước ra ngoài hành lang, nơi tôi đang đứng. Tôi nhận xét : “ *Nhưng chú đâu có nói giọng bắc* ”. Ông nói : “ *Tôi là người miền nam* ”. “ *Vậy chú tập kết ra bắc ?* ”. “ *Không, trong trận Mậu Thân, tôi bị thương và được chuyển ra bắc để điều trị* ”. Tôi tức khắc hiểu ngay ông ta là một nhân vật quan trọng. Đầu phải một thương binh bình thường nào Việt cộng cũng chuyển ra tận ngoài bắc để chữa trị. Tôi nói : “ *Chuyển đi vậy là dài lăm* ”. “ *Vâng, chúng tôi phải đi xuyên qua Lào* ”. “ *Chú phải có chức vụ quan trọng lắm* ”. Ông ta cười và nói : “ *Không. Chỉ thường thôi* ”, xong ông ta đi vào trong và đến ngồi cạnh giường cha mình.

Họ hàng tôi nói rằng ông này trước là một sĩ quan cao cấp. Ông về hưu từ những năm đầu 80. Bà bạn của ba tôi nói : “ *Người tốt như ông ta hoặc xin thôi hoặc bị tống ra từ nhiều năm trước* ”. Bà nói với ông kia, nửa đùa nửa thật : “ *Tôi cũng vậy, tướng nhà tôi trước đây đầy bằng khen của Đảng, tôi gõ xuống hết rồi. Chừng đó năm tháng đánh Mỹ, giờ lại van cầu nó trở lại với đôla* ”. Ông lặng thinh.

Tôi nhìn ông ngồi đó, đeo kính lão, đọc báo. Một người trông thật bình thường. Đồng thời, tôi lại thắc mắc về những gì ông đã trải qua trong đời. Có lẽ ông đã dùng cả tuổi thanh xuân để chiến đấu cho lý tưởng của mình. Tôi tự hỏi ông nghĩ gì khi nghe những câu bình phẩm như thế ; chắc ông nghe cũng đã nhiều. Tôi tự hỏi ông cảm thấy gì khi Việt Nam ra nông nỗi này ; chắc ông phải buồn ghê lắm.

Hai, ba thế hệ những người tốt đẹp ấy đã chiến đấu và hi sinh, và giờ đây kết quả là một con số không to tướng. Người dân Việt Nam mang cái nghiệp dĩ gì đây ?

★

Khách sạn Rex ở vị trí rất thuận lợi ngay trung tâm Sài Gòn, góc đường Nguyễn Huệ và Lê Lợi.

Phòng ở đây giá từ 40 đến 100 đô la. Chỉ có khách ngoại quốc hoặc Việt kiều mới được phép đến đây. Có lần tôi phải trả về nhà lấy thông hành mới vào được. Điều đáng để ý là khách sạn này do Cục du lịch Việt Nam, một cơ quan chính phủ, làm chủ chứ không phải là tư nhân. Tôi cứ nghĩ, nếu ở Mỹ chắc khách sạn này sẽ bị mấy cái tổ chức *activist* kiện cho mà sập tiệm.

Trên lầu 5 có một vườn hoa lộ thiên gọi là vườn Thương uyển, phía sau, lên một cầu thang xoáy tròn ốc, là hồ bơi. Có một nhóm người chuyên lo cây cảnh chăm sóc những cây bonsai thật đẹp. Hầu như ngày nào tôi cũng đến đây bơi. Vé vào hồ bơi giá 2 đô la. Thực đơn ở đây in bằng tiếng Anh, giá tính bằng đô la — nghĩa là mắc. Tôi rất để tâm đến giá tiền

mắc mỏ ở đây, thành ra hồi đầu, khi mấy người bà con hỏi tôi đi bơi như vậy tốn bao nhiêu, tôi chỉ nói “nhiều lắm”. Rất nhiều khách nước ngoài đến kinh doanh với Việt Nam tụ tập ở khách sạn này. Đài Loan, Anh, Pháp... — và tất nhiên là Việt kiều — cùng với các phụ nữ của họ.

Ở trên này thì sướng lắm. Gió mát dễ chịu, khung cảnh đẹp mắt. Sự tiếp đón thì chăm cút. “Chà, sống vậy mới là sống”. Bạn không còn nghe thấy sự ồn ào náo nhiệt dưới phố. Trên này nhìn xuống, những chiếc xe gắn máy trông bé tí. Ở đây, bạn hoàn toàn tách biệt với cuộc sống xô bồ phía dưới. Thì giờ là để đọc một cuốn sách, bơi lội, trải qua một buổi chiều ướm lười, kết bạn, tán gẫu với bồi bàn, hay suy gẫm sự đời. Nghỉ đến những cô gái quyến rũ trong chiếc áo dài mình nhìn thấy ngày hôm trước. Đến những biệt thự đang mọc lên khắp Sài Gòn rồi lại nhớ đến con hẻm chỉ rộng chừng hơn một thước tây, hôm nào vì mải chạy rong mình vô tình lạc đến. Sài Gòn là thế đó. Sài Gòn giàu có, Sài Gòn nghèo khổ. Sài Gòn khêu khích, Sài Gòn e lệ. Nó cũ kỹ như những tòa nhà kiểu thuộc địa vẫn còn nhan nhản, nó mới mẻ như đường điện thoại quảng cáo trên các bảng quảng cáo.

Và khi đến lúc ra về, tốn độ 5 đô la. Bạn trả tiền, biết rằng mình vừa tiêu pha đắt hai ngày lương của một ai đó trong vài tiếng đồng hồ.

Ở Sài Gòn, tôi thấy rõ sức mạnh của đồng tiền.

★

An uống nơi quán cốc vỉa hè Sài Gòn là điều thú vị, nếu ta không ngại chuyện sạch sẽ. Hầu như ở mọi quán, những chiếc ghế chỉ cao độ 30 cm và bàn thì độ 60 cm đến non một thước. Lần đầu nhìn thấy chúng, tôi cứ tưởng là đồ chơi. Nhưng thức ăn thì ngon, thịt thì tươi; không có cái vụ gà đông lạnh ở đây. Họ có gà tươi ngay ở sau hè. Có đủ món ngon vật lạ cho những ai có máu phiêu lưu: thịt chó, thịt mèo, rắn...

Một chuyện bạn phải chịu đựng khi ăn uống ở những chỗ này là sự quấy rầy của những người ăn xin và bán vé số. Bạn nhất định phải học nói không; bằng không có cơ bạn sẽ không còn cả tiền để trả cho bữa ăn. Một ông bạn của chú tôi, tuổi khoảng vừa 60, có lần đã phải nói với vẻ chán nản, bức bối: “Cháu biết không, cháu bị huyết áp cao. Chú mà cứ phải lắc đầu để nói không với họ hoài, cháu dám bị vỡ vài mạch máu ở cổ chết như chơi”.

Nhiều khi họ quên là mình đã cho họ tiền và quay trở lại xin nữa.

Một tối, tuần đầu tiên tôi ở Sài Gòn, tôi đang ngồi ăn với một người bạn ở đường Đinh Công Tráng. Đây là một khu nổi tiếng và lúc nào cũng đông chật người. Chúng tôi vừa ăn vừa tán chuyện, thì có một “cặp hát dạo” đi quanh các bàn. Thường các cặp này gồm có một người lớn, tàn phế và một em bé. Người tàn tật thường là bị què cụt tay, chân hoặc mù. Người này đàn ghi ta và hát, còn em bé là người dẫn đường đi quanh các bàn. Em bé hoặc xin tiền, hoặc bán vé số. Giờ thì em bé đã dẫn người “hát dạo” đến bàn của tôi và mời tôi mua vé số. Tôi hỏi em bán mỗi vé số em kiếm được bao nhiêu, và tôi cho em từng đó tiền mà không mua vé số. Em lắc đầu và dẫn người đàn ông bỏ đi. Lạ thật, cậu bé này lại không lấy tiền của tôi cho. Bạn tôi nói có những người không nhận tiền bố thí. Tôi ngó qua bàn bên để ngắm chú bé kĩ hơn.

Chú ta cũng không hẳn là xinh trai, nhưng đôi mắt và lưỡng quyền đầy vẻ tự lập. Tôi gọi chú lại, mua hai vé số.

Từ hôm đó cho đến lúc tôi rời Sài Gòn, tôi còn gặp lại chú bé ấy và người đàn ông mù hai, ba lần nữa khi tôi đến ăn uống quanh khu đó. Lần nào tôi cũng mua vé số của chú vì tôi nghĩ chú là một hạt giống tốt. Lần cuối tôi hỏi chú: “ Tại sao tao lại gặp mấy hoài vậy hả ? ” Chú cười và nhại lại một câu tục ngữ Việt Nam: “ Hữu duyên thiên lí... thì gặp mà... ”

Điều đáng buồn đối với một đất nước nghèo khổ không phải chỉ ở những điều mà người dân nước ấy phải nhận chịu mà còn ở những gì thế hệ tương lai của nó phải nhận lãnh. Trẻ em như chú bé ấy đáng lẽ phải được dạy dỗ chứ có đâu bị vứt bỏ thế kia. Còn rất nhiều những đứa bé như chú trên khắp hè phố Sài Gòn.

★

Tôi gặp Steven, Kate, và một phụ nữ Anh khác mà tôi quên tên tại hồ bơi khách sạn Rex. Kate và cô bạn làm việc ở Hồng Kông, đến Sài Gòn vào dịp nghỉ vacation. Đây là lần thứ hai họ đến Việt Nam. Lần đầu họ đi Hà Nội và Huế. Steven là họa sĩ, anh vẽ kiểu đồ trang sức, đây là lần đầu tiên anh qua Á châu. Họ mời tôi uống rượu; tối đó là đêm Giáng sinh. Chúng tôi nói chuyện thật vui. Những người này không phải là du khách, họ đúng là những người đi đây đi đó. Có sự khác biệt giữa hai loại người này. Chúng tôi nói về những nơi mình đã đi qua. Họ hỏi tôi về Việt Nam, và tôi hỏi họ về hoàng tử Charles và công nương Di(ana).

Tối hôm đó tôi chở Kate đi thăm phố. Cô ta thấy trẻ con chạy chơi và đùa giỡn vui vẻ ngoài đường. Cô bình phẩm: “ Tôi nghiệp cho con nít Anh phải đi ngủ sớm quá ”. Cô ta nhận xét rằng mặc dầu nghèo, người Việt rất vui vẻ và nồng nhiệt, không gò bó lạnh lùng như người Anh. Tôi cảm giác cô là có thể vì cô không hiểu tiếng Việt nên cô dễ cho rằng họ sung sướng, biết đâu người ta đang cãi nhau đấy mà cô không biết. Mà họ hay cãi nhau thật, tôi đã được mục kích nhiều phen họ nặng nhẹ nhau chỉ vì những chuyện không đâu trong chợ.

Hai ngày sau tôi mời họ ăn tối ở nhà chú tôi. Đối với chú, đây là dịp để ông dượt lại vốn liếng tiếng Anh với người ngoại quốc, mười năm qua ông đâu có dịp để nói. Đối với các bạn người Anh của tôi, đây là dịp để họ gần gũi người địa phương. Chúng tôi đãi họ canh chua, cá kho tộ, và gà xào sả ớt. Thực đơn này chưa một lần phụ lòng tôi. Đãi các bạn Mỹ các món này, họ đều thích thú. Ăn tối xong, chúng tôi lên ban công ngồi nói chuyện bên đĩa du đủ và vú sữa. Steven và Kate rất tò mò muốn tìm hiểu về đời sống ở Việt Nam. Làm sao người ta có thể sống được qua những năm tháng này. Họ nghĩ sao về người Nga... Steven hỏi tôi người Việt nghĩ gì khi họ gặp người Tây phương. Tôi trả lời: “ Họ mừng vì điều này cho họ hi vọng. Họ thấy được là có những thay đổi ”. Steven nghe vậy thì thích lắm, anh ta rất ngại hình ảnh “người Tây phương xấu xa” (Ugly Westerners). Cả Steven và Kate đều khá bận tâm về khu phố trên đường Phạm Ngũ Lão. Đó là khu có những khách sạn giá hạ hơn, phải chăng hơn; nên là nơi những người mang ba lô đi du lịch (backpackers) tụ tập. Người Việt Nam gọi những khách lữ hành này là dân “ bụi ”. Và dĩ nhiên, nơi nào có nhiều người nước ngoài, nơi ấy có mãi dâm, đó là một hiện tượng xã hội phổ biến. Những người bạn

Anh của tôi rất lo lắng rồi đây những khu phố này sẽ giống như những khu phố tương tự của Bangkok — tràn ngập người nước ngoài, cần sa ma túy và đĩ điếm. Tôi hiểu mối lo ấy. Tôi ghé qua khu Phạm Ngũ Lão khá thường. Một người bạn thân của ba tôi ở trong khu đó. Cách nhà hàng Kim, nơi dân “bụi” tụ tập, chỉ vài căn phố. Tôi ưa ngồi trước nhà ấy ngắm nhìn sinh hoạt trên phố. Một hôm tôi nhìn thấy một chiếc xích lô chạy vù qua, tôi không nhìn thấy mặt người đạp xe, nhưng cũng thấy kịp người đàn bà ấy có mái tóc vàng. Chắc là một người nước ngoài muốn thử nếm mùi đạp xích lô. Tôi nhìn ngắm những người người ngoại quốc bên phía nhà hàng Kim, và những người Việt Nam tụ tập quanh họ. Một người bạn bình phẩm : “*Thời buổi này mấy đứa con gái dễ hư lắm*”.

Một buổi sáng tôi mục kích một sự việc khá thú vị trên phố Phạm Ngũ Lão. Tôi không biết chuyện bắt đầu ra sao ; chỉ thấy một anh chàng tóc vàng và một cô gái bán bánh. Trông chừng như cô gái bụng rỗ bánh đi bán dọc phố. Cả hai đều ngồi bệt trên lề. Anh chàng kia thì muốn gợi chuyện với cô gái, mà cô thì lại rất e thẹn. Nón lá che mặt. Anh kia cố tìm cách bắt chuyện với cô, anh ta còn biểu cô tiền nữa. Tôi không nghĩ anh chàng này có ý xấu. Có lẽ chỉ do ở tính quá thân thiện, tò mò và có ý muốn giúp đỡ cô gái. Nhưng cô gái vẫn không nhận tiền, cô cười e thẹn và giấu mặt sau nón lá. Cô sẽ nhìn lên thật nhanh, rồi lại vội vội vàng vàng giấu mặt sau chiếc nón. Có một chút gì tươi mát qua cái vẻ ngây thơ ngọt ngào ấy. Nó cho tôi sự hy vọng.

★

C ho dù có vui mấy đi chăng nữa, Sài Gòn đối với tôi có nhiều ý nghĩa đến mấy đi nữa, thực tế tôi vẫn không phải là một phần của Sài Gòn. Tôi không phải là một phần của đời sống đó. Tôi vẫn yêu và sẽ còn yêu mãi mãi Sài Gòn, nhưng qua những biến cố lịch sử không thể lý giải và các khúc quanh của số mệnh, tôi đã đứng ngoài Sài Gòn. Trên nhiều phương diện, tôi chỉ là một kẻ lữ hành. Trên nhiều phương diện, Sài Gòn chỉ là một thành phố của châu Á mà tôi đến thăm. Tôi không đau đớn lúc Sài Gòn đau đớn. Tôi không khóc lúc Sài Gòn khóc. Và tôi đã không cười lúc Sài Gòn cười. Trong mười tuần lễ ấy, Sài Gòn cho phép tôi được làm hòa với chính tôi, với thời thơ ấu của tôi, với ba tôi, và với đồng bào tôi. Sài Gòn đã cho tôi hòa nhập vào nó, cho tôi thật sự cảm nhận được nhịp sống thật của Sài Gòn, chứ không như tôi đã tưởng về nó. Sài Gòn đã cho tôi cái khoái cảm buổi sáng thức dậy được nghe tiếng Việt nói cùng khắp quanh tôi ; được đi trên phố và thấy toàn màu tóc đen. Sài Gòn cho tôi thấy đi ăn mày trên hè phố, bán thân trong các “ba”, cho tôi thấy những con người cố tìm cái tốt nhất trong những cảnh huống đầy bất hạnh là như thế nào. Sài Gòn đã phô ra cho tôi mọi thứ mà không thấy xấu hổ và tôi chấp nhận tất cả mà không phê phán. Tôi hết sức biết ơn. Sài Gòn như một người tình không bao giờ trở thành cõi dâu.

Tôi còn nhớ điều Steve nói khi anh phân bùa với tôi rằng việc anh trở về Anh trong điều kiện kinh tế hiện nay là khó khăn đến thế nào. “*Khi tôi về lại Luân Đôn, đó mới thực là cuộc hành trình*”.

Đối với tôi, cuộc hành trình đích thực là ở đây.

Hoa Kỳ, 21.4.1993
TRẦN AN LĨNH
M.L. và N.L. chuyển ngữ

Toà thượng thẩm Nanterre quyết án :

* *Phan Huy Đường* là đại diện hợp pháp duy nhất về mặt tác quyền của nhà văn *Dương Thu Hương* ở nước ngoài

* *Quê Mẹ* và *Võ Văn Ái* phải nộp trả bản thảo *Tiểu thuyết vô đẽ* cho Nhà xuất bản *Des Femmes*

Ngày 17.2.1993 vừa qua, Toà thượng thẩm Nanterre (Pháp), do bà Marais làm chánh án, đã ra quyết án về vụ kiện giữa Nhà xuất bản Des Femmes và hội AVECEL mà đại diện hợp pháp là ông Võ Văn Ái chung quanh quyền xuất bản *Tiểu thuyết vô đẽ* của nhà văn Dương Thu Hương.

Vụ án này (xem *Diễn đàn* số 4, tháng 1.92) đã được dư luận chú ý, trước hết vì Nhà xuất bản Des Femmes (đã xuất bản *Những thiên đường mù* của cùng tác giả) đã khởi tố Nhà xuất bản Quê Mẹ của ông Võ Văn Ái từ tháng 10.1992, giữa lúc Dương Thu Hương còn bị giam, để ngăn chặn Quê Mẹ phát hành bản dịch *Tiểu thuyết vô đẽ* dưới tựa đề *Khải hoàn môn*. Yêu cầu này đã được Toà án Nanterre chấp nhận trong khi chờ đợi xét xử về nội dung. Vụ án nội dung đã kéo dài một năm. Trong thời gian ấy, Nhà xuất bản Des Femmes đã phát hành bản dịch của ông Phan Huy Đường (*Roman sans titre*).

Trong phần kết luận, Toà thượng thẩm Nanterre đã khẳng định :

– “ Ông Phan Huy Đường là người duy nhất được bà Dương Thu Hương ủy quyền thay mặt cho bà đối với mọi nhà xuất bản ở tất cả các nước ngoài Việt Nam, để thương lượng việc xuất bản các tác phẩm của bà, ký các hợp đồng xuất bản và nhận bản quyền tác giả ”.

– “ Hợp đồng độc quyền ký ngày 20.5.1991 giữa Ô. Phan Huy Đường và hội xuất bản Des Femmes về tác phẩm của bà Dương Thu Hương tựa đề Roman sans titre là có giá trị, và hội xuất bản Des Femmes là người duy nhất có quyền xuất bản tác phẩm này mà còn tên gọi khác là Arc de Triomphe (Khải hoàn môn) ”.

– “ lệnh cho hội AVICEL phải trao nộp một cách vĩnh viễn bản thảo *Tiểu thuyết vô đẽ* tức *Khải hoàn môn* của bà Dương Thu Hương cho hội xuất bản Des Femmes ” và lệnh cho hội này “ phải tiêu huỷ mọi bản in của tác phẩm này mà họ đã thực hiện hay đặt người khác thực hiện, dù là toàn bộ hay một phần, trong một thời hạn là 30 ngày kể từ ngày trao bản án này, bằng không quá hạn này, phải nộp phạt 10 000 F mỗi ngày ”.

Ngoài ra, Toà án Nanterre bác bỏ đòi hỏi được bồi thường của cả hai phía, vì cho rằng cả hai bên đều có “thiện tín” (*de bonne foi*), đều nghĩ rằng mình bảo vệ quyền lợi của tác giả trong điều kiện lúc đó là rất khó liên lạc được với Dương Thu Hương. Toà án cũng không buộc bên bị phải trả tiền công bố bản án, vì cho rằng vụ án này đã được quảng bá, và Des Femmes dầu sao cũng đã phát hành cuốn tiểu thuyết.

Dẫu sao, kết luận của Toà thượng thẩm Nanterre như vậy là hết sức rõ ràng về tư cách đại diện của ông Phan Huy Đường và tính chất hợp pháp của hợp đồng xuất bản đối với Des Femmes. Đó là một tiền lệ pháp lý quan trọng về tác quyền mà chúng tôi sẽ có dịp trở lại.

Tào Mạt

và bộ ba vở chèo

Bài Ca Giữ Nước

Hoàng Thanh

Tào Mạt tên thật là Nguyễn Đăng Thực, sinh trưởng trong một gia đình nghèo, thuở nhỏ không được đi học. Năm 16 tuổi, đi kháng chiến, được dịp ông hăng say lao vào học, học chữ Hán với thầy Đặng Thai Mai, học sân khấu với Thế Lữ...

Ông bắt đầu sáng tác kịch vào cuối những năm năm mươi, và nổi tiếng từ những vở chèo trong kháng chiến chống Mỹ. Việt kiều ở Pháp năm 69 đã được thưởng thức vở **Đường về trận địa** ông viết chung với Hoài Giao. Nhưng tác phẩm xuất sắc nhất của ông là bộ ba chèo lịch sử **Bài ca giữ nước**, gồm các vở Lý Thánh Tông chọn người tài, Ý Lan coi việc nước và Lý Nhân Tông học làm vua.

Mười giờ sáng ngày 13.4.1993, Tào Mạt đã vĩnh viễn ra đi sau một thời gian dài chiến đấu với căn bệnh quái ác (ông từng bị 17 cái u bướu!), thọ 64 tuổi.

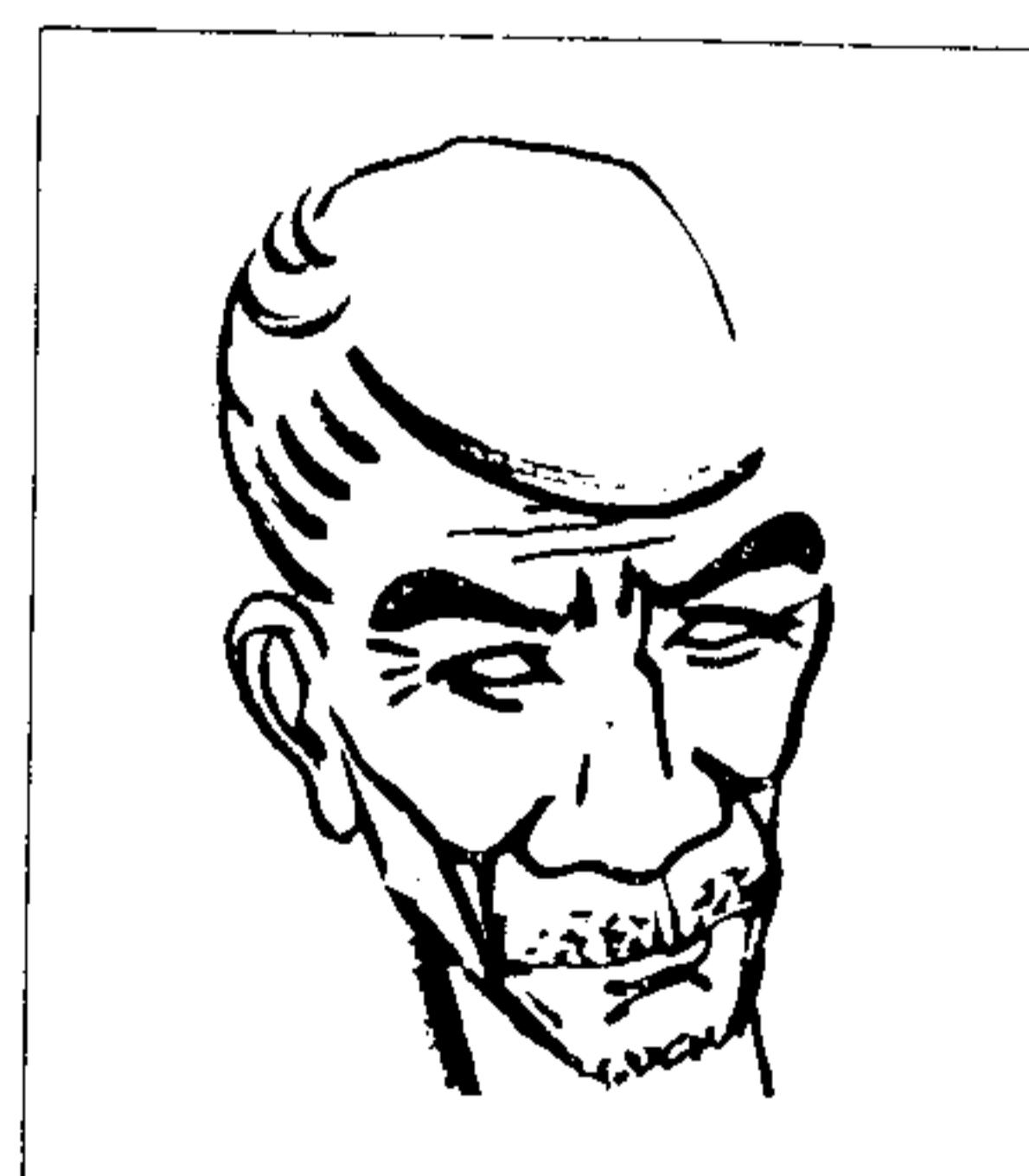
Mới nửa tháng trước, chúng tôi vừa nói chuyện về Tào Mạt với Hoàng Thanh nhân dịp anh sang Pháp. Chuẩn bị tin dữ, anh đã cho phép trước Diễn đàn đăng bài anh viết cách đây hơn một năm trên báo Đất Việt (Canada) số 6&7, đông xuân 1992. Không ngờ, những sự ra đi vẫn cứ đột ngột! (Giờ chót, không kịp liên lạc với tác giả, chúng tôi phải mạn phép sửa những lỗi chính tả hiển nhiên trên bài ở Đất Việt).

Tào Mạt, người sáng tác bộ ba vở chèo lịch sử **Bài ca giữ nước**, được người trong giới coi là biên kịch chèo uy tín hiện nay. Tôi đến thăm Tào Mạt (tháng 12 năm 1991) khi ông đã tương đối khoẻ sau gần một năm chữa bệnh ung thư ở bệnh viện. Ông đang dùng phương pháp dưỡng sinh cổ truyền để chữa bệnh tại gia. Đang lúc nói chuyện với ông thì người thầy thuốc châm cứu đến, người thầy thuốc vạch lưng ông ra để lộ những cục bướu ung thư khắp người. Mặc dù bệnh tật như thế, ông vẫn hút thuốc lá, vẫn say sưa nói chuyện về hoài bão của mình, là dùng phong cách chèo cổ xây dựng chèo mới. Ông nói, trong âm nhạc chèo, và âm nhạc dân gian Việt Nam nói chung, chưa có sử dụng kỹ thuật thanh nhạc lấy từ bụng để diễn đạt các "cao trào tình cảm" như giận dữ, thương xót, như trong opéra của Tây phương. Tuy vậy, thanh nhạc Việt Nam không phải là không có những kỹ thuật phát âm để xử lý "cao trào tình cảm" nhưng âm thanh

phải đạt hiệu quả "tròn vành rõ chữ" để người nghe có thể nghe được lời. Ông mong muốn áp dụng những nghiên cứu của mình để làm mới chèo cổ dùng "phong cách" chèo cổ. Tào Mạt có dáng dấp của một nông dân, tóc rẽ tre, cao lớn, khoác trên người một bộ đồ bộ đội cũ mèm, khi nói về chèo, ông có thể đứng dậy bất cứ lúc nào, ra điệu bộ, trình bày thử nghiệm qua tiếng hát khàn đặc nhưng vạm vỡ của ông. Tào Mạt biết là ông không sống nổi bao lâu nữa. Nhưng ông vẫn hy vọng được dịp thực diễn một vở chèo theo ý hướng tìm tòi mới của ông. Tuy vậy ông lại nghèo. Nhà ở Nam Định, nhưng là nghệ sĩ ông cần sống ở Hà Nội, vì vậy mà trở thành kẻ không nhà, lang thang, tối thường ngủ ở trụ sở tạp chí Văn Nghệ Quân Đội. Vợ thường cắp rổ, buôn bán lặt vặt, kiếm thêm. Mới đây vì bệnh tật ông được nhà nước cấp cho một căn phòng.

Theo một số nhà nghiên cứu, chèo là một loại sân khấu ca múa kịch ít nhất là có từ thời Đinh, được vua quan ưa thích. Thời nhà Trần có nhiều vị vua quan tham gia sáng tác. Diễn hình là Trần Quang Khải. Đến thời nhà Lê, do ảnh hưởng văn hoá Trung Quốc, vua quan thích tuồng và lễ nhạc Trung Quốc, chèo bị đưa ra khỏi cung đình và trở thành sân khấu của nông dân. Chèo luôn luôn kết hợp nói lối, nói thơ, múa, hát và hề. Nếu muốn tìm hiểu những động tác múa hoàn toàn của người Kinh còn sót lại thì có lẽ phải tìm đến chèo. Chèo thường được diễn ở cửa đình, trên vài manh chiếu, với khán giả ngồi, đứng chung quanh. Chèo cũng dùng cách điệu, ở một số điệu bộ, vũ điệu, kể cả hát như để diễn tả người say, thư sinh, hề gậy, hề mồi,... nhưng đây là những cách điệu gần đời sống thường ngày và không gò bó và chặt chẽ như tuồng. Diễn đạt tính cách nhân vật là hoàn toàn tùy thuộc vào người diễn. Xem chèo người xem tìm được một sân khấu kịch hát hoàn toàn Việt Nam.

Khác với phương pháp kịch của Aristote, tức là tạo mâu thuẫn giữa nhân vật chính trong truyện, và đưa mâu thuẫn đến cao điểm để cuối cùng giải quyết mâu thuẫn ở cuối vở, chèo kể chuyện có tính tự sự, có đầu có đuôi, truyện trong



chèo ít khi đả động đến vua chúa, thường là truyện dân gian. Những vở chèo cổ nổi tiếng là *Quan Âm Thị Kính*, *Lưu Bình Dương Lễ*, *Kim Nham*, *Tử Thức*. Hát chèo là một chuỗi những ca khúc hoàn chỉnh có giai điệu, mỗi ca khúc thường phải gồm phần nhập đề, thân bài và đoạn kết; có dàn nhạc đậm, mỗi đoạn nhạc được nối bằng đoạn trống xuyên tâm. Tiếng trống chèo, với những đoạn lưu không là thiết thân của nghệ thuật chèo. Bắc cầu các ca khúc là lời nói lối, nói thơ và múa. Dù là nói, nói trong chèo cũng phải có vần có điệu. Hát trong chèo cũng gắn liền với vũ điệu. Ca khúc trong chèo dựa vào khoảng trên

100 lần điệu phổ biến diễn tả các loại nhân vật và tình ý khác nhau, được "bé làn nắn điệu" cho hợp với lời ca của từng kịch bản. Mỗi kịch bản thường lại có những đoạn vừa trò

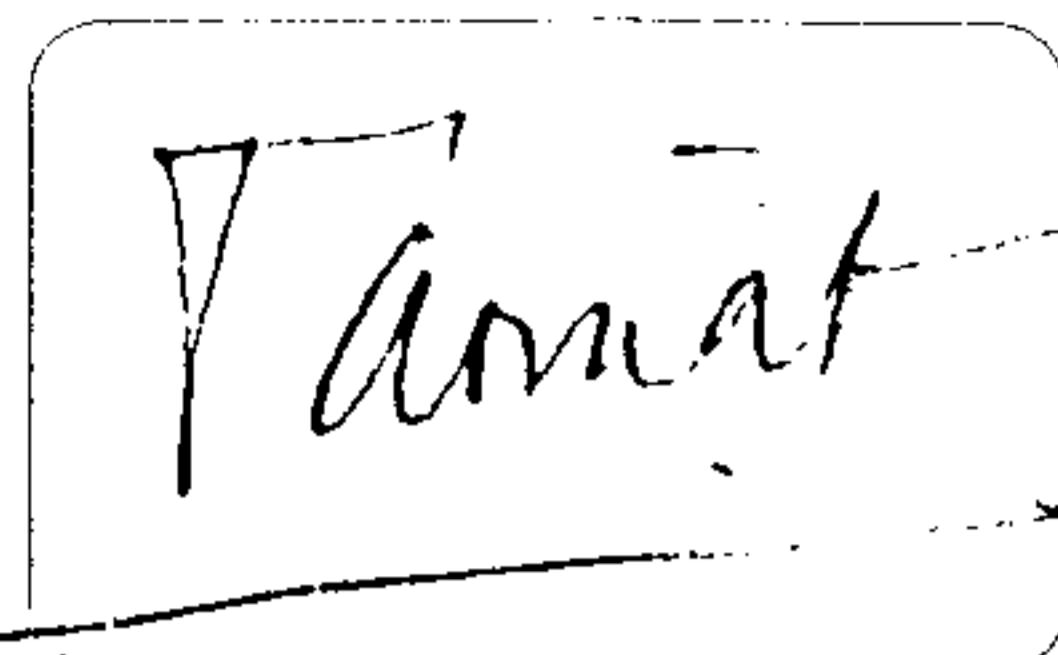
(múa, diễn, hề) vừa ca khúc độc đáo soạn riêng cho vở kịch và được coi là trung tâm nghệ thuật của vở. Trong khi đó ở opéra, ít có việc xử lý lại làn điệu quen thuộc, ca khúc hoàn chỉnh (aria) cũng được sử dụng diễn tả cao trào tình cảm, nhưng ít hơn ở chèo, vũ điệu nếu có cũng không gắn liền với hát nên kịch tính có thể đưa vào dễ hơn chèo. Nhạc không lời trong opéra cũng là phần chủ yếu, gắn liền với giá trị của nó trong khi nhạc trong chèo thường có tính cách phụ thuộc, làm đệm.

Tào Mạt đã mê chèo và chỉ một lần được coi kịch của Thế Lữ đã quyết gắn bó đời mình với chèo. Về chèo, chắc Tào Mạt cũng phải theo chân, học hỏi các bậc thầy chèo cổ. Ông không chỉ viết kịch bản chèo (ngoài ba tác phẩm trên là 8 tác phẩm khác), mà còn viết các làn điệu theo lối “ bẻ làn nắn điệu ” để thể hiện được ý đồ của ông, uốn nắn diễn viên tập, thiết kế mỹ thuật sân khấu. Để thể hiện quan điểm đổi mới nhưng giữ vững “ phong cách ” chèo cổ, chống lại “ cải cách ”, “ đổi mới ” chèo bằng sử dụng lại tạp nhạc, múa tây phương. Trước đây ông đã bỏ công xây dựng **Đoàn chèo Tổng cục hậu cần** với các diễn viên không chuyên nghiệp để thực hiện ý đồ của mình.

Đọc Tào Mạt, nghe tên ông, người ta có cảm tưởng là ông phải xuất thân từ một gia đình nho học truyền thống. Thực tế, sự thật lại khác xa. Ông sinh ra trong một gia đình nghèo, bố mẹ làm nghề giữ nhà, quét dọn dính cơ dắt tổ ở nhà quê cho một gia đình quan lại giàu có, mà mỗi năm họ chỉ về một vài lần vào những ngày giỗ, ngày tết. Ông chưa hề cắp sách đến trường. Cái tên Tào Mạt ông lấy làm bí danh khi đi theo hoạt động cách mạng chống Pháp năm 16 tuổi và sau đó làm bút hiệu chỉ vì khi đọc *Đông Châu liệt quốc*, ông cảm cái dũng khí của Tào Mạt, mưu thần vua Lỗ, khi thấy vua mình dù đã hội thề với vua Tề nhưng vẫn bị vua Tề cậy lớn lấn át, đã rút gươm quát mắng vua Tề, bắt vua Tề bỏ thói trịch thượng, xin lỗi vua Lỗ. Tào Mạt là đảng viên cộng sản, có hàm đại tá, đã từng theo bộ đội vào Trường Sơn. Ông được Thế Lữ chỉ giáo về kịch nghệ, và theo thầy Đặng Thai Mai để học hỏi hán học, văn học. Ông tự học làm thơ chữ Hán, dịch thơ Đường. Nét chữ Hán hào hoa của ông cũng ít người bì kịp.

Bộ ba vở chèo lịch sử **Bài ca giữ nước** của Tào Mạt hoàn thành năm 1979, một năm mà đất nước sa sút cực kỳ, trong nội bộ kinh tế suy thoái, dân chúng kéo nhau vượt biên, hàng trăm ngàn người vẫn còn nằm tù cải tạo, ngoài biên giới thì Pol Pot, Trung Quốc đánh phá, Mỹ cấm vận. Trong tác phẩm, tác giả đã không đặt trọng tâm vào các chiến công lịch sử vẻ vang của thời Lý mà lại vào chữ đức, chữ nhân trong mối quan hệ giữa người và người, và đặc biệt là giữa người cai trị và kẻ bị trị.

Trong vở kịch, vua Lý Thánh Tông hỏi hoàng phi Ý Lan về phép trị nước, bà thưa “ *Đảng vương giả trị nước cốt ở một điều nhân nghĩa, sao cho dân nước ấm no mà láng giềng hoà mực* ” (tr. 69). Vua đã giao cho bà quyền chấp chính khi ông mang quân đi đánh giặc Chiêm Thành. Lúc bàn việc chấp



chính với thái sư Lý Đạo Thành, Ý Lan nói : “ *Ta thường nghe :*

*Được lòng người thì thịnh
Mất lòng người thì suy
Dựa vào đức thì bền lâu
Ý vào sức thì chống mãi.*

*Phép trị nước là phải có ân, có uy, rồi
mới dần dần lấy ân thay uy, lấy lòng nhân thay sức mạnh* ” (tr. 90).

Lý Thường Kiệt bàn với sư cụ chùa Linh Xứng : “ *Tôi đánh giặc Quách Quỳ, Triệu Tiết được xem là trí. Tôi vượt biển phá giặc ở Ung châu được coi là dũng, nhưng trí dũng theo tôi phải có gốc ở chữ nhân. Trí có thể được lòng dân, nhưng không có nhân không bền ; dũng có thể khuất phục được dân, nhưng không có nhân thì dân không vui. Trí dũng mà có nhân thì có lợi cho thiên hạ ; trí dũng mà không có nhân thì phiền nhiễu cho thiên hạ. Trí nước không cốt ở sự mang ơn. Nhân ví như sự vui, ân ví như nụ cười. Tâm thực vui thì cười hay không cười vẫn vui... Những việc làm động trời rợp đất, kích thích sự quái dị thì không bằng làm cho mọi nhà yên vui, hưởng phúc thái hòa. Cho nên tôi nghĩ tu pháp thuật thì không bằng tu đạo* ” (tr. 169 - 170).

Theo nhà văn Chu Văn viết trong lời bạt của ba vở kịch chèo **Bài ca giữ nước** in năm 1986, việc trình làng ba tập kịch trên đã làm Tào Mạt mắc bệnh nhức đầu, hoảng loạn tâm thần trong nhiều năm. Chu Văn viết :

“ *Người ta bắn tin, chất vấn :*

– *Lý Thường Kiệt là ai ? Lê Văn Thịnh là ai ?*

Tào Mạt cười đau khổ :

– *Là nhân vật trung và nịnh, triều Lý thế kỷ 11.*

Người tò mò lại xoay :

– *Tại sao anh chôn Hề Hoạn ?*

Tào Mạt trả mắt, ngạc nhiên :

– *Tôi không làm việc ấy, Lê Văn Thịnh chôn Hề Hoạn chứ. Vì iao ghét và sợ Hề Hoạn nói thẳng...*

Người xoi mói chưa vừa ý :

– *Ý đồ của anh khi viết Bài ca giữ nước ?*

Tào Mạt chắp tay :

– *Tôi phục vụ nghị quyết IV, nghị quyết V* ”.(tr. 215 - 216)

Người ta chất vấn ý đồ của Tào Mạt, không cho ba vở **Bài ca giữ nước** được diễn tiếp. Tào Mạt thì lấy tư cách một người đảng viên cộng sản tin vào lý tưởng cao đẹp của chủ nghĩa xã hội, đáp ứng sự kêu gọi của Đảng, nhắc lại phép cai trị đất nước của tổ tiên. Đọc **Bài ca giữ nước**, gấp ông, người ta thấy cái cổ học đã ngấm sâu vào con người ông. Cho nên tìm thấy triết lý về cái Nhân, cái Đức trong tác phẩm của ông không có gì là lạ cả. Tìm thấy những con người cộng sản chân chính giật mình, đánh giá lại mình, đánh giá lại chế độ mình như vậy cũng không có gì là lạ.

Nếu chỉ có thể thì **Bài ca giữ nước** chỉ là một tuyên ngôn chính trị. Không phải thế, **Bài ca giữ nước** là một bộ tác phẩm chèo hiếm có trong nền văn hoá đất

nước. Tác giả đã xử lý phong cách của chèo cổ để xây dựng vở diễn.

Truyện **Bài ca giữ nước** gồm các nhân vật chính sủ : vua Lý Thánh Tông, hoàng phi Ý Lan, hoàng hậu Thượng Dương, thái sư Lý Đạo Thành, thái úy Lý Thường Kiệt, thái sư Lê Văn Thịnh người sau này thay Lý Đạo Thành sau khi Lý Đạo Thành mất. Cũng dùng nguyên tắc cơ bản của chèo cổ là kể chuyện có đầu có đuôi, **Bài ca giữ nước** gồm ba vở kéo dài hai đời vua.

Vở đầu **Lý Thánh Tông chọn người tài**, nói đến việc vua gấp và lấy Ý Lan làm hoàng phi khi nhà vua đi cầu tự ở chùa Dâu vì thấy nàng là người dân dã, nhưng có dũng, khi tâu vua về phép trị nước, lại hát hay, biết nghề nuôi tằm dệt lụa. Khi phải đem quân đi đánh giặc Chiêm Thành cùng với Lý Thường Kiệt, vua Lý Thánh Tông đã cử Ý Lan làm nhiếp chính.

Vở hai **Ý Lan coi việc nước** kể về hành động nhân nghĩa của Ý Lan lúc nhiếp chính như mở kho thóc cứu dân khi có nạn đói, về lòng dũng cảm của Ý Lan khi biết được giặc giã nỗi lên là do cháu ruột hoàng hậu làm tri châu mượn thế hiếp đáp dân, ăn cướp cả thóc phát chẩn, bà đã thân chinh đem quân đi xét xử. Hoàng hậu Thượng Dương bực tức, nghe lời mưu thần nhà Tống vu oan hâm hại Ý Lan. Việc đổ bể, nhà vua muốn xử hoàng hậu nhưng Ý Lan can :

*"Chuyện ghen ghét vốn dĩ thường tình
Thiếp không muốn đời sau lầm lẫn phẩm bình
Đức vua giết vợ già chỉ vì quá yêu vợ trẻ
Huống chi giặc Tống vẫn lăm le ngoài ải
Vua tôi thần dân cần trên dưới một lòng
Hoàng hậu còn có họ có dòng
Lấy đức cởi oán thì oán thù mới dứt
Thần thiếp nay dùi mài lỗ Phật
Luyện điều không tham, không gian, không mê"* (tr.130)

Vở cuối **Lý Nhân Tông học làm vua** nói về thời kỳ sau khi vua Lý Thánh Tông mất, con là Lý Nhân Tông lên thay, ham mê săn bắn, việc triều chính giao cho thái sư Lê Văn Thịnh. Thịnh nịnh hót vua, và muốn người khác nịnh hót mình. Thịnh nghe lời mưu thần Tống, muốn tiếm quyền, đẩy Lý Thường Kiệt tuổi đã ngoài tám mươi đi đánh trận phương xa, ở nhà cho quân giả làm cợp mưu giết vua lúc đi săn. Chuyện không thành, Ý Lan khuyên vua tha chết chỉ đẩy đi xa.

Độc đáo trong vở hai và ba là nhân vật Hề Hoạn, một người bị bắt vào cung cấm, bị hoạn, để làm vui cho hoàng tộc. Tào Mạt hư cấu một nhân vật Hề có tính cách bi tráng khi cho nhân vật Hề Hoạn bị chôn sống vì không uốn lưỡi ca tụng, tạo ra cao trào cảm xúc trong tác phẩm, và để lại những ấn tượng đẹp, kéo dài trong lòng người xem. Hề Hoạn ca tụng công đức của Lý Thường Kiệt, bị Lê Văn Thịnh ghét. Hề được vua thương, vua muốn phong hề làm "vua hề", hề từ chối vì "Tâu Đức Vua ! Vua hề thì một mình Đức Vua phong cũng không được, bởi làm trò có hay thì dân mới gọi (là vua hề). Nay Đức Vua phong cho một chức quan thì được phần áo mũ, mất phần thành thoi. Huống chi làm quan thì phải coi việc, hề thì phải làm trò, vừa làm quan vừa làm hề mà không

phải bậc đại tài thì quan dở, hề nhạt" (tr. 131). Hề xin được về làm thường dân, "Làm trò để góp vui cho đời, chứ không phải tán nhảm lấy vui" ...

"Làm trò có thanh thì có hưởng.

Có thông thì có vang.

Thanh là gốc mà hưởng là ngọn" (tr. 146).

Trong tác phẩm, dân ca, ca dao được đưa vào kịch bản rất nhuần nhuyễn đã làm tôn lên những văn thơ đẹp. Những văn thơ của Tào Mạt qua tự sự của Hề Hoạn tưởng như ca dao, nhưng lại ngấm đầy chất phỏng khoáng của một nhà nho vượt vòng kiềm toả :

*"Đốc bầu ra, trăng hiện vàng tươi
Nhìn trong rượu, thấy hoa cười
Hỏi trăng, trăng hãy trả lời cho ta.
Đời người thoảng đi qua mấy chốc,
Mà nước non gấm vóc không cùng.*

*Cắp bầu chơi khắp núi sông
Ôm trăng làm bạn những mong đời đời
Biết không thể vật nài thế được
Thì hát vang gửi trước gió bay.*

*Đồng không, gió mát hây hây
Trăng treo vầng vặc, bầu đầy rượu tăm"* (tr. 164).

Trong chèo nếu không có hè thì chèo đã đánh mất một nét đặc sắc của thể loại ca vũ kịch này. Chèo cổ đã sử dụng vai hè để phá những cái xấu trong làng xã, tạo ra những tiếng cười thoải mái như trong "Xã Trưởng Mẹ Đốp". Nhưng chủ yếu hè là những pha chọc cười, dùng làm chuyển cảnh, không ăn nhập vào đâu, ngay cả trong "Xã Trưởng Mẹ Đốp", hè mượn có xuất hiện khi xã trưởng kêu vợ mõ đi báo quan viên trong làng họp xử vụ Thị Mầu chúa hoang, kéo dài 20 phút. Tác phẩm của Tào Mạt có nhiều loại hè, "Chim" khoét, "Chuột" đào là những loại hè theo kiểu "Xã Trưởng Mẹ Đốp", ngắn gọn hơn, mục đích nói lên thói đục khoét của quan trong vở kịch. Hè là đặc trưng độc đáo của chèo. Hè đi liền với động tác, ngôn ngữ dân gian từ chơi chữ, nói lái độc đáo Việt Nam. Khó nói về cái hay của hè chèo, nếu không trực tiếp xem diễn.

Người xem tìm thấy trong tác phẩm của Tào Mạt không chỉ là tư tưởng dân gian về nhân nghĩa, mà cả một rừng văn hoá dân gian, từ những câu ca dao, những bài hát dân gian, tình yêu say đắm tự nhiên của trai gái đến những tư tưởng thẩm nhuần đạo Phật, đạo Nho mà cao điểm được thể hiện thời nhà Lý.

Vở chèo **Bài ca giữ nước** của Tào Mạt cuối cùng cũng được công diễn. Theo nhà văn Chu Văn, "buổi tối hôm ấy, người xem đến đông quá mức, chật đến vỡ Nhà hát Vinh... Người ta xem, vỗ tay đến vỡ trần nhà, hể hả, hào hứng." Và "Kịch bản **Bài ca giữ nước** được trăm phần trăm giám khảo nhất trí tặng Huy chương vàng" (tr.217), một sự kiện chưa từng có trong các hội diễn kịch nghệ.

Hoàng Thanh

New York, 11.2.1992

HOA ĐÀO NĂM NGOÁI

Báo *Diễn Đàn* số 17 có trích đăng một mẫu ý kiến ngắn của anh Nguyễn Hữu Thành, *bàn chuyện dịch thơ*. Trích đoạn chỉ nửa trang báo mà hay, có tác dụng cao, vì làm nhẹ tờ báo, so với những bài khác, phần nhiều là dài và nặng, khó đọc.

Cùng trong tinh thần làm thoáng tờ báo, tôi xin tiếp lời anh Thành về câu thơ Nguyễn Du : *hoa đào năm ngoái còn cười gió đông* (*) mà nhiều người biết. Câu chuyện bắt đầu từ thời Đường : Thôi Hộ, học giỏi, đẹp trai, nhân di chơi hội Đạp thanh lạc bước đến một thôn trũng toàn hoa đào ; chàng khát nước, gõ cổng một nhà, rồi có một thiếu nữ mang nước ra mồi. Hai người cảm nhau trong phút gặp gỡ ấy. Thanh minh năm sau, Thôi Hộ tìm đến thôn Hoa Đào thì thấy cổng khoá, bèn ghi lại bài thơ :

Khứ niên kim nhật thủ môn trung [1]
Nhân diện đào hoa tương ánh hồng [2]
Nhân diện bất tri hà xứ khứ ? [3]
Đào hoa y cựu tiểu đông phong. [4]

Tôi lược dịch :

*Cổng này, năm ngoái, ngày này,
 Hoa đào cùng ánh hây hây má đào
 Má đào nay biết về đâu
 Nhỏn nhơ còn cái hoa đào — gió đông.*

Trong truyện Kiều, Kim Trọng về quê sáu tháng, lúc trở lại, đến hiên Lâm Thuý tìm người xưa :

*Từ ngày muôn dặm phù tang,
 Nửa năm ở đất Liêu Dương lại nhà
 Vội sang vườn Thuý dò la
 Nhìn xem phong cảnh nay đã khác xưa
 Dãy vườn cổ mọc lau thưa
 Song trăng quạnh quẽ, vách mưa rã rời
 Trước sau nào thấy bóng người [a]
 Hoa đào năm trước còn cười gió đông.* [b]

Anh Nguyễn Hữu Thành nhận xét : « hai câu này (a và b) phỏng theo thơ Đường của Thôi Hộ. Câu trên của thi sĩ họ Thôi chỉ nói : không biết người đẹp đi đâu ? Nhưng đọc “ trước sau nào thấy bóng người ” thì ta có cảm tưởng như chàng Kim sục sạo khắp trước sân, sau vườn. Câu Kiều mặn nồng, tình tứ hơn câu chữ Hán ». Và anh Thành còn cẩn thận chua thêm “ hai người viết hai cảnh khác nhau ”. Thật hợp lý.

Nay tôi muốn đi vào cấu trúc tạo hình sâu xa của câu thơ. Câu sau [b] dựa theo thơ Đường, nhưng câu [a] trước thì chưa chắc : không cần phải là thiên tài Nguyễn Du, ai viết văn, kể chuyện, đến lúc nhân vật trở về, trước cảnh vuông hoang, nhà trống ấy, ắt cũng phải viết “ trước sau nào thấy bóng người ”.

(*) Đúng là *năm ngoái*. Bài kỳ trước của anh N. H. Thành cũng viết như vậy, nhưng đánh máy nhầm là *năm trước*. Người đánh máy xin lỗi độc giả và anh N. H. Thành.

Gia đình Viên ngoại gồm năm người, thuộc loại khá giả, kể cả gia nhân có thể lên đến mươi người. Nay có sao không còn ai cả, mà cảnh vật thì lại tiêu điều thế kia ? Thậm chí :

*Xập xè én liệng lầu không
 Cỏ lan mặt đất, rêu phong dấu giày
 Cuối tường gai góc mọc đầy
 Di về này những lối này năm xưa.*

Phong cảnh ấy phản ánh tâm sự chàng Kim, và hài hoà trong khí hậu của tiểu thuyết, nhưng không lấy gì làm hợp lý. Gia đình Viên ngoại, sau tai biến, dù có “ sa sút khó khăn ” cũng không đến nỗi phải “ dời xa ”. Dù sao, thì nhà cũ phải có chủ mới, tưởng tượng cảnh tài sản bị tịch biên, niêm phong là gượng. Nhưng không sao, và vẫn đề chúng ta đặt ra không phải ở đó. Trong mạch văn, ta thử đọc lại, thì “ trước sau nào thấy bóng người ” là câu văn tự nhiên, do bối cảnh đưa đến : không chắc gì Nguyễn Du đã dựa vào “ nhân diện bất tri hà xứ khứ ”. Nhưng câu sau có lẽ tự nhiên đến với Nguyễn Du theo lối liên tưởng, từ câu “ đào hoa y cựu ” trong Đường Thi. Một tác phẩm văn nghệ như tảng đá nổi, ta chỉ thấy phần trên : ở mặt nổi thì hai câu a và b trong Kiều na ná như hai câu 3 và 4 của Thôi Hộ ; ở mặt chìm, thì cấu trúc giữa hai câu Hán và Việt có khác nhau, thậm chí giữa hai câu Việt a và b cũng có khác nhau. Chúng ta đã đi vào cấu trúc tạo hình, một thứ *structure générative*.

Khi so sánh ta đối chiếu câu nọ với câu kia, nghĩa là cô lập từng câu, trong khi cấu trúc một bài thơ là nhất quán. Ví dụ bốn câu của Thôi Hộ liên đới khăng khít với nhau. Câu 1 gồm có ba túc từ, tự nó vô nghĩa ; nó chỉ có nghĩa khi bổ túc cho câu 2, gồm có cụm chủ từ liên đới “ nhân diện, đào hoa ” sẽ bị xé lẻ ở câu 3 và 4 thành hai cụm từ đối lập “ nhân diện ” đối với “ đào hoa ”. Chữ *y cựu* chỉ có giá trị cấu trúc, vì đối lập với “ hà xứ khứ ”, chứ tự nó cũng vô nghĩa : hoa đào không “ như cũ ” chẳng lẽ cũng theo người “ di trú nơi nao ” ?

Đoạn thơ Nguyễn Du không theo cấu trúc tú tuyệt đó, nên đã chuyển “ nhân diện ” thành “ bóng người ” và “ y cựu ” đổi thành “ năm ngoái ”, lấy lại ý “ khứ niên ” (hay “ tích niên ”) ở câu 1, theo kỹ thuật “ phục tuyến ” của người xưa : giấu mũi kim để đường chỉ xuất hiện ở đoạn sau. Nguyễn Du tài tình, đành rồi, nhưng còn có cái thần của tiếng Việt, chữ “ năm ngoái ” hay hơn những chữ *khứ niên, tích niên* chữ Hán, hoặc *l'année dernière, last year* trong chữ Pháp, chữ Anh chỉ là một khái niệm khái quát. Ngoái, như ngoái lại, lưu luyến, ngâm ngùi, mang ý thức chủ quan. Nguyễn Khuyến có câu :

*Mấy chùm trước đậu, hoa năm ngoái
 thật hay. Hay nhất là tấm lòng ngoái lại.*

Tôi nhớ một câu ca dao tả tâm sự cô gái lúc đi lấy chồng :

*Ra đi ngó trước ngó sau
 Ngó nhà mấy cột, ngó cau mấy buồng*

Nguyễn Du giữ lại hình ảnh *hoa đào*. Vừa dễ dàng vừa đặc dụng, vì “ năm ngoái ” chàng Kim đã thấy nàng Kiều “ chẳng duyên chưa dễ vào tay ai cầm ”. Rồi *Đá biết tuổi vàng* từ một càng thoa dưới hoa đào.

Mấy chùm trước đậu, hoa năm ngoái

(xem tiếp trang 24)

Về việc dùng hai động từ “ VÀO / RA ” để chỉ sự di chuyển đến một địa điểm ở phía NAM / hay phía BẮC trong tiếng Việt hiện đại

Nguyễn Tài Cẩn

Đoàn Kết số 410 (tháng 2.1989) có đăng bài " Thủ cất nghĩa nguồn gốc của thành ngữ ra bắc vào nam " của tôi (tr. 25) Lúc đó giáo sư Nguyễn Tái Cẩn đang dạy ở Đại học Paris VII. Sau khi đọc bài báo nói trên (có dáng dấp của một bài bàn chuyện phiếm !) g. s. Cẩn đã gửi cho tôi bài nghiên cứu đăng dưới đây, mà ông viết trước đó một năm để trả lời cho nhà nghiên cứu Tiệp Khắc Ivo Vatxiliep. Trong bức thư ngắn gửi kèm, g.s. cho biết Vatxiliep cũng nghĩ như tôi (nhưng chưa viết thành bài) là thành ngữ " ra bắc vào nam " bắt nguồn từ hai tên gọi Đàng Trong, Đàng Ngoài. Ông đề nghị tôi cùng ông suy nghĩ thêm về vấn đề tuy nhỏ nhưng thú vị này trong tinh thần những người " đồng hội đồng thuyền " (ít ra, về học thuật). Rất tiếc là cho đến nay tôi vẫn chưa được cùng ông bàn chuyện (có lẽ vì chưa đủ duyên với nhau vậy). Vì không biết bài nghiên cứu có giá trị này đã được đăng ở đâu chưa, nên tôi mạo muội đề nghị công bố trên Diễn đàn để nhiều người tham khảo, dù chưa hỏi ý kiến ông trước. Rất mong là ông không phiền lòng.

Nguyễn Thanh

1. Trong nhóm động từ chỉ sự di chuyển có định hướng, hai động từ VÀO, RA từ lâu đã được chú ý¹, vì chúng có một cách dùng khá đặc biệt : ngoài những điểm chung như ở nhiều ngôn ngữ khác, ở tiếng Việt, VÀO còn dùng để chỉ sự di chuyển đến một địa điểm ở phía NAM, và RA còn dùng để chỉ sự di chuyển đến một địa điểm ở phía Bắc. Ví dụ :

- (Từ Huế) RA VINH, ĐUA RA VINH, RA HỌP Ở VINH hướng RA BẮC ;
- (Từ Vinh) VÀO HUẾ, ĐUA VÀO HUẾ, VÀO HỌP Ở HUẾ hướng VÀO NAM.

Những cách nói này lại còn mật thiết liên quan đến việc dùng hai từ chỉ vị trí TRONG và NGOÀI : VÀO VINH, TRONG VINH ---> VÀO TRONG VINH, VÀO NAM, TRONG NAM ---> VÀO TRONG NAM / RA VINH, NGOÀI VINH ---> RA NGOÀI VINH, RA BẮC, NGOÀI BẮC ---> RA NGOÀI BẮC.

Nhưng về đặc điểm của những cách dùng này, cũng như về lai nguyên của chúng, hiện các nhà nghiên cứu vẫn chưa cung cấp được một sự giải thích thật sáng tỏ.

2. Dựa vào cứ liệu trong một số văn bản cổ, chúng ta thấy việc gắn liền các ý niệm VÀO, TRONG với phương NAM, các ý niệm RA, NGOÀI với phương Bắc, chậm nhất cũng đã có từ đầu thế kỷ 15 :

a) Trong *DƯ ĐỊA CHÍ*, cuốn sách địa lý viết bằng Hán văn đầu tiên của người Việt, ta thấy động từ NHẬP đã được dùng để chỉ việc đi vào Nam :

Trần Thái Tôn mệnh thượng tướng Chiêu Minh Vương
Trần Quang Khải NHẬP ngự Nguyên nhân vu Nghệ An
(Vua Trần Thái Tôn hạ lệnh cho thượng tướng Chiêu Minh

Vương, Trần Quang Khải, VÀO chặn đánh quân Nguyên ở Nghệ An), (*DƯ ĐỊA CHÍ*, phần chữ Hán, trang 87, in năm 1966, Văn hóa tùng thư xuất bản, số 30).

DƯ ĐỊA CHÍ thì ai cũng rõ là do Nguyễn Trãi viết và do Nguyễn Thiên Tích, Nguyễn Thiên Túng, Lý Tử Tấn chú giải, bổ sung, bình luận thêm. Cả bốn nhân vật này đều là người đầu đời Lê.

b) Trong *THIÊN NAM TÚ CHÍ LỘ ĐỒ THƯ* của một tác giả tự xưng là " nhà nho đỗ thi hương, họ Đỗ Bá, hiệu Đạo Phủ, quê ở Bình Triều, Thanh Giang " cũng đã có những câu dùng XUẤT, NHẬP, NGOẠI liên quan đến hướng NAM / BẮC như vậy :

1. Như tự *Cửa Lạc việt, NHẬP nghi thu đông, XUẤT nghi xuân hạ* (Nếu tự cửa Lạc vượt biển để VÀO thì phải đi trong mùa thu hay mùa đông, để RA thì phải đi trong mùa xuân hay mùa hạ), (*HÒNG ĐỨC BẢN ĐỒ*, Sài Gòn, phần *THIÊN NAM TÚ CHÍ LỘ ĐỒ THƯ*, trang 76).

2. *Tự Lại doanh XUẤT chí Kinh Nhà Hồ... Tự Ngoại NHẬP chí Tạm độ...* (Từ doanh Lại RA đến Kinh Nhà Hồ ... Từ NGOÀI mà VÀO đến Tạm độ...), (Tác phẩm như trên, trang 91).

Hơn nữa có chỗ văn bản vừa dùng câu chữ Hán có XUẤT, NHẬP vừa dùng câu chữ Nôm có RA, VÀO để giải thích cho nhau, ví dụ :

3. *Tự Cầu Ngạn NHẬP tắc xanh thuyền diên Thạch Hà biển, XUẤT tắc xanh thuyền diên Thiên Lộc biển, tục vân : VÀO THẠCH HÀ, RA THIÊN LỘC* (Từ Cầu Ngạn mà VÀO thì phải chèo thuyền ven bên Thạch Hà, mà RA thì phải chèo thuyền ven bên Thiên Lộc, có câu tục ngữ rằng : VÀO THẠCH HÀ, RA THIÊN LỘC), (Tác phẩm như trên, trang 84).

Theo công trình nghiên cứu tập thể gần đây nhất, *THIÊN NAM TÚ CHÍ LỘ ĐỒ THƯ* là một tác phẩm viết trong khoảng 1630 - 1655². Vì không rõ gì hơn về tiểu sử và về vùng Bích Triều, Thanh Giang, nhóm nghiên cứu phỏng đoán tác giả của nó là một người sống thế kỷ 17. Nhưng theo sự hiểu biết của chúng tôi thì :

- Bích Triều là một vùng cách thành phố Vinh khoảng 30 km ; Thanh Giang là tên trước năm 1469 của huyện Thanh Chương³. Tác giả còn tự xưng quê ở Thanh Giang, vậy tác giả là một người của thế kỷ 15⁴. Văn bản có niên đại 1630 - 1655 chỉ là một văn bản sao chép lại, nhưng khi sao chép có sửa chữa : một trong nhiều chứng cứ là ngay tên huyện Thanh Giang lăm chẵn cũng đã đổi thành Thanh Chương.

- Từ vùng quê của tác giả có đường thông sang Hà Tĩnh khá gần, vậy câu VÀO THẠCH HÀ RA THIÊN LỘC chắc là một câu tác giả đã tự nghe được và thu thập đưa vào tác

phẩm từ giai đoạn Lê sơ. Nhưng dầu có chủ trương cho đó là một câu mới thêm vào sau, trong giai đoạn sao chép 1630 - 1655, thì chính những người sao chép cũng phải công nhận đó là câu đúc rút kinh nghiệm có đã từ lâu đời, vì họ cũng nói đó là một câu tục ngữ.

Gần đây có ý kiến cho rằng hai tên gọi ĐÀNG TRONG, ĐÀNG NGOÀI (hình thành vào khoảng thế kỷ 17) là nguyên nhân đưa đến lối nói VÀO NAM RA BẮC⁵. Rõ ràng những cứ liệu dẫn trên đây hoàn toàn không ủng hộ cho ý kiến đó.

3. Nhưng từ lâu ở Việt Nam thường hay dùng từ NAM thay cho từ VIỆT và thường hay dùng sự đổi lập NAM / BẮC thay cho sự đổi lập VIỆT / TRUNG QUỐC. Việc tự xưng tên nước là NAM QUỐC (hay NUỐC NAM, NAM BANG) chậm nhất cũng đã có từ đời Lý. Vậy có thể từ cơ sở thực tế này mà suy ra các lối nói TRONG NAM / NGOÀI BẮC, VÀO TRONG NAM / RA NGOÀI BẮC được không ? Theo ý chúng tôi, cũng khó lòng mà chấp nhận được một giả thuyết như vậy.

a) Khảo sát các động từ trong cùng nhóm với VÀO, RA, chúng ta thấy :

– Trong việc diễn tả sự di chuyển đến một địa điểm nào đấy, người Việt Nam thường thích dùng những động từ có hình tượng, có khả năng miêu tả cụ thể như LÊN, XUỐNG, VÀO, RA, SANG, QUA thay cho những động từ trung lập kiểu như ĐI, ĐẾN, TỐI :

– Cách dùng ĐỘNG TỪ + ĐỊA DANH thường theo sát cách đặt ĐỘNG TỪ + DANH TỪ CHUNG. So sánh : Lên núi - Lên TAM ĐẢO, Lên vùng cao - Lên TÂY BẮC, Xuống biển - Xuống HẠ LONG, Xuống vùng thấp - Xuống THÁI BÌNH, Qua bên kia sông - Qua GIA LÂM...

– Đó là những cách nói phản ảnh một sự hiểu biết sâu sắc về địa hình chi tiết từng vùng, vì khi nói phải xác định đúng vị trí đối dãi giữa chỗ xuất phát và vị trí hướng đến. Ví dụ :

- nói TỪ VINH LÊN NAM ĐÀN : biết Vinh gần biển hơn Nam Đàm ;

- nói TỪ RẠNG XUỐNG NAM ĐÀN : biết Rạng gần núi hơn Nam Đàm.

– Hơn nữa, nhiều khi cách nói đó còn phản ảnh cả sự cân nhắc lựa chọn chủ quan của người nói trước những khả năng nhìn nhận khác nhau về cùng một địa hình. So sánh :

- nói LÊN ĐIỆN BIÊN : nhấn ý ĐIỆN BIÊN là một vùng cao ;

- nói VÀO ĐIỆN BIÊN : nhấn ý ĐIỆN BIÊN là một vùng thung lũng kín.

Như vậy, chắc trước tiên phải có những câu nói cụ thể ở từng địa phương nhỏ, phản ảnh sát đúng sự di lại tuỳ theo địa hình từng vùng rồi sau mới hình thành những câu nói chung như XUỐNG ĐÔNG LÊN ĐÒÀI, RA BẮC VÀO NAM, chứ không phải là trước tiên có những công thức khái quát dựa trên địa lý toàn quốc rồi sau mới đem ứng dụng nhất luật vào từng vùng nhỏ. Có quan niệm thế chúng ta mới hiểu được vì sao ở vùng Nam Bộ – nơi người Việt mới đến sinh sống gần đây chưa lâu lắm – trên những trục đường đúng hướng Nam/Bắc như Gia Định - Thủ Dầu Một - Lộc Ninh hoặc Gia Định - Củ Chi - Tây Ninh ai cũng nói LÊN / XUỐNG chứ không nói VÀO / RA, theo công thức đã sẵn có từ lâu đời. Ví dụ : (Từ Thủ Dầu Một) LÊN LỘC NINH (Từ Lộc Ninh)

XUỐNG BẾN SÚC ; (Từ Gia Định) LÊN TÂY NINH (Từ Tây Ninh) XUỐNG CỦ CHI.

b) Hơn nữa, nếu cho rằng những cách nói TRONG NAM / NGOÀI BẮC, VÀO NAM / RA BẮC đều bắt nguồn từ sự đổi lập NAM QUỐC / BẮC QUỐC thì cũng khó hiểu được vì sao, về phương diện di lại, RA BẮC không bao giờ có nghĩa là di sang Trung Quốc, và VÀO NAM hầu như cũng không bao giờ có nghĩa là di vào đất Việt Nam, trong lúc, về nhiều phương diện khác, vẫn còn dùng những lối nói đối nhau như NAM SỦ / BẮC SỦ, QUÂN NAM / QUÂN BẮC, THUỐC NAM / THUỐC BẮC v.v...

4. Vậy quá trình hình thành lối nói VÀO NAM / RA BẮC nên hình dung như thế nào ? Về vấn đề này, ý kiến chúng tôi có thể tóm tắt như sau :

a) Lối nói VÀO NAM / RA BẮC đã có mặt từ thời Nguyễn Trãi. Vậy nó phải sản sinh trên cơ sở những lối nói về việc di lại trên địa bàn Việt Nam khoảng thời gian đó, tức là khoảng đầu thế kỷ 15 trở về trước. Thời gian này, như cứ liệu lịch sử cho biết, lãnh thổ Việt Nam mới bao gồm vùng Bắc Bộ và giải đất từ Thanh Hóa đến Thừa Thiên. Người Việt Nam tập trung sinh sống chủ yếu ở chúa thổ sông Hồng, một vùng đồng bằng rộng, mở mang, khai phá từ lâu, ba phía giáp vùng núi cao (Bắc, Tây và Tây Nam), một phía giáp biển (Đông), ở giữa có một hệ thống sông ngòi chia cắt đất nước thành nhiều khu vực nhỏ. Giải đất ở Bắc Trung Bộ, nói chung, đồng bằng ven biển khá hẹp. Đây là khu vực biên giới, nhiều vùng mới chiếm được, còn man rợ, bí hiểm⁶. Tuy nhiên, việc di lại giữa vùng chúa thổ sông Hồng và vùng đất biên giới này cũng đã xảy ra nhiều khi khá ồ ạt do những đợt di dân, vận chuyển lương thực, và những đợt kéo hàng vạn quân vào tập luyện, di đánh Chiêm Thành⁷.

b) Căn cứ vào những cách nói về việc di lại ở địa bàn này, hiện còn lưu lại ở tiếng Việt, chúng ta thấy :

– Nói về việc di lại giữa các điểm trong cùng một vùng, thì VÀO NAM RA BẮC chỉ được dùng chủ yếu ở Bắc Trung Bộ : (Từ Thanh Hóa) VÀO NGHỆ TĨNH, VÀO BÌNH TRỊ THIÊN ; (Từ Bình Trị Thiên) RA NGHỆ TĨNH, RA THANH HÓA. Ở Bắc Bộ, trái lại, chủ yếu dùng LÊN, XUỐNG, SANG, QUA : (Từ Hà Nội) LÊN THÁI NGUYÊN, HÀ GIANG, LAO CAI, HOÀ BÌNH ; XUỐNG QUẢNG NINH, HẢI PHÒNG, ĐỒ SƠN, THÁI BÌNH, HẢI HẬU ; QUA GIA LÂM... nhưng đối với những địa điểm sắp dẫn vào đất Bắc Trung Bộ thì lại dùng VÀO, RA, ví dụ : VÀO NINH BÌNH.

– Khi nói về việc di lại giữa hai điểm khác vùng (một bên thuộc Bắc Bộ, một bên thuộc Bắc Trung Bộ) thì bao giờ cũng dùng VÀO / RA được :

- (Từ Bắc Bộ) có thể VÀO bất kỳ chỗ nào ở Bắc Trung Bộ ;

- (Từ Bắc Trung Bộ) có thể nói RA bất kỳ chỗ nào ở Bắc Bộ.

c) Như vậy, lối nói VÀO NAM / RA BẮC chắc được sản sinh khi nói về việc di lại trên trục đường chúa thổ sông Hồng - vùng Bắc Trung Bộ ; và chắc lúc đầu sự đổi lập VÀO / RA cũng không gắn liền với sự đổi lập về phương hướng NAM / BẮC : chúng có là trên những trục đường đúng hướng NAM / BẮC như Hà Nội - Bắc Cạn, hoặc Hà Nội - Lạng Sơn người ta vẫn nói LÊN / XUỐNG chứ không nói VÀO / RA, ví dụ : (Từ Hà Nội) LÊN THÁI NGUYÊN, (Từ Bắc Ninh) XUỐNG TỪ SƠN v.v... Có thể phỏng đoán rằng :

- Lúc đầu chỉ có những câu nói cụ thể như (Từ Kẻ Chợ) VÀO BỐ CHÍNH, VÀO THUẬN HOÁ ; (Từ Thuận Hoá) RA NGHỆ AN, RA ĐÔNG ĐÔ v.v...

- Đi vào nơi hẹp, kín, bí hiểm, tận cùng mà dùng VÀO, VÀO TRONG..., đi ra nơi rộng thoáng mở mang mà dùng RA, RA NGOÀI..., điều đó hoàn toàn phù hợp với nội dung ngữ nghĩa của hai động từ này. Đặt những câu như vậy hoàn toàn không có gì xa lạ so với lối nói quen thuộc như VÀO NGÕ, VÀO CỔNG, VÀO TRONG GÓC, VÀO TRONG HANG, VÀO TRONG RỪNG / RA KHỎI, RA ĐỒNG, RA NGOÀI SÂN, RA NGOÀI BÃI... Những cách đặt câu như vậy, ngày nay chúng ta vẫn dùng, so sánh với : VÀO CÚC PHƯƠNG, VÀO U MINH ; RA SĂM SƠN, RA VŨNG TÀU...

- Nhưng do một sự tình cờ của địa lý, giải đất hẹp, bí hiểm vùng biên giới lại ở phía Nam, chỗ đồng bằng rộng thoáng, mở mang lại ở phía Bắc, cho nên những lối nói có VÀO / RA như trên lại ngẫu nhiên mang thêm một nét nội dung mới : nói VÀO một địa điểm X là nói đi về phía NAM hơn, so với đồng bằng Bắc Bộ ; và nói RA một địa điểm là nói đi về phía Bắc hơn so với các vùng Nghệ Tĩnh, Bình Trị.

- Rồi về sau, do sự mờ nhạt dần của một khía cạnh ngữ nghĩa vốn quan trọng lúc ban đầu (khía cạnh “ VÀO nơi HẸP, RA nơi RỘNG ” mờ nhạt dần vì từ Nghệ An vào Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị hay từ Thừa Thiên ra Quảng Trị, đâu đâu giải đất đồng bằng ven biển cũng hẹp cả) nên ý nghĩa NAM / BẮC lại dần dần nổi rõ hẳn lên , để cuối cùng đưa đến khả năng khái quát thành VÀO NAM / RA BẮC.

- Cố nhiên tình hình từ đầu thế kỷ 15 đến nay cũng càng ngày càng góp phần củng cố thêm cho lối nói đó : sự ra đời của những tên ĐÀNG NGOÀI hoặc NAM HÀ / BẮC HÀ (thời Trịnh, Nguyễn), sự phân vùng địa lý thành ba kỳ BẮC - TRUNG - NAM (triều Nguyễn) đều là những nhân tố, theo ý chúng tôi, có ảnh hưởng rất lớn đến nhận thức BẮC / NAM của người nói, và đến cách dùng những từ VÀO / RA, TRONG / NGOÀI của họ. Địa danh có mang những yếu tố NAM, BẮC nhất định phải có ảnh hưởng trực tiếp hơn là hai phương hướng ấy⁸.

5. Cuối cùng, cũng cần nhấn mạnh thêm một điều : là đứng trước những lối nói RA BẮC / VÀO NAM, RA NGOÀI BẮC / VÀO TRONG NAM không nên nghĩ đến một hướng BẮC, một hướng NAM xác định đơn thuần chỉ dựa theo la bàn. Trong việc đi lại, điều kiện quan trọng nhất là các trục đường giao thông chính. Từ một điểm A đến một điểm B, nếu quả có một đường giao thông về cơ bản làm nổi rõ cái trục BẮC - NAM thì lúc đó mới có thể dùng hai động từ VÀO, RA cũng như hai từ chỉ vị trí TRONG, NGOÀI được. Không có điều kiện đó thì người ta thường dùng những lối nói khác. Một ví dụ để minh họa : theo la bàn, huyện Thanh Chương ở phía Bắc huyện Hương Sơn, nhưng đường giao thông chính lại đi vòng từ Thanh Chương xuống Vinh (hướng Tây - Đông), sau đó từ Vinh vào Đức Thọ (hướng Bắc - Nam), rồi cuối cùng lại từ Đức Thọ lên Hương Sơn (hướng Đông - Tây). Trong hoàn cảnh đó vị trí đối đai BẮC / NAM giữa hai huyện bị lu mờ, người dân thường không nhận thức được. Cố nhiên, từ xưa giữa Hương Sơn và Thanh Sơn vẫn có một lối đi quen thuộc, nhưng đó không phải là một trục đường chính mà chỉ là một con đường mòn đi tắt, phải vượt qua truồng. Chính vì vậy, trong việc đi lại giữa hai huyện người ta không dùng VÀO / RA mà người ta lại dùng SANG, QUA : SANG (BÊN)

HƯƠNG SƠN, QUA (BÊN) THANH CHƯƠNG...

Có điều, có đường giao thông chính theo trục NAM / BẮC cũng mới chỉ là điều kiện cần chứ chưa đủ. Nếu có những đặc điểm địa hình khác nổi rõ hơn (ví dụ có sự đổi lập CAO / THẤP, có đặc điểm VƯỢT SÔNG, VƯỢT ĐÈO v.v...) thì lúc ấy sự đổi lập NAM / BẮC cũng bị lu mờ trong tâm lý người nói, và VÀO / RA cũng phải nhường chỗ cho LÊN / XUỐNG hoặc SANG, QUA v.v...Ví dụ : (Từ Hà Nội) SANG GIA LÂM - (Từ Bến Súc) LÊN LỘC NINH.

Đã có trường hợp sự đổi lập NAM / BẮC bị lu mờ trong thực tế thì tất có trường hợp trong thực tế vốn không có NAM / BẮC nhưng ở người nói lại nhận thức là có, ví dụ ở quãng đường Xuân Lộc - Phan Thiết. Thực ra đây là một đoạn đường chủ yếu đi theo hướng Đông - Tây. Nhưng đã chia toàn quốc thành ba vùng NAM, TRUNG, BẮC thì tự nhiên trong nhận thức của người nói, từ Xuân Lộc ra Phan Thiết, người ta vẫn nghĩ là đi theo hướng RA BẮC, và từ Phan Thiết vào Xuân Lộc người ta vẫn nghĩ là đi theo hướng VÀO NAM.

Tóm lại sự đổi lập NAM / BẮC theo la bàn với sự đổi lập NAM / BẮC trong nhận thức người nói không thể hoàn toàn đồng nhất làm một. Muốn nói được VÀO / RA phải có điều kiện làm nổi rõ được thế đổi lập NAM / BẮC ở trong nhận thức người nói : ví dụ phải có đường giao thông chính theo trục đó, hoặc phải có sự hỗ trợ của thế phân vùng hành chính địa lý thành NAM - TRUNG - BẮC, và nhất là phải vượt qua được sự cạnh tranh của các đặc điểm địa lý khác.

6. Tất cả những điều nói trên hiện đưa đến hậu quả như sau :

a) Trong địa bàn Việt Nam, khi nói đến việc đi tới một địa điểm xa, khác vùng thì bao giờ cũng dùng VÀO / RA (và TRONG / NGOÀI được) :

- (Từ Bắc Bộ) có thể nói VÀO bất kỳ chỗ nào ở Trung Bộ, Nam Bộ ;

- (Từ Nam Bộ) có thể nói RA bất kỳ chỗ nào ở Trung Bộ, Bắc Bộ ;

- (Từ Trung Bộ) có thể nói VÀO bất kỳ chỗ nào ở Nam Bộ, và RA bất kỳ chỗ nào ở Bắc Bộ.

Nhưng khi nói đến việc đi lại giữa điểm này điểm khác trong cùng một vùng thì VÀO / RA chỉ dùng với các điểm ven đường quốc lộ thuộc Trung Bộ, hoặc nằm trên đoạn đường sắp dẫn sang đất Trung Bộ. Ngoài ra hầu như chỉ dùng SANG, QUA, LÊN, XUỐNG. So sánh :

- (Từ Hà Nội) LÊN Lạng Sơn, Thái Nguyên, Hà Giang, Lào Cai, Hoà Bình..., XUỐNG Quảng Ninh, Hải Phòng, Đồ Sơn, Thái Bình, Hải Hậu... nhưng VÀO Ninh Bình (vì Ninh Bình dẫn vào Trung Bộ).

- (Từ Huế) RA Quảng Trị, Quảng Bình, Hà Tĩnh, Vinh, Thanh Hoá... VÀO Hội An, Bình Định, Qui Nhơn, Nha Trang, Phan Thiết...

- (Từ thành phố Hồ Chí Minh) LÊN Biên Hòa, Lộc Ninh, Tây Ninh... XUỐNG Cần Thơ, Sóc Trăng, Cà Mau... nhưng có thể nói RA Xuân Lộc (vì Xuân Lộc dẫn ra Trung Bộ).

b) Khi ra nước ngoài, bước vào một hoàn cảnh địa lý xa lạ, khác hẳn cái hoàn cảnh địa lý đã sống, đã vào sâu trong nhận thức ở Việt Nam, thì người Việt bắt buộc phải từ bỏ lối nói gắn RA với BẮC, VÀO với NAM vốn đã quen thuộc ở trong nước.

VÀO NAM, RA BẮC, TRONG NAM, NGOÀI BẮC tuy là lối nói phổ biến, nhưng chúng chỉ dùng phổ biến trong phạm vi địa lý Việt Nam mà thôi.

Nguyễn Tài Cẩn

1. Gọi “ di chuyển có định hướng ” là để phân biệt với các động từ như CHẠY, NHẦY, BAY, BỒI v.v... Xin xem các công trình của I.S. Buxtrop (*Tư liệu về sự phân loại động từ trong tiếng Việt*, THÔNG BÁO KHOA HỌC TRƯỜNG ĐẠI HỌC TỔNG HỢP LENINGRÁT, 1962, số 306, tiếng Nga) ; I. S. Buxtrop, Nguyễn Tài Cẩn, N. V. Stankevitch (*NGỮ PHÁP TIẾNG VIỆT*, Nhà xuất bản Đại học tổng hợp Leningrat, 1975, tiếng Nga) ; Nguyễn Lai (*Một vài đặc điểm của nhóm từ chỉ hướng được dùng ở dạng động từ trong tiếng Việt hiện đại*, tạp chí NGÔN NGỮ, số 3, 1977).

2. *HỒNG ĐỨC BẢN ĐỒ*, Sài Gòn 1962 (do nhóm các ông Bửu Cầm, Đỗ Văn Anh, Phạm Huy Thúy, Tạ Quang Phát, Trương Bửu Lâm dịch, giới thiệu).

3. Trong *ĐƯỜNG ĐỊA CHÍ* còn ghi Thanh Giang, nhưng ở bia tiến sĩ năm 1469 đã đổi thành Thanh Chương như hiện nay.

4. Ông còn là người tập hợp bộ *HỒNG ĐỨC BẢN ĐỒ*. Ông có đưa những con số về phủ, huyện, châu rất lạ, nhưng xét kỹ thì rất đúng : điều này cũng chứng tỏ ông nắm chắc tình hình thế kỷ 15.

5. Xin xem thêm : Nguyễn Thanh (*Thủ cất nghĩa nguồn gốc của thành ngữ RA BẮC, VÀO NAM*, tạp chí *DOÀN KẾT* tháng 2.1989, số 410).

6. Vì lý do này xưa mới gọi là “ trại ”.

7. Theo tài liệu lịch sử, có những đợt di dân như năm 1075, 1402..., những đợt vận chuyển lương thực như năm 1376, và rất nhiều đợt kéo quân vào tập luyện, đánh Chiêm Thành (1104, 1252, 1311, 1318, 1353, 1367, 1376 - 1377, 1383, 1402, 1403...).

8. Lộ NAM GIỚI hay QUẢNG NAM thừa tuyên là địa danh chỉ vùng đất từ Thừa Thiên đến khoảng Qui Nhơn. Có tên NAM GIỚI thì có thể nói VÀO NAM như kiểu nói RA THANH, RA NGHỆ ; với tên nói QUẢNG NAM thừa tuyên vẫn có khả năng dùng NAM để chỉ toàn vùng như vậy : hiện ta vẫn thường nói VÀO BÌNH, TRỊ, THIÊN ; VÀO NAM, NGÃI...

Về ảnh hưởng của địa danh, ngay tình hình gần đây vẫn cho thấy rõ : lối nói LÊN CÔNG TUM, LÊN PLÂY CU có phần phổ biến thêm, lối nói RA CÔNG TUM, RA PLÂY CU có phần giảm bớt đi ; vì sau 1954, về hành chính không chia thành Trung Bộ, Nam Bộ như trước.

DIỄN ĐÀN FORUM

Chủ nhiệm: Hà Dương Tường

Tổng biên tập: Trần Hải Hạc

Ban chủ biên: Trần Hải Hạc, Nguyễn Ngọc Giao, Bùi Mộng Hùng, Hà Dương Tường, Lê Văn Cường

Ban biên tập, kỹ thuật, quản lý:

Vũ An, Trần Đạo, Nguyễn Lộc, Hoàng Lê, Tuấn Linh, Nguyễn Trọng Nghĩa, Văn Ngọc, Thoại Phong, Nguyễn Quang, Phong Quang, Bảo Tâm, Thanh Thanh, Vũ Thanh, Nguyễn Thắng, Hàn Thuỷ, Đặng Tiến, Nam Trần, Hoài Văn, Kiến Văn, Hải Văn, Hoà Văn

Hoa đào năm ngoái...

(tiếp theo trang 20)

Bạn Thành khuyên đọc thơ phải “ nhấm từng chữ ”. Ở đây mỗi chữ một hay trên ba mặt : giá trị nghệ thuật tự tại. So với nguyên văn chữ Hán. Và trong cơ cấu toàn bộ truyện Kiều. Về âm điệu thôi, xin bạn đọc lưu ý đến những nguyên âm o và a khép mở, luyến láy, chìm nổi, dưới dạng này hay dạng khác. Chưa chắc nguyên tác chữ Hán đã mang đến âm hao u hoài đó.

Những câu thơ như thế, nói là dịch, hay phóng tác cũng được. Theo tôi là tự nó đến, tự ý trở về, vì tác giả nhập tâm. Thơ là cuộc hồi sinh của ngôn ngữ.

Xin lấy ví dụ bản thân. Câu tôi dịch “ *nhởn nhơ còn cái hoà đào — gió đông* ”, không phải của tôi, mà của Tản Đà, nguyên là :

*Dời người như giấc chiêm bao
Trơ trơ là cái hoa đào, gió đông*

Hình thức câu thơ dựa theo nguyên tác Thôi Hộ, mà nội dung thì hác hẳn : câu thơ tự đến với Tản Đà lúc ấy.

Khi viết về Lưu Trọng Lu, gấp câu “ *như đêm thiếu phụ trên lầu không trăng* ”, tôi cho là có ảnh hưởng thơ chữ Hán của Trương Nhược Hu :

*Thuỳ gia kim dạ thiên chu tử
Hà xứ tương tư minh nguyệt lâu*

Đã có nhiều bản dịch hay, nhất là của Ngô Tất Tố. Nhưng tôi vẫn muốn dịch lại, và khó nhất là chữ “ *tương tư* ” không có chủ từ. Ai nhớ ai ? Cuối cùng, tôi giải quyết được khó khăn :

*Thuyền ai thấp thoáng canh thâu
Dưới trăng ai nhớ, trên lầu nhớ ai*

Không tài giỏi gì cả, tôi chỉ kop. Câu trên kop của Ưng Bình Thúc Giả Thị, từ một câu thơ đã biến thành hò Huế :

*Thuyền ai thấp thoáng trên sông
Đua cầu mái đầy chạnh lòng nước non*

Câu dưới kop từ ca dao :

*Nhớ ai ra ngắn vào ngõ
Nhớ ai ai nhớ, bây giờ nhớ ai.*

Nói là kop cho từ tốn. Chứ sự thật thì những câu trên tự đến với tôi, lúc ấy. Dịch thơ không phải chuyển ý từ ngôn ngữ này sang ngôn ngữ kia, mà sống hồn thơ, của người khác, và của mình, rồi phục hồi cuộc sống đó bằng ngôn ngữ khác.

Về tài dịch của Nhượng Tống : tương truyền rằng ông dịch rất nhanh, hai tay cầm hai cuốn sách, dịch hai bài một lúc, vở một bên, con một bên, ngồi chép. Cứ tạm cho là thật đi : trong dăm phút, ông có thể dịch được một lúc hai bài thơ.

Nhưng ông đã bỏ bao nhiêu niên, bao nhiêu thập niên để sống cái phút – năm phút đó ? Và một phút của Nhượng Tống là bao nhiêu giờ, bao nhiêu ngày.... của chúng ta ?

Đặng Tiến

Bờ sông Loiret, 22.4.93

Kỳ khác : CHỦ TÂY, THÔ TA

điểm sách mới



Tô Hoài
Cát bụi chán ai

Hồi ký, Nhà xuất bản Hội nhà văn, thành phố Hồ Chí Minh, 1992, 336 trang, giá 15 000 đồng.

Người giới thiệu ở vào cái thế lưỡng nan, biết chắc bạn đọc sẽ oán : giới thiệu một cuốn sách nên đọc, nhưng đào đâu ra sách mà đọc ? Tại Paris, cả Nhà Việt Nam lẫn tiệm sách Vietnam Diffusion đều hết, chủ quán sách hứa sẽ đặt mua thêm. Hi vọng là như vậy. Và trong khi chờ đợi, bạn ghi vào sổ, lâu lâu nhắc, hay nhờ người quen trong nước mua giùm. Hay như người viết bài này : mượn mà chụp, một công việc bình thường là vô văn hoá, vì nó vi phạm tác quyền, nhưng biết làm sao !

Hồi ký Tô Hoài dày hơn ba trăm trang. Có ít nhất cả trăm lý do để xếp nó vào loại hồi ký đáng đọc. Tôi sẽ kể lung tung một vài lý do :

Trước hết, nó thật sự là một *hồi ký văn học* : nó nói về những nhà văn lớn, nhà thơ lớn của cả một thời “âm thanh và cuồng nộ”, và nó nói *một cách văn học*.

Nổi bật và chiếm lĩnh toàn bộ không gian của hồi ký là Nguyễn Tuân. Nguyễn Tuân xuất hiện từ trang đầu, và cái chết của Nguyễn cũng kết thúc tập *Cát bụi chán ai* : Tô Hoài nghe tin buồn khi ông ra đảo Cát Bà. “*Vết chân người lẩn chán con kỳ đà in vân vân trên cát*”, đó là câu cuối tập hồi ký, giải thích cái tựa là lạ của tập sách. Bên cạnh dấu chân xuyên suốt của Nguyễn Tuân, hiện ra mòn một vết tích của Nguyễn Hồng. Trong hồi tưởng của Tô Hoài, tác giả *Bí Vỏ* sinh động hơn mọi nhân vật tiểu thuyết, nhất là trong chương nói về thời kỳ “hậu Nhân Văn” (1957-58), khi Nguyễn Hồng làm tổng thư ký tuần báo *Văn* (chính báo này đã đăng *Lời mẹ dặn* của Phùng Quán, Ông Năm Chuột của Phan Khôi, Cơm mới của Hoàng Tích Linh, Đồng máy của Minh Hoàng...), Tô Hoài lo nhà xuất bản Hội nhà văn (in lại *Vi Huyền Đắc*, *Thạch Lam*, *Vũ Trọng Phụng*, *Nguyễn Bính*, xuất bản *Hoàng Cầm*, Trần Dần, Lê Đạt, Văn Cao). Tính cách Nguyễn Hồng biểu lộ thật rõ sau khi ông đọc xong bài “tự kiểm điểm” của Tô Hoài đăng trên báo Nhân Dân ngày 12.3.1958 :

« *Nguyễn Hồng buông tờ báo xuống. Rồi Nguyễn Hồng xua tay, nói như hét vào mặt tôi :*

– Tiên sư mày, thằng Câu Tiên ! Ông thì không, Nguyễn Hồng thì không.

Nguyễn Hồng quì trước tôi, rồi cứ phủ phục thế, khóc suýt mướt (...).

- Tao về Nhã Nam.
- Về Nhã Nam ?

– Ủ, Nhã Nam. Đủ, đủ lắm rồi. Ông đ. chơi với chúng mày nữa. Ông về Nhã Nam.» (tr. 131-132). (chú thích của KV : Nguyễn Hồng sẽ ở ẩn đến khi ông từ trần, năm 1982)

Chương này cũng cho ta hiểu thêm về Tô Hoài, về tình trạng văn học nghệ thuật miền bắc “*đẳng đẳng ba mươi năm*” sau “vụ án Nhân Văn” : « *Sợ sệt, âm thầm, pháp phỏng không phải chỉ ở tâm trạng mấy ông “Nhân Văn”*

nước”, mà tràn lan đến những “*Nhân Văn phố, Nhân Văn xóm*” chẳng bị kỷ luật gì, nhiều người không phải vì bài văn câu thơ, mà bởi lời nói bô bô lông, bốc trồi chẳng hạn, bị qui chụp liền » (tr. 79). Chừng nào, nó cho hiểu đúng hơn con người Tô Hoài, sau khi đọc bức ký họa của Irina Zisman.

Nói rộng hơn, *Cát bụi chán ai* là tập hồi ký đầu tiên cho ta hiểu cái “*phương pháp Hoa Nam*” ở các lớp chỉnh huấn 1951, đánh dấu sự xâm nhập của chủ nghĩa Mao vào núi rừng kháng chiến Việt Bắc.

Tô Hoài kể tự nhiên, theo lối nhớ đâu kể đấy, nói chuyện này lại nhớ chuyện kia. Người đọc cứ theo những dòng chữ miên man, tới một lúc, mới nhận ra rằng : chưa bao giờ có nhà văn “miền bắc” nào kể những chuyện đó, và kể như vậy. Mà người đó lại là Tô Hoài. Quả là đời sống văn học ở Việt Nam, dù ông Đào Duy Tùng xiết đi xiết lại đến đâu, đã đi quá cái điểm “bất phục hồi” rồi.

Điều đó không chỉ hạn chế trong lãnh vực chính trị. Nó là cả một chuyển biến văn hoá : lần đầu tiên trong văn học Việt Nam, một nhà văn ghi lại những đêm “tình trai” của mình với Xuân Diệu — “tình trai” là chủ của chính Xuân Diệu để nói tới những mối tình đồng tính (homosexual) của ông, tình trạng mà cho đến gần đây, báo chí Việt Nam còn gọi là *bệnh đồng tính gian dâm* (sic).

KIẾN VĂN

Nguyễn Đình Đầu

CHẾ ĐỘ CÔNG ĐIỀN CÔNG THỔ

trong lịch sử khẩn hoang lập ấp ở Nam Kỳ lục tỉnh

Hội sử học Việt Nam xuất bản, Hà Nội, 1992, 232 trang, Phan Huy Lê đề tựa.

Một quyển sách được nhiều người trông chờ. Từ khi hay tin kho địa bạ triều Nguyễn, tưởng đâu là thất lạc, đã tìm lại được. Và anh Nguyễn Đình Đầu cùng cộng tác viên dành nhiều thời gian, công sức nghiên cứu kho tư liệu này với phương tiện vi tính hiện đại.

Cuốn sách không dày lăm. Nhưng những vấn đề được khơi lên, những giải đáp của tác giả dựa trên sự khai thác và sử dụng nghiêm túc các nguồn tư liệu đã làm sáng tỏ vài điểm quan trọng, bổ sung cho hiểu biết về lịch sử miền Nam. Và đặt ra một số vấn đề mới.

Tác giả không tránh né vấn đề quan hệ lịch sử Đại Việt với Chân Lạp. Không như một số sử gia xem công cuộc khai phá miền Nam như chỉ là quá trình khẩn hoang lập đất của di dân từ thế kỷ XVI. Mà trung thực trình bày sau giai đoạn khai hoang lập ấp một cách tự phát và hoà bình của hàng vạn lưu dân đến lập nghiệp từ Mô Xoài, Đồng Nai cho tới sông Cửu Long là cả một quá trình can thiệp rõ nét từ năm 1658 của các chúa Nguyễn với nhiều đợt chiến tranh và xâm lấn để thiết lập chính quyền và sáp đặt đơn vị hành chính.

Công trình nghiên cứu phân định tiến trình lịch sử chế độ công điền công thổ ở Nam Kỳ làm hai giai đoạn, năm 1836 là cái mốc ranh giới.

Trước 1836 các thôn ấp do lưu dân khẩn hoang lập nên chỉ có tư điền – không có công điền công thổ như ở miền Bắc và ở miền Trung – tuy có một số bồn thôn điền thổ, là ruộng đất của làng, nhưng đối với nhà nước thì thuộc ngạch tư điền thổ.

Luận điểm rất đáng chú ý của tác giả là từ cuối thế kỷ XVI cho đến 1836, chính chế độ tư hữu ruộng đất này đã là động cơ

thúc đẩy cho kinh tế hàng hoá phát triển mạnh mẽ và làm thay đổi nhanh chóng bộ mặt kinh tế của đất Đồng Nai - Gia Định.

1863, triều Nguyễn đặc điền, lập địa bạ và thiết lập chế độ công điền công thổ tại Nam Kỳ. Tác giả phỏng tính rằng do các biện pháp gia tăng công điền công thổ của triều Nguyễn tỷ lệ công điền công thổ, cho đến trước khi Pháp chiếm Nam Kỳ, có thể lên đến 25%. Phủ định nhận thức trước đây của một số sử gia cho rằng công điền công thổ vùng này rất nhỏ bé và bị thu hẹp dần trước sự phát triển của kinh tế hàng hoá.

Độ chính xác của con số 25% này có thể thảo luận, nhưng điều chắc chắn là công trình nghiên cứu của anh Nguyễn Đình Đầu cung cấp những cứ liệu đáng tin cậy về con đường hình thành, phát triển và những đặc điểm của chế độ sở hữu điền thổ vùng Đồng Nai - Gia Định rồi Nam Kỳ lục tỉnh từ thế kỷ XVI đến thế kỷ XIX. Làm nền tảng cho một kết cấu kinh tế - xã hội, một bộ mặt kinh tế khác với các miền Trung, miền Bắc.

Đó là một điểm lý thú, khơi lên một loạt câu hỏi.

Tuy nhiên dù thông cảm thâm ý của tác giả ta vẫn không khỏi cảm nhận một chút gì như hơi hướng của "thuyết quyết định máy móc" trong điểm qui cho chế độ công điền công thổ là yếu tố quyết định nhất làm cho xã hội Việt Nam xưa "khó phát triển lên phương thức sản xuất hàng hoá ngô hầu làm cho dân giàu nước mạnh" (Tr. 194)

Nguyên Thắng

Lương Cầm Liêm

Bouddhisme et psychiatrie (Phật giáo và Tâm thần học)

L'Harmattan, Paris, 1992, 136 trang.

"Ban đầu có Ngôi Lời, và Ngôi Lời ở cùng Đức Chúa Trời, và Ngôi Lời là Đức Chúa Trời" ¹; Truyền thống văn hóa Do Thái Cơ Đốc xem lời nói là vô cùng quan trọng cho con người trên đường đi tìm sự thật. Tiếp thừa truyền thống đó, tâm thần học, qua phân tích ngôn ngữ một cách khoa học, đã đạt được đến những tầng lớp sâu kín của tâm hồn, cả trong những trường hợp bệnh lý.

Truyền thống văn hóa Á Đông, tự xa xưa, vốn ý thức sâu sắc rằng lời nói chỉ là một phương tiện, "Nào có chi trong tên đặt? Hoa hồng, cho có gọi khác đi thì vẫn cứ thơm". Và mãi mãi là một phương tiện thô sơ, không đạt tới sự thật, không sao diễn tả nổi chân lý :

Một ánh linh quang vầng vặc trong / Đôi khi thuyết pháp bàn không được / Biết muộn lời chi, cho thoả lòng ²

Tìm cách đổi chiếu cái nhìn của tây phương về tâm lý con người với giáo lý nhà Phật chính là một mục tiêu của bác sĩ Lương Cầm Liêm, chuyên gia tâm thần, tham vấn tại bệnh viện Sainte Anne, tại hội Hồng thập tự và tại Trung tâm Minkowska cho sức khỏe tâm thần người di trú (Paris).

Cơ sở để anh xích hai nền văn hóa lại gần nhau là điều nhận xét : con người muôn thuở chống lại khổ đau ; anh tin rằng đó là mẫu số chung của một di sản tâm thần của cả loài người, thể hiện dưới nhiều dạng khác biệt, tùy theo từng nền văn hóa, từng cá tính mỗi người nhưng hướng chung là đi tìm tự do, tìm đạo lý. Và anh tiếp cận các quan niệm cơ bản Phật giáo dưới góc độ một "tâm lý học của khổ đau" (tr. 12).

Kết quả tìm tòi của b.s. Lương Cầm Liêm là một mô hình tâm lý con người theo giáo lý nhà Phật. Một hướng đi mới, lạ.

Một công trình tiền phong đáng trân trọng.

Chỉ mong ước sớm thấy kết quả khi mô hình được đem áp dụng vào thực tế. Vì giá trị của một mô hình loại này chính là giá trị thực dụng của nó.

Nguyên Thắng

¹ Au commencement était le Verbe, et le Verbe était auprès de Dieu, et le Verbe était Dieu. (Evangile de Jean 1:1)

² Trường hiện linh quang minh lăng lăng Thường thời diễn thuyết bất tư nghị Vô đắc nhất ngôn dĩ vi đáng ; Thiền sư đời Lý Nguyễn Nguyên Học, Đỗ Văn Hỷ dịch.

Thích Minh Châu, Minh Chi

Từ điển Phật học Việt Nam

Nhà xuất bản Khoa học Xã hội, Hà Nội 1991, 818 trang.

Đạo Phật vào Giao châu rất sớm, có thể là trước cả khi du nhập vào Trung quốc. Và một số đông người Việt theo đạo Phật.

Nhưng từ xưa tới nay vẫn thiếu một từ điển Phật học nghiêm túc với các từ ngữ liên quan đến quá trình phát triển của Phật giáo Việt Nam, với những mục về Phật giáo Ấn Độ, Phật giáo Trung quốc, hai nền Phật giáo đã ảnh hưởng nhiều tới Phật giáo nước ta. Tóm lại thiếu một công cụ mà những ai tìm hiểu đạo Phật, đọc sách nhà Phật thường ước mong có trong tay để hiểu cho chính xác những từ ngữ, những khái niệm được nghe trong chùa, được đọc trong kinh, trong sách.

Tác phẩm mang dấu ấn kiến thức uyên bác và tinh thần vô chấp của hai soạn giả, hoà thượng Thích Minh Châu, tiến sĩ triết học và nhà Phật học Minh Chi. Phải thông suốt thuật ngữ và tinh thần các môn phái mới có thể vượt trên quan điểm riêng của từng bộ phái : từ của Phật giáo Nam tông thì được giải thích theo quan điểm của Nam tông và từ của Phật giáo Bắc tông theo quan điểm Bắc tông, không thiên bên Đại thừa hay bên Tiểu thừa. Tinh thần này được thể hiện ngay từ cách sử dụng từ ngữ Nam tông thay vì Tiểu thừa, Bắc tông thay vì Đại thừa, trừ một đôi khi bị yêu cầu của văn bản bắt buộc.

Suốt trên nghìn năm phát triển, từ Phật học của người Việt có những nét phác tạp riêng. Chỉ là một nhưng nhiều khi ta lại dùng theo hai cách, theo phiên âm Hán Việt và theo dịch nghĩa, do xu hướng dùng chữ nôm thay chữ Hán đời nhà Trần. Ngoài ra nhiều khi một sự việc mà ta có đến hai từ, một phiên âm trực tiếp từ chữ Phạn, một là từ Hán Việt. Ví dụ như ta đã có **Bụt** do phiên âm tiếng Phạn Buddha mà ra lại thêm từ Hán Việt **Phật**. Từ điển ghi cả hai cách cho tiện tra cứu.

Tùy hứng mà lật tìm vài mục, bạn có thể phát hiện những thích thú đã bất ngờ lại làm giàu thêm kiến thức. Đơn cử từ "chùa chiền" mà ai ai cũng biết. Nhưng nào mấy ai rõ được ở đâu mà ra ? Giờ mục chiền ta đọc thấy : "Điện thờ phật. Gốc từ chữ caitya (Sanskrit) hay cetyan (Pali). Người Việt đọc chéch đi thành chiền. Hay dùng trong hợp từ chùa chiền. Trong văn thơ Nôm cũ, từ chiền đôi khi tách khỏi từ chùa.

"Núi hoang rừng quanh, ấy là nơi dật sỹ tiêu dao, Chiền vắng am thanh, chốn thật cảnh đạo nhân du hí (Trần Nhân Tông - Cư trần lạc đạo phú)

"Cảnh ở tựa chiền, lòng tựa sàng (Nguyễn Trãi - Quốc âm thi tập)".

(xem tiếp trang 27)



Cách đây hơn hai mươi năm, vào lúc chiến tranh Việt Nam ở vào giai đoạn khốc liệt nhất, lần đầu tiên tôi được đọc từ "áp đặt" trong một văn kiện chính thức của phái đoàn đại diện Chính phủ Cách mạng Lâm thời Miền Nam Việt Nam tại "Hội nghị bốn bên" ở Paris : nó được dùng để dịch động từ "imposer" của tiếng Pháp. Và từ đó, từ này cứ lảng vảng trong trí tôi hoài, vì tôi thấy nó có cái chi "đầu gà đít vịt" làm sao ấy.

Đây là một từ có lẽ được tạo ra vào khoảng đầu những năm 70. Sở dĩ tôi đoán như thế vì nó vắng bóng trong *Từ điển tiếng Việt* do Văn Tân chủ biên, xuất bản vào năm 1967, nhưng lại có mặt trong cùng quyển từ điển *in lần thứ hai* (vào năm 1977), có chỉnh lý và bổ sung, với định nghĩa : "thiết lập bằng sức ép" và với một thí dụ nặng màu thời sự chính trị : "thực dân mới muốn áp đặt một chế độ bù nhìn tay sai trái với ý dân". Ở trong Nam, từ áp đặt cũng không xuất hiện trong *Việt Nam tân tự điển* của Thanh Nghị do nhà sách Khai Trí xuất bản tại Sài Gòn vào năm 1967. Trong *Từ điển Pháp-Việt* do Lê Khả Kế chủ biên, xuất bản ở Paris vào năm 1981, từ "imposer" được dịch là "áp đặt".

Theo tôi cái không ổn của từ "áp đặt" là ở chỗ nó được cấu thành bởi một từ Hán Việt (áp : đè nén, bắt buộc phải theo, khác với áp : đóng dấu, giữ gìn trong áp tải, áp giải... và áp : con vịt) và một từ thuần Việt (đặt).

Chính vì thấy cái không ổn nói trên nên trong bài báo đăng ở *Diễn Đàn* số 18 (tr.9, cột 2, dòng 5), tôi đã dùng "ép đặt" thay cho "áp đặt". Nếu tôi không lầm, thì "ép" phải sinh (dérivé) từ "áp" và hoàn toàn đồng nghĩa với "áp". Trong *Từ điển Việt-Bồ-La* (1651), A. de Rhodes đã có ghi "ép" và "ép uổng". Với từ "ép" được tạo ra một số thành ngữ như "ép lòng", "ép dạ", "ép bụng", "ép mình", "ép tình", "ép duyên" (với câu "ép đầu ép mõ, ai nõ ép duyên" rất tiến bộ) "ép nài"... và nhất là "ép liễu nài hoa" (mấy ai không biết câu phản đối, thành thực chứ không phải "em chả" đâu của nàng Kiều : "vội chi ép liễu nài hoa"!).

Nhưng nghĩ kỹ thêm một chút, tôi thấy từ "ép đặt" cũng không ổn nốt ! vì nó được cấu tạo tương tự như các thành ngữ "ép mua", "ép bán"..., trong đó "ép" và "mua" hay "bán" không phải là vị ngữ (prédicat) của cùng một chủ từ, khác với "ép" và "đặt". Trong câu "chính phủ ép mua bo bo" chẳng hạn, chính thực ta muốn nói : "chính phủ ép (dân) mua bo bo".

Để tôn trọng ngữ pháp tiếng Việt, phải chăng ta phải dịch "imposer" bằng "đặt ép", cũng giống như cấu trúc của các thành ngữ "mua ép", "bán ép", "gả ép" v.v.

Không biết có phải vì mới quá hay không, nhưng thú thật tôi thấy từ "đặt ép" có chút chi nghe chưa xuôi tai.

Suy đi nghĩ lại nhiều đêm (không liên tục đâu nhé !), một hôm tôi mới đón ngộ ra từ "cuồng đặt" mà tôi dám cho là đạt nhất để dịch động từ "imposer".

Tuy cũng là từ hán việt, "cuồng" đã được việt hoá hơn "áp" rất nhiều nên có thể dùng riêng lẻ như các từ hán việt "chiếm" (đất, nhà...) hay "tranh" (quyền, cửa...) ; đó là chưa nói đến sự kiện "cuồng" có những nghĩa thuần tuý Việt Nam như khi ta nói : "cuồng lòn", "cuồng lại cơn buồn ngủ", "cuồng lại trào lưu lịch sử"... Theo Lê Ngọc Trụ trong *Việt ngữ chánh tả tự vị* (Sài Gòn, 1967) các từ "cuồng" (co cuồng), "guóng" và ngay cả găng (cố găng) đều phái sinh từ "cuồng".

Sau cùng và không phải là không quan trọng : nhờ có cấu trúc giống như "cuồng ép" mà ta đã quen dùng, "cuồng đặt" nghe êm tai hơn "đặt ép", dù cả hai đều có nghĩa "imposer", là điều chẳng mấy ai thích trở thành nạn nhân. Và dù "cuồng", "áp" hay "ép" cũng chẳng hay ho đẹp đẽ gì, khi ta nghĩ đến "áp chế", "áp bức", "dàn áp", "cuồng hiếp", "cuồng dâm", "cuồng hôn" (xin cuồng dịch là... hôn bùa, hay hôn đại), "ép duyên", "ép liễu nài duyên"...

Nguyễn Trọng Nghĩa

diểm sách mới (tiếp theo trang 26)

Và tìm đến mục chùa, ta đọc : "Nơi thờ Phật, nơi tu học của tăng ni. Có thể gốc từ ở chữ stupa (Sanskrit), thupa (Pali), Hán dịch âm là Đỗ ba hay phù đồ nghĩa là bảo tháp. Người Việt phát âm trêch ra thành chùa.

Dù xây chín đợt phù đồ,

Không bằng làm phúc cứu cho một người (Kiều)"

Nguyễn Thắng

Phiếu mua báo *Diễn Đàn*

Họ và tên

Địa chỉ

.....Điện thoại :

mua một năm báo *Diễn Đàn* kể từ số.....

Kèm theo đây là ngân phiếuFF

đề tên DIEN DAN gồm :

.....FF là tiền mua báo (Pháp nội địa : 250 FF, châu Âu ngoài Pháp : 280 FF ; các tỉnh và lãnh thổ DOM-TOM của Pháp, và các nước ngoài châu Âu : 330 FF)

.....FF là tiền ủng hộ.

Xin gửi phiếu này và séc (hoặc money order) về địa chỉ : DIEN DAN, B.P. 50, 92340 BOURG-LA-REINE (FRANCE). Riêng bạn đọc ở Đức có thể gửi séc 80 DM cho ông TRAN, Am Stadtpark 6, 8458 SULZBACH-ROSENBERG hoặc chuyển khoản vào trương mục (Überweisung)

TRAN (Bank : STADT & KREISSPARKASSE, SULZBACH-ROSENBERG, Konto : № 21 09 700 BLZ 752 517 80)

Tôi có những người bạn chưa biết báo *Diễn Đàn*. Đề nghị báo gửi tặng một số giới thiệu :

1) Tên họ

Địa chỉ

Có trả vay gì ? Để kiếp sau !

Gửi Đ.T.

N hà anh ở cạnh nhà tôi, má anh hay ghé qua rủ má tôi cùng đi chợ, đôi khi cùng xem hát cải lương. Ba anh và ba tôi cũng có những buổi bàn cãi kịch liệt về thời cuộc bên mâm trà. Anh chơi thân với chú tôi. Em gái anh học cùng trường với tôi. Em út tôi thường chơi búp bê, đánh đũa với em út của anh.

Học đệ thất, tôi còn lẩn quẩn bên chú tôi. Chú và các anh diện kềng đèo nhau lên xe đạp, xe gắn máy đi tắm hồ, đi xem chiếu bóng, bỏ lại lũ nhóc eo sèo. "Chúng mày còn con nít", làm như chú tôi và các bạn chưa hề là con nít ! Không, tôi không nhớ ngày xưa thật xưa, tôi nhỏ tí tẹo, anh và chú tôi như nhiều đứa con trai khác, đi học về là cởi phăng áo sơ mi trắng, mặc độc một cái quần xà lỏn, kéo nhau ra giữa đường hẻm chơi tạt lon hay vít hình. Anh chơi món gì cũng tài, và rộng rãi với tôi, anh cho tôi cả đống giấy hình, dây thun. Giấy hình, tôi theo dõi chuyện Tắc Dăng đu dây cao bồi cõi ngựa. Dây thun vàng đỏ xanh tôi ngồi tết thành sợi dài để chơi trò nhảy dây. Đi đại nhạc hội về, hai ba nhóc vây quanh, anh kể chuyện. Thần đồng Quốc Thắng mặt mũi ra làm sao ? Quái kiệt Trần Văn Trạch tóc dài như thế nào, bắt chước tiếng nổ của máy bay, tiếng kêu của thú vật ra sao ? Anh cho chúng tôi hoa lá, hình tài tử để trang hoàng quyển tập chép bài ca. Nhiều khi Quý phân bì anh thiêng vị tôi.

Năm tôi học đệ lục, bọn con trai kể nhau nghe chuyện con X con Y nào đó ở xóm trên xóm dưới nhận lời đi xem xi nê hay ăn kem ăn kiếng với một anh trong bọn. Anh Phú có vẻ ngượng, hai con mắt vẫn nói riêng với tôi :

– Anh vô tội !

Từ lớp đệ ngũ, tôi không còn theo đuôi chú tôi. Và đê tài của đám trai trẻ này bây giờ đầy vẻ trái cảm ; ảnh nữ tài tử xi nê ngoại quốc ăn mặc hở hang, những quyển sách cấm nhầu hèo họ lén lút chuyền tay kèm những lời bình tục tằn, kín hở. Con nít tiểu học cũng hiểu, nữa là tôi !

Khi tôi học đệ tứ, rồi đệ tam, đám con trai dạo trước dần dần rã đám. Hàng hiên nhà bác Sáu và hai dãy băng gỗ nhà tôi không còn rầm ran tiếng nói cười ồm ồm và tiếng ho sặc với những đóm lửa lập loè của những điếu thuốc đầu dời. Cũng ít đi những đám đánh lộn, Sơn Tinh Thuỷ Tinh đi lính, đi học bổ túc toán lý hoá, những Mỹ Nương bèn đi học Anh văn, học kỹ cho quên sầu. Bác Sáu phá vách, lấn ra hẻm từ chỗ hàng hiên cũ, làm thành nhà mới cho hai bà bán ba mướn. Má tôi dẹp băng ghế, đóng chuồng nuôi gà Mỹ. Lâu lâu xóm nhỏ lại rộn lên vì chuyện khác : cảnh sát khám sòng rượt bắt dân cờ bạc, xét giấy căn cước bắt thanh niên trốn quân dịch.

Chú tôi học xong trường kỹ thuật, làm việc trong nhà máy điện, thành sĩ quan biệt phái, ngày ngày đi về nhà, sở. Cuối tuần chở đào đi chơi. Đôi khi hai đào đến thăm chú cùng một lúc, đụng độ nhau ở nhà trên. Chú tôi kêu tôi lên tiếp (cứu) khách, chú chuồn ra ban công chuyền sang cây dùa, hạ thổ và đồng thằng vô xóm. Ba tôi rầy : có ngày sẽ sinh ra án mạng ! Má tôi khen : cái thằng có số đào hoa.

Anh Linh lùn, tự Chế Linh, không được quân đội chiêu cố, anh bỏ xóm, bỏ bạn về miền Trung làm ăn. Thầu xây cất cho quân đội Đại Hàn? Anh Đức kít về quê làm ruộng, kỳ thực là vô bụng chống Mỹ cứu nước. Anh Chuông đồng quy y trong thánh thất Cao Đài ở Bến Tre. Anh Bảo ròm, anh Công cận, anh Cảnh hù... người đi lính tron, hạ sĩ quan, kẻ vào Thủ Đức, lên Đà Lạt¹.

Đôi khi về phép, các anh ghé qua nhà thăm ba má hay chú tôi câu chuyện nào cũng vội vã, náo nhiệt, mọi người vui vẻ nói cười mà tôi như cảm thấy có điều chi không ổn. Mọi người dường như đau đớn. Những niềm đau — riêng ? chung ? — không lanh lộn, không chia sẻ, không hoà đồng. Tôi cũng thăm lặng đón đau, như tất cả, nhưng tưởng tượng rằng, lầm khi chắc chắn rằng, cái đau mông lung, ray rứt này rất riêng tư, khác biệt và không hợp lý. Cho nên, cũng như mọi người, tôi không hoà đồng, không chia sẻ.

Anh nhập ngũ sau hết, so với đám con trai cùng xóm. Có phải hai năm ở đại học khoa học khiến anh khác họ ? Dĩ nhiên anh không còn là tên thiếu niên vạm vỡ, nổi tiếng du côn vì ưa đám đá hơn cãi cọ dài dòng, anh bây giờ cao ráo chững chạc, da vẫn đen nắng, tóc vẫn hói cua và có vẻ nhút nhát, suy tư hơn. Có những buổi tối, xóm nhỏ còn ồn ào tiếng dài truyền hình, và đất rung nhẹ tiếng bom xa, tôi thoáng nghe tiếng đàn tây ban cầm và tiếng hát rất khẽ của anh “còn thấy gì sáng mai đây khi ta còn bạn bè... giọt rượu nào mãi chưa cay trong tình vẫn u mê...”² hay “tóc nào hãy còn xanh... cho ta chút hôn nhiên...”². Tôi ngạc nhiên, cảm động nhưng tôi đóng mạnh cửa sổ hay vờ vẹt vươn cổ lên hát thật to : ô e con ma đánh du, Tắc Dăng nhảy dù, John Wayne bắn súng...

Anh Phú đi lính nhảy dù. Năm đầu, mỗi lần về phép, anh qua nhà tôi, nói chuyện với cả nhà. Tôi trốn biệt trên lầu. Anh lọ mọ lên, tôi ầm ầm ừ vài tiếng ngắn ngủi rồi lén xuống nhà hay chui vào phòng tắm, nhẩn nha giặt hết núi quần áo. Đôi khi không trốn vào đâu được, tôi hỏi anh sao không đèo người yêu ra bến tàu hóng gió ? Anh sầm mặt lại, không trả lời. Tôi biết anh thích ở nhà tán chuyện với chú tôi hay với bạn cũ còn lại trong xóm và thích ăn cơm nhà, nhà tôi hay nhà anh. Ba má tôi cũng như ba má anh, dường như không phân biệt hai đám con và những bạn bè của chúng...

Tôi chết dí trong nhà nại cô học thi, hết thi lục cá nguyệt thì tới thi tú tài, hết phần một tới phần hai. Anh vẫn ngu ngốc lầm lì không nói. Tôi tàn nhẫn lắng lặng.

Giao thừa năm Mậu Thân, anh mặc đồ thường phục, leo lên sân thượng, ngồi cạnh tôi nói nhỏ :

– Đi Lăng Ông hái lộc với anh !

¹ Thủ Đức và Đà Lạt là hai trường đào tạo sĩ quan của quân đội Sài Gòn.

² Trịnh Công Sơn, Tình xa, và Ru ta ngậm ngùi.

- Ở nhà ngắm thiên hạ khoẻ hơn !
- Mình ngắm thiên hạ xong rồi đi, ngày xưa em với Quý hay vào lăng xin xăm.
- Nay giờ hết thích rồi, anh rủ Phượng đi, Phượng mê xăm, ưa đốt nhang cầu ông phù hộ.

Phượng là bạn của tôi lão Quý, em gái anh. Tôi biết Phượng đang cảm anh.

Anh nói như không nghe :

- Đì dón giao thừa với anh !
- Không !

Tôi hắt tấm khăn nỉ anh vừa đặt nhẹ lên bờ vai tôi. Từ dưới nhà đã có tiếng pháo đì đùng, những đợt khói pháo đầu tiên thơm ngây ngất. Anh nhìn tấm khăn, mặt đanh lại. Tôi ngồi yên, hối hận. Nhớ tới ngày xưa, tiếc nuối, phải chi mọi sự đều ngưng đọng từ lúc ấy, khi tất cả đều là yên ả, êm đềm. Rồi muốn mở lời giải thích, nhưng anh đã bỏ đi. Tôi ngồi lặng. Trong xóm, pháo chỉ còn nổ lè té và mọi người vẫn rộn rip qua lại, nói cười. Phải giải thích làm sao ? Tôi muốn diện áo đẹp, sánh vai anh, chậm rãi đi giữa dòng người hồn hở, nhưng... Nghĩ một lúc, tôi lại đâm giận mình, tôi đã xôn xao chờ đợi, tim cháy bỏng muốn nghe tiếng đàn, muốn thấy con mắt si tình, vậy mà...

Tổng tấn công đợt một rồi đợt hai, đồng bào tị nạn được ở tạm trong những ngôi trường lớn. Anh mất biệt không thấy về phép. Em tôi được nghỉ học, suốt ngày qua nhà bạn chơi. Chú tôi sợ phen này chắc bị phái thảng ra trận, lo chuẩn bị giã từ những người yêu. Ba tôi nói thua rồi nỡ rồi. Má tôi hy vọng : nhiều lăm là cắt ngang vĩ tuyến 20. Tôi hứa thầm : anh về chuyến này, tôi sẽ "hết khó chịu, hết khó thương".

Khi anh về thật, đèn thui, rắn rỏi, đẹp trai và ồn ào với vài người bạn, tôi thấy anh vô tâm quá bèn quên lời tự hứa. Cả bọn anh, sau khi kéo nhau ra Sài Gòn "làm giặc" như má tôi nói, đi Gò Vấp, lăng Cha Cả "để nhậu" theo lời chú tôi, lại lôi nhau về nhà, bày bàn ghế ra sân, ồn ào ăn uống, đàn hát. Khói thuốc lá mù mịt, hơi rượu nồng nặc. Những khuôn mặt lấm với màu đêm, đêm khuấy động bởi những trách móc và những tiếng chửi thề, văng tục.

- Đ. m. một lũ hèn !
- Đ. m. toàn dân trốn lính !
- Để Việt Cộng vô thì biết, đ. m. tụi mày ăn chơi trên xương máu bọn ông. Một lũ chó đẻ, vô ơn. Thương binh, quả phụ tử sĩ phải xuống đường làm loạn mới được bố thí...

Anh chìm mắt trong đêm nặng nề, tôi tê liệt nép mình sau cánh cửa sổ.

Khi anh Công tử trận, hàng xóm xôn xao vài khoảnh khắc. Như khi anh Cảnh sát trưởng, anh Bảo cự tay, gia đình bên nội anh Đức — thiếu anh Đức — ở nhà quê dọn lên ở với ba má anh Đức vì bom đã phá tan nhà cửa. Phải rồi tai ương chờ đợi đang tới. Buổi tối xóm nhỏ chỉ có bọn trẻ con vô tình cười giòn vang rân hay đánh, cãi nhau inh ỏi. Tôi bồn chồn trông tin anh, tay chân bùn rùn, lạnh buốt đường lưng mỗi khi trong xóm vang lên tiếng khóc kẽ. Có những nỗi đau được ép xuống, giấu nhẹm. Nhưng cũng có những nỗi đau bùng vỡ, bất chấp. Giấu nhẹm hay bùng vỡ, nỗi đau nào cũng khiến xóm nhỏ đổi khác, làm điên người, héo tàn ước vọng. Những buổi về phép của

đám lính trẻ đã thưa thớt, những lời uất ức, giận dữ hoà tan trong nỗi bất lực và chịu đựng chung. Vì những điểm tựa, những dấu mốc không còn. Một thế giới nhỏ bị bỏ quên. Như bị bỏ quên ? Ồ không, bên ngoài, thiên hạ vẫn theo dõi cuộc chiến, bằng đài truyền hình, đài phát thanh, bằng điện thoại viễn liên, trăng đỏ, công khai hay bí mật, từ thường dân đến toà Bạch ốc, Ngũ giác đài hay điện Cẩm linh, theo dõi những cuộc hoà đàm không ngừng bị... bế tắc, những trò diêm đêm, có chuyen đi ban ngày, có chuyen đi ban đêm. Kissinger với Lê Đức Thọ. Kissinger với Chu Ân Lai. Chuẩn bị cho Nixon và Mao gặp gỡ cùng ăn vịt Bắc Kinh và trăm thứ trân hào hải vị. Cho Brejnev sang Mỹ tay bắt mặt mừng Nixon. Cùng nhau ký những thoả hiệp về thương mại, kinh tế, kỹ thuật. Để bọn con buôn khí giới xoa tay sung sướng. Và Nixon còn toan tính ra ứng cử thêm lần nữa. Dân Mỹ, dân Tàu, dân Nga sống yên ổn, bình an và (lành đạo hứa hẹn thêm) sung túc nữa. Linh Mỹ khăn gói về quê, về luôn. Trừ những người đã chết. Năm 1972, anh cũng từ Lào về, tạm về thôi. Anh là một khối thép lầm lì, đau đớn. Vì chiến dịch Lam Sơn, vì mùa hè đỏ lửa ?

Chú tôi nói :

- Bạn bè đồng đội của nó chết gần hết...

Tôi nhẹ nhõm trái tim nhưng sao mắt vẫn muôn nhìn nơi khác, hai chân quẹo ngõ sau. Và khi lỡ kẹt phải trực diện, phải trả lời anh, tôi dãm dǎng thách thức, vô lễ ngạo mạn. Sau đó lại ngồi khóc như một con điên.

Buổi tối, anh chặn tôi sau hẻm, bàn tay nóng như sáp bóp vụn và đốt cháy vai tôi :

- Tại sao ?
- Tại sao... sao ?
- Tại sao... em né tránh anh ?
- ...
- Tại sao ?

Hơi thở anh sát mặt tôi, hai con mắt sáng rực trong đêm tối, vai tôi đau đǐng và tôi nghe như chân mình sắp khuynh xuống, tôi nhắm mắt, nói thật nhanh :

- Tại anh uống rượu nhiều...

Bàn tay anh nói lỏng rời nắm lại, anh cười gần :

- Chỉ vậy thôi ?
- Tại anh hút thuốc...

Anh phì cười, đổi thế đứng, nhốt tôi vào giữa hai cánh tay anh đang chống thảng lên vách ván nhà bà Tám. Hẻm vắng không một bóng người. Nửa mặt anh chọt nghiêng vào vùng ánh đèn vàng từ trên cửa sổ hắt xuống. Tôi thấy rõ sống mũi cao hơi gãy, bờ môi chế nhạo của anh, tôi cố gắng thản nhiên :

- Anh thay đổi rất nhiều, anh nhậu nhẹt... ăn nói tục tằn, hay chửi thề...

Anh cười lớn khiến tôi giật mình nhìn quanh. Anh dùng thân đè áp tôi vào vách, bàn tay giữ nghiến khuôn mặt tôi, những ngón tay nóng bỏng thô nhám sờ soạng trên mặt mũi tôi. Và lần xuống vai, ngực. Tôi run rẩy vừa sợ vừa tức tối... Tôi muốn vùng vẫy nhưng tay chân đã bị kềm cứng. Anh hôn sôong sã lên mặt tôi vừa nói trong tiếng thở dồn dập :

- Anh sẽ không uống rượu, không hút thuốc, không nói bậ... Anh hứa với em... Đã từ lâu lầm... Anh... đã từ lâu... Anh

không hiểu... tại sao em... thay đổi. Xin hứa với em... Chỉ có vậy thôi sao... Anh yêu em. Nhớ em. Có yêu anh không ? Có nhớ anh không ?

Trời đất ơi. Trời đất ơi. Trong một thoáng tôi nhắm nghiền mắt, ngất ngây và sợ hãi, sung sướng và thất vọng. Anh có thay đổi gì đâu. Ô, đây chỉ là xóm nhỏ của chúng ta. Đã dành xóm nhỏ như trăm nghìn xóm nhỏ khác. Nên không có cây cỏ diễm lệ, không có tiếng nhạc dịu êm, không có thiên thần bay lượn ban phép lành. Nơi trẻ con đùa giỡn, người lớn chửi nhau. Không phải là nơi tỏ tình. Bàn tay anh đang vò nát những bồn chồn, mơ mộng. Nụ hôn anh đang xoá hết những thương nhớ tuyệt vọng mà đẹp đẽ. Tôi ràn rụa nước mắt. Anh có khác gì thiên hạ. Là đời sống đó sao, những buổi tối hẹn hò nơi quãng vắng (có hẹn hàn là may !), những thân hình dính sát vào nhau. Là tình yêu đó sao, những buổi sáng bơ phờ mặt mũi, vì nhớ nhung vì con tim đã bị chiếm, nên có những tiếng mắng mỏ của những người mẹ thô vụng. Tiếng hát hò mai mỉa của những con bạn khác, xấu xí hay chưa kịp có bồ

*Con gái chơi với con trai
Về sau hai vú như hai quả dừa.*

Coi kìa, phút này là giờ phút tôi đã ước mơ, tiếng yêu em là tiếng tôi đã trông chờ, tôi muốn đáp lại nhưng.... Có điều gì vướng mắc, không yên, bao nhiêu lần tôi trách mình quái đản vô duyên, mâu thuẫn và tàn ác !

Tôi nhớ lại buổi tối năm xưa. Và chợt bừng hiểu. Vừa buồn giận vừa thất vọng. Đúng rồi. Nỗi hoang mang, hụt hẫng của tôi trước những đổi thay của xóm nhỏ chỉ là một cái cớ. Phượng chỉ là một cái cớ. Chối bỏ công dụng của thuốc lá, rượu chè, lời chửi tục cũng chỉ là một cái cớ. Anh không nhớ gì sao, cũng một buổi tối, buổi tối năm xưa. Tôi vừa lên đệ tú, anh sắp thi tú tài. Buổi tối đó... Nhưng làm sao giải thích ? Kể phải biện bạch là anh chứ không phải tôi !

Cho nên tôi đón đau bình tĩnh lại. Chậm chạp, tôi tháo gỡ vòng vây, du nhẹ anh ra rồi quay lưng chạy về nhà.

Trong gương mờ nước mắt, tôi thấy mình xấu xí, là con bé lẹ lem chưa thoát xác mà muôn được nâng niu như công chúa ngủ trong rừng ! Sao chúng ta không thể khác đi một chút ? Sao anh không kể rõ nỗi đau, tấm lòng tuyệt vọng ? Tôi sẵn sàng cháy tiêu trước cái nhìn say mê của anh. Ủ, chúng ta là những hạt bụi, những chiếc lá, những con chim nhỏ, nhưng bụi cũng biết tung bay trong vạt nắng, lá biết reo hò rung động trong gió nhẹ, chim chóc cũng biết ríu rít gửi nhau lời âu yếm. Khi nãy anh có nói tiếng yêu. Chỉ một lần suốt mấy năm dài, trong đêm tối và trong lúc không... tỉnh táo. Tôi lại nghĩ ngợi, nghĩ rằng anh đang say đấy mà thôi, tình yêu phải khác ! Tình yêu là kết quả đôi tim đồng nhịp, là chỉ nghe thấy nhau, xung quanh là bóng mờ, những người con gái khác vô duyên, những người con trai khác tầm thường.

Tôi không tin nhưng rõ ràng tôi thấy mình thấp thỏm chờ anh hôm sau, mong một lời dịu ngọt, tôi sẽ xin lỗi anh, nhưng anh đã về đơn vị. Tôi chờ đợi một lá thư, một lời tuyên bố êm ái. Khi nhớ đến bàn tay anh, chợt rung động, điên đảo, kinh hoàng. Một trận nào cũng không yên tĩnh ? Cho nên tôi chẳng nhận được thư. Và trong lần về phép sau, anh không ghé nhà tôi một phút. Chú tôi đi vắng. Quý vào trường khoe bạn bức tranh tí hon bằng gỗ khắc một con nai giữa rừng thu cao

nguyên và làm mặt lạ với tôi. Đúng là men say đã nói yêu tôi đêm nọ mà ! Khi tỉnh lại anh quên hết, quên hết.

Cho nên khi anh về lần nữa tôi trả thù, tôi lại lạnh lùng, xa cách. Người không yêu sao tôi phải ân cần và nhất là thú nhận rằng tôi yêu ? Anh đã già hơn, chín chắn hơn buổi tối năm xưa, tại sao anh chưa trưởng thành ? Chưa thay đổi ? Tôi mười tám khác với tôi mười bốn.

Có những giải thích không thể nói thành lời, có những bí ẩn không thể đưa ra ánh sáng. Ánh sáng chói chang, thiêu da bong thịt, đốt cháy vũng mạc. An nguy là chỗ đó.

Chú tôi nói :

- Phú tài lầm, bỏ hút thuốc rồi, chừa rượu cái rụp !

Hình như không ai còn nghe một tiếng chửi nào nữa, tôi mỉm cười khi anh nói "lựu đạn" hay "ó đâm" hoặc "chị nó" để chấm câu mỗi khi tán chuyện với bạn cũ. Buổi tối anh ngồi trên bao lơn nhà anh, nhìn sang phía nhà tôi, chờ đợi, mong ngóng. Tôi không dám đi về qua hẻm vào buổi tối, chỉ đứng ở cửa sổ nhìn xuống. Trước bữa anh đi, bên bàn nhậu bạn bè, anh uống rượu say, anh lè nhẹ hát, lè nhẹ phân trần, đôi co với bạn bè (tao nói với tụi mày tao chừa thuốc trước rồi chừa rượu sau) rồi bỗng nhiên, hướng lên mặt trời, phía bao lơn nhà tôi, hỏi lớn :

- Tại sao ? Tại sao ?

Có vài lời hồi đáp, lè nhẹ chăng kém :

- Tại... tao !
- Tại nó !
- Không, không, chỉ tại trời !
- Tại bọn Việt cộng ác ôn !
- Đả đảo Việt cộng ! Hoan hô bọn Ó đâm ! Nhảy dù số một !
- Biệt kích số hai ! Không quân đồng hạng !
- Con gái... hạng bét !
- Không, nhân dân tự vệ hạng... chót !

Cả đám ồn ào tiếp tục vùi đầu vào những chai rượu. Câu hỏi dành riêng cho tôi cũng không được trả lời. Bộ tôi phải chạy xuống sê sàng kể lể rồi chàng nàng ôm nhau khóc mủi mẫn, trước những tiếng vỗ tay tán thưởng của bá quan văn võ ? Anh còn có rượu để quên và thêm can đảm.

Rồi lâu lầm, anh không về phép. Tôi ngóng trông, hồi hộp, loay hoay sửa soạn lời giải thích. Quý giận tôi luôn, không hẹn cùng đi đến trường Văn khoa, không giữ chỗ trong giảng đường cho tôi nữa. Phượng câm nín nhưng ánh mắt hồn học, nguyên rùa.

Vào tháng hai năm 73, sau khi hiệp định Paris được ký kết, những hàng binh, tù binh, thương binh ba bên bốn phía được trao đổi, có những tiếng súng bớt đi khiến hy vọng bùng lên. Hãy cho những người tình được trở về vĩnh viễn, người tình trẻ, người tình già, người tình xưa cũng như người tình nay, người tình tương lai. Người tình đã, người tình sẽ, người tình chưa tuyên bố anh yêu em. Em út tôi, ngây thơ, hờ hét cả ngày... *Khi đất nước tôi thanh bình, tôi sẽ đi thăm... tôi sẽ đi thăm...³. Khi tôi về, con chim câu nằm trong tổ ấm, dây thép gai đã hết rào quanh đồn phòng ngự⁴.*

Chú tôi hỏi :

- Nghĩ dùm chú xem, nên cưới cô Loan hay cô Đào. Cô Loan

học luật, cô Đào học ngân hàng sắp ra trường.

- Cô nào cũng đẹp cả và có tương lai, cháu thấy chú nên lấy quách cả hai.

Tôi biết chắc rằng rồi chú sẽ chẳng lấy ai.

Bà tôi giận dữ :

- Còn lâu mới có hoà bình, hãy nhớ những lần "hữu chiến để đồng bào ăn tết"...

Má tôi lo lắng :

- Rồi lại sẽ có tổng tấn công ?

Quả thật chẳng có ai ăn mừng trừ những người mơ mộng và có tâm hồn ngây thơ như trẻ con và thi sĩ. Thiên hạ lẩn đất, chiếm dân, cấm cờ, xin quốc tế làm biên bản những xâm phạm điều khoản hiệp định. Họ càng xông xáo hăng hái, những người tình càng mất cơ hội trở về. Tôi không là công chúa... ngủ trong rừng, tôi chỉ chờ đợi người về để cùng nói tiếng yêu. Nhất định sẽ nói. Bất kể ngày hay đêm, hèm tối vô duyên hay vườn hoa hữu tình. Bất kể môi hôn nồng nàn hay bàn tay sàm sỡ. Tôi lỗi gì đâu đâm rượu bia, thuốc lá hay những tiếng chửi tục tặc, những lời nguyền rủa. Tôi lỗi gì đâu khi con tim đang yêu lại cận kề nỗi chết...

Cho tới cuối tháng ba năm 75, tình hình sôi động, mọi người hoang mang, nhốn nháo. Ba tôi chạy đi dọ hỏi đủ thứ chuyện, có những cuộc thảm sát giống ở Huế hồi Mậu Thân ? chạy liều ra bến Bạch Đằng sẽ có ghe thuyền đưa ra khơi gặp Đệ thất Hạm đội ? Nhưng rồi ông cũng chỉ đi ra đi vào, thở dài nghe dài phát thanh, chặc lưỡi lắc đầu. Má tôi may cho mỗi đứa con một chiếc túi vải, chia tiền bạc, giấy tờ, dặn dò kỹ lưỡng. Tôi hốt hoảng, vội bắt chước Lara, nguêch ngoạc viết mấy chữ cho anh, ghi địa chỉ bên nội, bên ngoại, viết một chữ thương nhớ nhỏ xíu bên trên chữ ký và lén lên nhà anh, nhét tờ giấy xếp nhỏ, dưới chậu cây chanh, mong một ngày mưa bão, anh râu tóc xồm xoàm, sẽ trở về xóm nhỏ.

Khi anh gọi điện thoại về, má tôi mừng quýnh :

- Má cháu mất ăn mất ngủ mấy tuần nay...

Rồi bà hé ra ngoài bảo đứa nào chạy sang kêu bác Hai có anh Phú điện thoại từ miền Trung về.

- Cháu đang ở phi trường X., điện đài máy móc còn nguyên nhưng ông lớn chạy đâu mất, Việt cộng chưa vô, lính tráng có người còn gác, cháu...

- Trời thần ơi ! Còn gác ghiếc gì nữa, quân Cộng sản tràn từ ngoài Bắc vào, có xe tăng, tàu bay... Cháu hãy tìm cách về Sài Gòn, xem có trực thăng, tàu thuỷ xin quá giang mà về cháu ơi... Đường bộ nghe đâu không dùng được...

Từ đó tôi không còn gặp lại anh nữa. Quý và người yêu chạy thoát sang Mỹ ngay từ đầu tháng tư. Vợ chồng bác Hai bị lùa đi vùng kinh tế mới với những đứa con nhỏ ít lâu sau đó.

Bốn năm sau đến lượt gia đình tôi vượt thoát bằng đường biển.

Trước đó một dạo, lần đi hụt thứ nhì, trước đêm giã từ xóm

nhỏ, tôi kiếm cớ xin lên khu vườn tí hon xưa cũ. Ngậm ngùi trước những cây lá xác xơ, riêng lá thư ngày nào đã bị gián chuột găm nhấm lỗ chỗ, nét mực nhạt nhòa, chữ còn chữ mất, Zhivago có về cũng chẳng biết ai là Lara.

Khi đời sống tôi nơi quê người đã tạm yên, anh chợt về trong những giấc mơ, hai con mắt đỏ giận dữ " tại sao ? ". Tôi tìm kiếm, hỏi thăm. Lục văn Quý, tra khảo chủ tôi. Quý lạnh lùng vẫn tắt kết tội : Gia đình tôi không tin tức anh từ đạo ấy. Bạn hãy quên các quá khứ đi để sống cho trọn vẹn.

Phương gửi mấy câu thơ :

Ư thôí trí nhô rồi như gió
đêm thôí từng con qua biển đông
Em vui áo lụa mềm lung phô
bỗng động lòng thương kẻ cuối đường⁴

và viết tiếp, mỉa mai, đau đớn : " Tao tưởng mày phải hỏi tin người ta từ mươi năm về trước ? Bây giờ cời tro khuấy bụi quá khứ để làm chi ? Trễ rồi !

Có trả vay gì ? Đέ kiếp sau !⁵"

Chú tôi nhăn nhó :

- Về Việt Nam chỉ có hai tuần, vừa đi thăm bà con vừa đi coi mắt người ta, thì giờ đâu chú ra ngoài Trung ? Thị chúa cố gắng... Nghe chúa đây. Chú của cháu, lúc nào cũng hướng về tương lai, cháu thực tế lắm. Hãy bắt chước cháu. Thằng Phú... không còn nữa đâu.

Chú quên hết dĩ vãng ? Sao tôi giờ chú vẫn độc thân ? Sao lâu lâu cứ thấy cháu điện thoại cho bạn, đường viễn liên mà say sưa nói, say sưa nghe, cả giờ đồng hồ, toàn những chuyện bắt đầu bằng : tao nhớ lần đó... mày nhớ không,... hồi đó...

Khi cháu trở lại Mỹ, hỏi gì cháu cũng lắc đầu, thở ra. Chú không bằng lòng cô nào ngày xưa nên bây giờ chẳng có cô nào bằng lòng cháu. Ba tôi phàn nán cháu mày vừa già vừa giàn, bịnh quá, ai chịu cho nổi. Má tôi bảo tại con gái thấy Việt kiều ùn ùn về quê cưới vợ cho nên làm cao, ngoài chuyện phi xuất cảnh bất thành phu phụ, các ông phải trẻ, đẹp trai, có địa vị xã hội vững chắc. Sự thật cháu cũng đâu có vừa, cháu muốn cưới vợ "người mình" và thím tôi phải không xấu quá, cõ... "hoa hậu hay á hậu thành phố", nếu hiểu biết rộng, nữ công gia chánh vụn toàn "càng tốt", chỉ thiếu chút nữa thì cháu đòi "phải biết cùng nhìn về một phía" với cháu. Chú nghe cháu đây, cháu sẽ mãi mãi đi tìm vì cháu đã không thể quyết định. Chú chỉ là một nạn nhân của cuộc chiến ngày xưa.

Tôi thấy anh trong những người lính ngồi quây tròn quanh trái lựu đạn vừa mở chốt. Anh có nhớ gì không lúc đó ? Mẹ cha, em út ? Người yêu ? Câu hỏi ngày xưa, hãy hỏi em. Anh hãy hỏi đi, em trả lời. Dạ có, dạ ừ, dạ vâng.

Tôi thấy anh cởi bỏ quân phục, vứt giầy bỏ nón, chỉ giữ lại chiếc dao găm hay viên đạn đồng nhỏ như một điểm tựa, một chút tính danh. Câu hỏi ngày nào, anh có vứt bỏ đi không. Sao anh không chờ lời biện bạch ?

Tôi thấy anh gầy gò xanh mướt, phải đập đá, vác củi, khênh nứa nơi rừng núi lậ. Tôi thấy anh chết vùi vập ở xó rừng nào đó vì một món nợ máu. Còn món nợ tôi còn thiếu anh ? Sao không cho tôi trả bấy giờ ?

Buổi tối năm xưa, buổi tối ấy, bọn trẻ con chơi trò trốn kiém. Con Quý che mắt, quay đầu vào vách bắt đầu đếm :

³ Trịnh Công Sơn, Đồng dao hoà bình.

⁴ Thơ Kim Tuấn, nhạc Phạm Duy.

⁵ Thơ Du Tử Lê, trong Ở chỗ nhân gian không thể hiểu. Nguyễn Văn Câu cuối : Có động lòng thương kẻ cuối đường.

- Năm, mươi, mươi lăm, hai mươi, hai mươi lăm...
- Cả bọn chạy toé ra mọi ngả. Tôi nhào lên gác nhà anh ; anh đang ngồi học :
- Anh Phú ! Anh Phú ! Chỉ chõ em trốn cho kín đi.

Anh gấp sách, đứng dậy vừa gõ nhẹ vào đầu tôi :

- Lớn rồi sao cứ chơi trò con nít ?

Anh dẫn tôi ra ngoài ban công, thu xếp, kéo những chậu cây cảnh dọn cho tôi một chỗ nấp.

Bác Hai, ba anh, đã biến cái ban công nhỏ thành một khu vườn treo. Hoa lan, hoa mười giờ, vạn thọ, cây kiểng, xương rồng rồi cả rau, ớt... Tất cả được chăm chút, bón tưới cẩn thận. Thông thường đến các con nhỏ của bác cũng không được phép bén mảng ra đây. Bọn con nít chúng tôi vẫn hay đứng bên dưới nhìn lên khi bác ra săn sóc khu vườn con. Thỉnh thoảng bác nghiêng đầu nhìn xuống, tay rảy rảy nước, vui vẻ nhìn chúng tôi đang vừa chạy tránh ra bốn phía vừa cười rú lên, có khi bác ném xuống một vài bông hoa, lũ con gái nhào tới, té đồn cục, giàn giụt. Đứa nào được thì hí hửng chạy đi, những đứa khác, day mặt lên nắn nì xin bác ném cho một đoá hoa khác " xâu xấu " hay " heo héo " cũng được. Tôi chỉ lén xin anh, muôn hoa nào cũng có, để ép vào quyển vở chép bài ca.

Tôi sung sướng, ngồi khuất trong bóng tối chở che và cây lá thơm tho của vùng cẩm địa. Tôi không quên đắn dò anh :

- Anh không được nói với Quý à nhen...

Chỗ trốn tốt thật ; tôi ngồi tê chân chẳng con ma nào đến tìm. Dưới hẻm không còn bóng người qua lại, chỉ có tiếng dài phát thanh, tiếng nói chuyện trong vài căn nhà vắng vắng bay lên, âm còn, âm mất. Ngọn đèn vàng ở quán nhậu bà Ba không đủ soi sáng lòng hẻm. Ban công tôi om, lá cây chanh thơm ngát, tôi vò lá trong tay, lẩm nhẩm ôn bài học. Tóc thê đã chấm ngang vai. Nào lời non nước, nào lời sắt son. Sẵn bùm chút phận con con. Khuôn viên biết có... Khuôn viên biết có... biết có... vuông tròn hay không.. Khuôn viên biết có vuông tròn cho chặng... Khuôn viên biết có vuông tròn cho chặng... cho chặng...⁶. Rồi sao nữa ? Chịu ! Ngày mai cô kêu lên bảng trả bài, chắc chết. Tôi đứng dậy loay hoay tìm cách chui ra thì anh đã đến tự lúc nào. Anh hỏi, giọng dịu dàng :

- Tưởng anh quên phải không ? Em lạnh không ? Sợ ma không ?

Vừa nói anh vừa kéo những chậu cây, khai mở một lối ra cho tôi. Bất ngờ, một nhánh chanh quật ngược về phía tôi, gai chanh sượt cánh tay tôi đau buốt. Tôi kêu lên một tiếng. Anh giật mình, tôi giơ tay lên nhìn : một đường máu rướm đen trên cánh tay trắng nhờ trong bóng tối. Anh nâng tay tôi và chợt cúi xuống, đôi môi nóng phớt trên cánh tay lạnh. Tôi rùng mình, ngơ ngác. Anh kéo tay giúp tôi bước ra rồi bất thắn quàng tay ôm tôi thật chặt, tôi nghe tim anh đậm thình thịch và tiếng anh lắp bắp gọi tên tôi. Tôi hốt hoảng vùng vẫy và tuôn chảy, đạp nhau lên những khóm hành lá, rau răm. Sợ như chưa bao giờ sợ.

Từ buổi tối đó, tôi không còn chép bài ca và không vào nhà anh nữa dù mỗi lần đi ngang, đôi chân bỗng cuống quít, đôi má

nóng bừng và trái tim giật dỗi. Tôi không còn tham dự những trò chơi con nít. Tôi cố gắng đi đứng chững chạc, nói năng điềm đạm ; tóc tai thu vén, bỏ guốc mộc để mang giày cao gót. Tôi hết là con nít. Và mang trong lòng một vết thương không tên.

Anh có nghe không, những lời biện bạch ?

*Em chạy tìm anh ngoài cõi gió
Lửa oan khốc giòn cười ghê hồn
Tiếng kêu đá lở long thiêng cổ
Cát loạn muôn trùng xoá dấu chân⁷*

Quý ơi ! Hãy thông cảm tôi. Phượng ạ, đừng vào tu viện khi còn lòng oán giận. Chú rầy oan chúa. Đừng quá bất công với tôi. Với bất kỳ ai về chuyện quá khứ. Quá khứ của chúng ta có khác gì nhau đâu, bởi chúng ta chỉ có *một* quá khứ. Một quá khứ dài đặc và còn tiếp tục trôi chảy. Chối bỏ hay thăng hoa cũng chẳng thay đổi được gì. Quá khứ tôi là khoảng sông thuyền tôi đã đi qua, dừng phiền tôi ở hờ tay lái vì con tim còn bận bịu ở bến xưa, vì tôi mãi huyền thuyền về những gấp gẽ hai bên bờ, vì tôi đau đớn mất mát ở một khúc quanh nào đó, dừng giận hờn vì thuyền tôi quay ngang, vô tình làm trễ tàu của người, hãy tiến lên, hãy vượt qua. Rồi người cũng có lúc sẽ ở hờ tay lái, bận bịu con tim và huyền thuyền kể lể. Tôi sẽ sung sướng lắng nghe. Rồi chúng ta sẽ gặp nhau ngoài biển cả, để cùng nhau bùi ngùi nói về những món nợ không bao giờ trả nổi.

PHAN THỊ TRỌNG TUYẾN

10.01.93

HOÀNG PHÙ NGỌC TƯỜNG

Gửi Cho Người

tặng Nàng

*Thôi xem em là bông hoa
Một ngày qua một ngày qua — một ngày
Thôi xem anh là đám mây
Một đường bay một đường bay — một đời*

*Tài hoa cũng chuyện đua chơi
Làm sao thua hết một lời yêu thương
Anh đi tìm khắp thiên đường
Chỉ còn một đoá vô thường gửi em
Gửi em một nét sông mềm
Con đò áo trắng đã chìm trong mưa
Răng sông buồn tự thuở xưa
Vầng trăng mộng mị bây giờ là anh
Về trong huyền sử cũng đành
Gửi em hương phấn kinh thành chưa nguội*

*Mùa thu anh góp tơ trời
Đệt vàng lụa gửi một người Huyền Trần
Gửi hoa hồng cho mùa xuân*

Mỗi hồng riêng gửi thiên thần đắm say

Anh cầm ngọn gió trên tay

Gửi cho trần thế những ngày rong chơi

Gửi nghìn năm cho mây trời

Gửi cơn mê đắm cho đời phù du

Gửi thêm một chút sương mù

Vào trong đôi mắt hồ thu của người

Huế, 12.1992.

⁶ Nguyễn Du, *Kiều*.

⁷ Tô Thuỷ Yên, trong *Thơ miền Nam* của Võ Phiến (Văn Nghệ, USA, 1991)